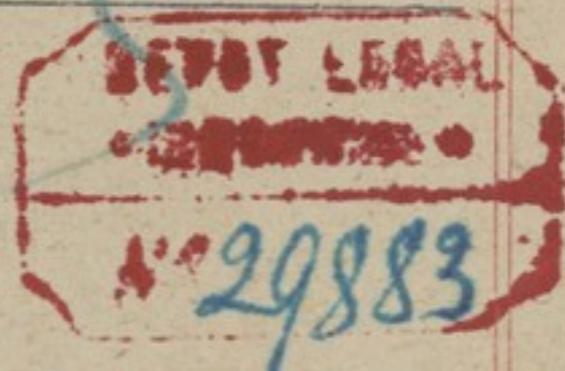


*Dépot Legal.
Certifié ^{moys} pour deux mille exemplaires
L'éditeur*

NGHE THUAT TUNG THU

THIẾU - SƠN

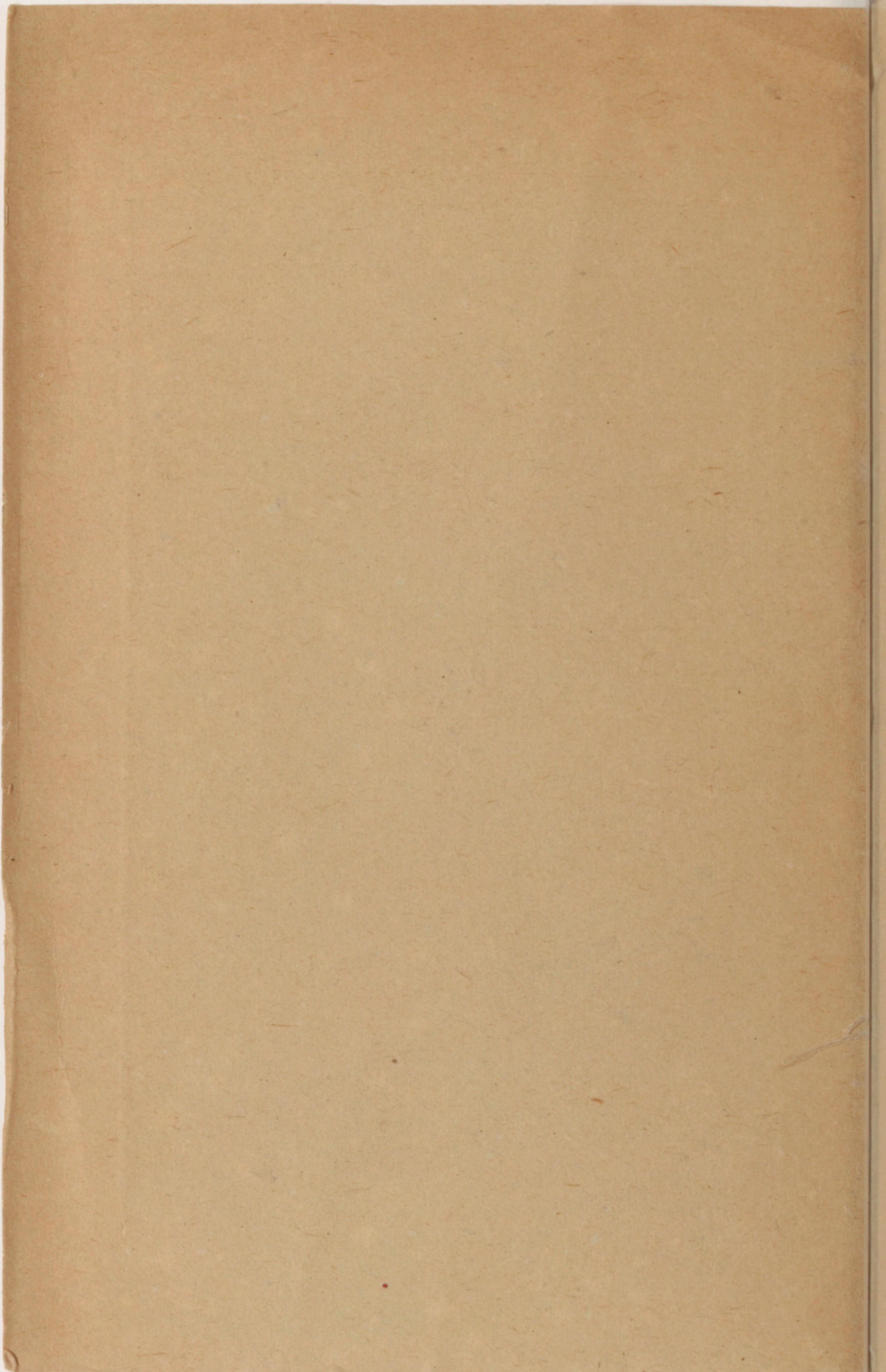


CÂU CHUYỆN
VĂN-HỌC



Cộng lực

8^e
Indoch
2851



8°
Indoch.
2851

Võ phi Hùng, Cựu HS Petrus Ký, 67-74
gởi tặng Kho sách xưa của Quán Ven Đường



THIỀU-SƠN

CÂU CHUYỆN
VĂN-HỌC



Công lục



THƯ VIỆN

CÁU CHUYÊN

ĐỌC - XĂM



Kính cáo độc giả

Đài Vô-tuyến-diện Saigon có nhã-ý mời tôi nói «câu chuyện văn-học» với những thính-giả ở cùng khắp bốn phương.

Tôi đã nhận lời, nhận việc và làm ròng-rã trong bốn tháng, từ tháng Juin cho đến tháng Septembre năm 1943.

Lời nói của tôi đã được bay bồng lên không-trung để tìm tri-âm trong thanh-khi.

Nhưng tôi còn muốn giữ lại lâu hơn để làm kỷ-niệm cho các bạn văn-chương.

Nhân đó mà tôi nhập lại với nhiều bài văn khác, cho xuất-bản thành cuốn sách mọn này.

Mong các ngài chiểu cõ.

Gia-định, ngày 16-9-43.

THIẾU-SƠN

Nghệ văn-sĩ

Nhiều khi nhà văn chúng tôi có dịp phải giao thiệp với những người khác giới. Đối với nhiều người chúng tôi không gián từ gởi thiệp mà là văn-sĩ.

Không phải chúng tôi không biết quý-trọng nghệ-nghiệp, nhưng thật ra chúng tôi sợ người ta không biết nghệ văn-sĩ là nghệ gì và nghệ đó đã làm ích gì cho xã-hội.

Có một lần quá nóng về chuyện tương lai, tôi đã vô-lận Chợ-lớn kiêm coi một ông thầy bói. Ông người Tàu, tuổi già, mắt đui, và nói tiếng An-nam lụi-dụi lắm. Ông không cần biết tên, ông chỉ cần biết tuổi..

Ông hỏi ít câu. Tôi nói ít lời. Rồi ông nhập định một hồi, kê ông nói :

— Tuổi Thân này làm cái gì kỳ cục lắm. Cái miệng cứ phải nói hoài mà nói cho người ta nghe mãi mãi.

Tôi bất-túc-cười, và chờ rằng ông thầy này đã « thấy » một cái gì đặc-biệt mà khó nói vì trong đầu-đe đơn-giản của ông không có sẵn bịnh-bệnh của một nhà văn-sĩ.

Mà phải, thiên hạ cần đến người nông phu để có gạo, cần đến chủ đầu bếp để nấu cơm. Họ cần có thợ may, thợ giặt, thợ mộc, thợ hò, nhưng họ cần chỉ đến văn-nhân và nghệ-sĩ.

Bởi họ không cần nên họ có quyền không biết tới.

Mà nghĩ cho cùng thì văn-chương thiệt là một thứ xa xỉ phẩm, chỉ có thể tiêu thụ được với những người dư ăn, dư đê, dư ngày giờ, rảnh tâm trí.

Còn những người làm lũ quâ, vất vả quâ, ta không nên trách họ lanh đạm với văn-chương, ta chỉ nên thương họ mải lo sống mà quên luôn cả tới ý nghĩa của sự sống của mình.

Tuy nhiên, nếu người ta có thể cách biệt nhau về giai cấp, về địa vị, về gia thế thì người ta lại thường gần gũi nhau về cảm giác với tâm tình.

Nhà nghèo biết khổ thì nhà giàu cũng biết khổ. Kẻ sang biết yêu, thì người hèn cũng biết yêu.

Có tiền của ăn học biết nghĩa lý ở đời. Không tiền của mà được ăn học cũng thành nên người thức giả.

Nói về phương diện đó thì văn-chương lại không phải là một xa xỉ phẩm nữa mà là một món ăn cần thiết cho tinh thần nhân loại khi bùn loại đã biết rõ công dụng của văn-chương.

Rải rác trong không gian, mỗi người chúng ta đều trải qua những cảnh ngộ éo le, đều ôm riêng một bầu tâm sự, đều có lúc thỏa thức ở thăm italiani, đều có hồi ức khắc trong trí-não.

Những lúc đó ta cần có người bạ tri-kỷ để hiểu thấu lòng ta, nhưng phần nhiều ta vẫn thấy ta cô độc, mà thỉnh thoảng là cô độc ngay giữa chỗ đông người !

Lúc đó một quyển sách ngẫu nhiên từ đâu đưa lại. Trước hết ta đọc bằng con mắt lơ đãng vì ta đã khóa kín cửa lòng.

Nhung kia ! Sao mắt ta bỗng thấy sáng lên, lòng ta bỗng thấy rung động, rồi ta cảm thấy đời ta bớt cô quạnh đìu hiu vì ngay ở trong sách ta đã gặp bao người tri kỷ.

Từ đó ta sinh lòng yêu mến những cuốn sách cũn với những nhưa vật khả ái mà ta cho rằng tác giả đã vì ta mà cẩn tạo.

Sự thật thì cái huyền tưởng đó chỉ ở bên phía độc giả mà thôi. Tác-giả cũng như một người mẹ, trước khi đem con cưới gả cho người, đã từng từng tiu ấp ủ trong lòng, vì lo cho chúng nó mà quên ăn, mất ngủ.

Khi cụ chỉ có một cây viết, nhưng vật liệu thi bừa bãi khắp nơi.

Hoặc lang thang ngoài đường cái để quan sát cảnh báo nhiệt ồn ào.

Hoặc thơ thán nơi rừng hoang để cảm nhiễm cảnh vật êm cô tịch.

Hoặc đứng trước một nhan sắc yêu kiều để thâu vào làm kiều mâu.

Hoặc lắng nghe một câu chuyện lý thú để lấy ý cho một tác phẩm tương-lai.

Rồi bao nhiêu những tài liệu lộn xộn đó đến ngồi ngang dồn dập trong ký-ức của văn-nhân.

Chàng cứ tính toán hoài, cứ suy nghĩ mãi.

Nhưng tính toán chưa ra, suy nghĩ chưa chín, thì chàng lại băn khoăn, bức bối, ngồi không yên ổn, đứng không vững vàng.

Khách hiếu kỳ ném đèn đến một nhà văn khi cầu-tú sẽ thấy chàng có những thái độ đến túc cười.

Chàng hút thuốc đã đói. Rồi chàng ho sù sụ. Chàng uống vài hụm nước rồi chàng ra cửa ngoài trời, đất, cái bộ ưng dung nhàn hạ lắm. Nhưng tự nhủ ên mặt chàng cầu lại, mắt chàng đăm đăm, chàng chạy về bàn viết, chàng viết được ba chữ rồi chàng lại bối đi!

Lúc đó hết thấy đều là thù nghịch của chàng. Bạn đến chơi, chàng không thèm hỏi chuyện. Vợ lót, hỏi, chàng gắt gỏng ồn ào. Con láng chàng ở gần, chàng đuổi đi lập tức. Chàng muốn chung quanh đều yên lặng mà nếu có nói thì chỉ mình chàng được nói mà thôi. Chàng nói gì? Đó ai nghe trộm mà có thể hiểu được những lời chàng.

Hoặc là một tiếng thở dài chán nản. Hoặc là những câu nói lát gừng. Hoặc huyên thiên một hồi rồi lặng thinh, im bặt.

Có khi cả giờ, có hồi cả buổi, chàng cứ quanh quẩn trong phòng không làm gì nên chuyện. Rồi chàng liệng bát, xé giấy, khoác áo ra đi, mà lòng bức rúc, đau thương, như mới sảy ra một điều tai biến.

Chàng giận thâu, ghét đời, tự trách mình sao vô tài mà còn đèo bòng lấy cây viết của nhà văn,

Nhưng chợt có ánh hào quang ở đầu óc nó làm cho đôi mắt chàng sáng lên, cho sắc mặt chàng tươi ra như một bông hoa tím nhẹ khi xuân mà trở nên tươi thắm.

Cái hào quang đó làm sáng rực cả tâm hồn của chàng rồi bao nhiêu sức sống đều quay tụ lại hết để ráp những ý nghĩ rời rạc cho nó được thành nên một cái đầu đẽ sẵn sàng mà viết lên trên giấy.

Về tối nhà, có khi không kịp thay quần áo, chàng đã vội vã viết lia, viết lịa, viết vội về mặt han hoan, đặc ý, và thấy có hứng thú hõn bang.

Trong lúc đó và thứ nhứt là sau lúc đó thì chàng khoan khoái lâm, dẽ dãi lâm, yên dời lâm. Chàng thấy vợ chàng đẹp, thấy con chàng khôn, thấy nhà chàng không trang hoàng rực rỡ mà đầy một không khí êm đềm, thấy người viết tuy cũ mà chạy lệ như rồng bay, thấy điều thuốc thơm tho nhà khói ra đẽ đưa giữa với chàng và đẽ đưa linh hồn chàng lên cao, cao mãi!

Chàng không cho là chàng vô tài nữa. Trái lại thế. Chàng còn dám tưởng tượng rằng có lẽ chàng phải có tài quan chung, vì những áng văn hay như thế này trừ chàng ra còn ai mà viết được.

Nhưng sau một hồi tự đắc, chàng lại quên những cái chàng đã viết ra rồi chàng lại vò đầu, lại bếp trán, lại bức rức như gà mắc đέ, lại điệp cپồng lộp xộp trong bao nhiêu ngày

giờ để có cái mới lạ mà công hiến cho bạn đọc của mình.

Tới khi văn đã ấn hành, sách được xuất bản, nếu công chúng ân cần tiếp đón thì họ thấy ngay rằng đời là đáng sống và họ có thể tận tụy với nghề, dầu rằng số lợi-tức thâu vào nhiều khi không đáng kể.

Mà thật sự nghề văn ở nước ta còn rẽ quá.

Rẽ cả về tinh thần lẫn vật chất. Về tinh thần, nhà văn chưa được sự dâng xứng đáng của xã hội.

Về vật chất, nhà văn chưa thoát khỏi sự ám ảnh của những con ma đói, ma nghèo.

Bởi thế nên ta đã thấy có nhiều người chỉ hăm hở lúc đầu rồi lẩn lẩn chùn bước. Họ muốn gặp có địa vị, gặp được sang-giàu, tốt hơn là họ không làm văn-sĩ nữa.

Còn những người nào trung thành với cây viết của mình, là những người đã cảm thấy những vui sướng về tinh thần, những vui sướng kết cấu bằng bao nhiêu công phu, bao nhiêu nhẫn耐, bao suôn chiếu dấu trong thâm tâm, bao nỗi khọc nhẫn về tri não.

Ngoài ra họ còn nhận thấy một cái thiên chức về văn hóa mà cái thiên chức đó lúc này lại càng cần thiết hơn hết thảy lúc nào.

Họ cho rằng những tư tưởng của họ, những tình cảm của họ, những tin niệm chưa thành của họ rải rác ra từ phương sẽ có nhiều người hứa đỡ đỡ ôm ấp lấy vào lòng.

Những người này bình thường không biết nhau, không quen nhau, nếu k' ông cùu thi với nhau thì cũng không có gì là liên lạc.

Vậy mà sau khi đã đọc họ rồi, đã nhiễm họ rồi, người ta có thể nhận thấy được chỗ đại đồng tiêu di của nbrace loại, nhận biết được hoàn cảnh và thời đại của mình và hiểu rõ những trách nhiệm đối với quê hương xứ sở.

Ngoài ra văn-chương quốc-ngữ còn đương lúc phôi thai, họ là những người có khuynh-hướng về văn học, nếu họ không chăm làm trước bón thi họ sẽ đặc tội với tương lai.

Hàng hđ. nghe văn-si cũng như trăm ngàn nghe khác, chính khi cõn thua thõi người làm mới là lúc ta nên giành chỗ trước.

Rồi đây chữ quốc-ngữ sẽ một ngày một phô cập khắp dân gian, sách quốc-văn sẽ thiếu gì người tiêu thụ, Lúc đó nhà văn sẽ không lo gì không có một địa vị và không biết chừng sẽ giàu to !

Chúng ôi đã mang tiếng là sống trong một gác, hả chúng tôi không nên có cái ác-mộng đó sao ?

Nhà thi-sĩ

Cách đây một thế kỷ, ở xứ Provence về miền Nam nước Pháp, có một chàng thanh-niên 21 tuổi, sau khi đậu cử nhân luật về làng được cha kêu lại, ôn tòe mà nói:

— Con ơi, bây giờ cha đã làm hết bèn phận của cha rồi. Con được học nhiều hơn cha về tinh-trí trước. Tự con được lựa chọn nghề nghiệp của con. Cha cho con tự do đấy.

Không biết chàng đó trả lời với cha chàng làm sao, nhưng chàng có lời kỷ thuật như sau đây :

« Lập tức tôi liệng vô bụi bộ áo thầy kiệm của « tôi và tôi hoan hỉ đúng ngầm cái mà tôi « thương yêu hơn hết: cái cảnh sắc rực rỡ của « xứ Provencé ».

Chàng nói rồi chàng làm. Nhưng không phải chàng chỉ ngầm nhìn mà chàng còn diễn tả. Sau đó chàng trở nên một nhà thơ bất bù, một thi sĩ không dùng quốc ngữ Pháp mà dùng thè ngữ xứ Provence.

Thi nhân đó là Frédéric Mistral, tác giả tập thơ trứ danh Mireille.

Cái thiên tài của ông, người đương thời đã công nhận, thời gian đã duyệt y.

Tôi nhắc tới ông ở đây không phải là để ca

tụng ông, nhưng chính là muốn nói tới một người cha nhơn từ quá đỗi dãi.

Cho con ăn học tái bức cứ nhân luật mà cũng cứ vui lòng cho nó lột áo luật sư mà làm nhà thi sĩ.

Cũng thời đó có một thi nhân khác khi ra đời thì cha đã tóc bạc mà mẹ còn thanh xuân.

Rồi cha từ trần, mẹ tái giá, chàng dan díu với Nàng Thơ nhưng chàng đã bị rầy la thâm-tệ.

Tôi muốn nói tới Charles Baudelaire, một quái kiệt trong làng thơ nước Pháp.

Rộng lượng như thân phụ của Mistral thật trên đời ít có.

Còn những bà mẹ la trời trách đất, vì con bị Nàng Thơ quyến rũ bá đâu phải thiếu dạ thương con?

Chính vì quá thương con mà muốn cho con làm nghề gì khác hơn là làm thi-sĩ.

Mà phải. Khi thiên hạ ngó xuống thi nhà thi-sĩ hay ngược mắt nhìn lên.

Ngó xuống thấy đường đời rõ rệt đi không vấp, chạy không té, sự thành-công thường ít nỗi khó khăn.

Nhin lên thấy không trung bát ngát, linh hồn bị mắc mìn ở cõi xa xăm nên thân thể bay trôi nổi trong cảnh đời mưa gió.

Tuy nhiên, sắc lịnh Thiên đình bao giờ cũng có thế lực hơn cả oai quyền của cha hay ý muốn của mẹ.

Nhà thi-sĩ ngay từ lúc phôi thai đã có những khynh khong khác thường và những khả năng đặc biệt.

Càng như một con thú lạc đà giữa nhau
gian xã hội.

Khuô khát những cái thiền hạ không màng,
chẳng thường lanh lạm với những cái người
thà thiết.

Đời thích giàu sang, ham quyền quý, lận hụp
trong nhau đe tu lợi, mài miệt trong giấc mộng
phù sah.

Nhà thi-sĩ ngày ngất với ánh bình minh, bão
hoan trước vầng trăng sáng khi siêu thoát trên
đỉnh núi cao, lúc trải lòng trên làn sóng bạc.

Tâm hồn chàng thường trong sáng phiêu
nhieu, tình cảm chàng rất dồi dào phong phú.

Bên Tàu có Tô-dông-Pha là tay thi bá. Thơ
văn ông để lại rất nhiều, nhưng trái danh hơn
hết là hai bài « Phú Xích Bích ». Bài « Tiền
Xích Bích » có đoạn tả cảnh chơi thuyền đêm
trăng mà Ông Phan Kế Bình đã dịch như sau
này :

« Một lát, mặt trăng mọc trên núi Đông-sơn,
& đi lồng thũng trong khoảng hai sao Ngưu,
& Đầu.

« Khi đó sương tỏa trên mặt sông, vè nước
« trong tiếp gần chân trời.

« Tha hồ cho một chiếc thuyền nhỏ đi đâu
« thì đi; vượt qua trên mặt nước mênh mông
« muôn khoảnh. Nhẹ nhàng như cõi gió đi trên
« không mà không biết là đi đến đâu, hờn hờ
« sang sương như người quen đời đứng một
« mình mọc cánh mà bay lên tiên...»

Mấy câu đó sực tả được cái phong độ của nhà
thi-sĩ.

Giữa cảnh bước, trời gấp gõ. Ông sang
sương như một cánh mà bay giữa không trung.

Lúc đó ông bỗng như quên hết cả trần gian
tục lụy.

Nhưng tục lụy ở trần gian đâu phải nhẹ
ông bay những người như ông mà hết được.

Hồn thơ cứ việc bay bồng lên cao.

Cảnh đời vẫn cứ lè tè nơi mặt đất. Nhà thi
sĩ nào có bồ ích gì cho ta?

Vậy mà giả thiết một ngày kia không có họ,
ta sẽ thương nhớ và tiếc rẻ vô cùng.

Họ là người, ta cũng là người.

Họ có đầu óc, ta cũng có đầu óc.

Họ có tâm hồn, ta cũng có tâm hồn.

Nhưng ta là người chịu sự cấm thúc của
đời mà họ lại muốn gõ dây để giải thoát.
Ta có đầu óc để tranh danh đoạt lợi mà vẫn
óe bọ lại dùng để nghĩ đến những chuyện
cao xa.

Tâm hồn ta thường bị bụi trần ném làm cho
xấu xa mờ ám, nhưng tâm hồn họ lại sáng
suốt để phản chiếu những hình ảnh kỳ thú
của tạo vật và thế gian.

Phần nhiều thì ta có thể quên họ để sống
cái đời riêng của ta.

Nhưng sao lại có lúc ta thấy như ta còn
thiếu một cái gì, như ta mất một vật gì quý
bản lâm.

Ta cảm thấy đầu óc ta mờ tối, lòng dạ ta
khô khan, rồi ta phản động lại mà muốn tránh
xa cảnh phồn hoa vội nhiệt.

Ta ra bãi biển để vẫy vùng. Ta lên núi cao để hứng gió. Ta thấy hơi hơi dễ chịu, nhưng ta chưa có cái hứng cảm của thi nhân.

Lúc đó ta mới kiểm họ mà đọc rồi ta nhớ con mắt bọ nhia ngầm giùm ta.

Tập theo họ, ta kỹ lưỡng hơn, ta tỉ mỉ hơn, ta nhìn bằng con mắt hữu tình, ta cảm bằng tấm lòng hồn ái.

Rồi ta thấy ở những vật vô tri tiết ra một cái gì linh động và ngay trong đời sống mỗi ngày cũng có biết bao nhiêu thi vị mặc nồng.

Ta thấy mặt trời mọc có những tia sáng rực rõ khiến cho ta băng hái mà làm việc.

Ta thấy mặt trời lặn có những màu sắc dịu dàng làm cho lòng ta thành thơ mà yên nghỉ.

Ta thấy ở người đàn bà ngoài cái đẹp về hình thức còn có cái đẹp huyền ảo xa xăm.

Ta thấy cảnh gia đình ngoài những lợi quyền và nghĩa vụ còn biết bao nhiêu bình trạng nên thơ, nên mộng.

Phải đọc thơ mới thấy cái thi vị về đời. Mà son đọc vô thi vị là cõi đời không đáng sống.

Tản-Đà tiên sinh nhơn ngầm một bức tranh Sơn Thủy mà nghĩ ra lời « Thể Non Nước » như sau đây :

Nước non nặng một lời thề,

Nước đi mãi không về cùng non

Nhớ lời nguyệt nước thề non.

Nước đi chưa lại non còn đứng không

Non cao những ngóng cùng trông,

Suối khô giờ lệ chờ mong băng ngày.

.....

Bài thơ trên đây tôi chỉ trích có một đoạn đầu. Trong đó có một chữ thi sĩ đã sửa lại mất hai lần.

Trước hết là :

Suối tuôn giòng lệ chờ mong tháng ngày.
Nhưng thi sĩ chép như thế là chưa được.

Ở khe mía có suối nước chảy ra.
Song, nước đi, đi mãi không về, nên mía nở
một ngón trong mà tuôn bỗng lê thảm.

Nhưng khóc « Tuôn lệ » chưa thiết tha bằng
khóc « ráo lệ ». Bởi thế nên sửa lại :

Non cao những ngón cùng trông,

Suối khô giòng lệ chờ mong tháng ngày.
Còn mắt thi-nhân nhìn sòng nái mà thấy
nước son lối hẹn lời thề. Huống chi còn bao
nhiều cảm tình thâm thiết giữa người với
người, giữa đồng loại với nhau, nếu không có
ngọn bút thi nhân sợ e có ngày ta không còn
đè mắt, đè lòng tôi.

Thi-nhân giải thoát tâm hồn ta khỏi sự thao
túng của đời vật dục, nhưng thi nhau lại để
vào đó biết bao nhiêu mỹ cảm mỹ tình.

Một nhà danh sĩ Pháp hiện làm Tổng trưởng
bộ Học, ông Abel Bonnard, có nói mấy câu
này :

« Các ông rảnh mà sống trong thi vị. Đời các
ông về hình thức vẫn y nhiên như vậy, nhưng
thật ra tài nó đã thay đổi hoàn toàn. »

(Tâchez de vivre dans la poésie. Votre vie
restera apparemment la même, elle sera entière-
rement chargée).

Đời là đời. Thơ là thơ. Nhà thi sĩ không thể nào thay đổi cảnh đời được. Nhưng mặc cho cảnh đời không thay đổi, chúng ta chỉ cần thay đổi cái không khi tinh thần của nó mà thôi.

Nhà Việt Tiễn-thuyết

Bài trên nói tới thi sĩ tôi đã cho họ siêu thoát lêu khỏi cảnh lầm than của xã hội. Họ bạn với trăng, với gió, với non nước, với cỏ cây, với không gian bát ngát, với vũ trụ bao la.

Nhưng tôi đã làm một việc độc đoán vì thiếu gì thi sĩ không chịu sống trong cái địa hạt riêng biệt đó mà lại thích trà rộn với người đời để tìm hiểu tình cảnh và tâm hồn nhân loại.

Thi hào Victor Hugo đã từng viết :

«Con mắt tinh thần không thấy ở đâu nhiều
«hơn là ở người ta những ánh sáng lộng lẫy và
«những khoảnh mờ tối mịt-mù.

«Nó không thấy một cái gì có thể ghê gớm hơn,
«lộn xộn hơn bí mật hơn và mênh mông hơn
«nữa.

«Có một cảnh tượng to hơn biển, đó là trời. Có
một cảnh tượng lớn hơn trời, đó là nội tâm của
người ta » (1).

Mà phải :

Sóng sâu son có kè sô.

Lòng người nham hiểm ai dè chờ súng

Vậy mà vẫn có một hạng người chuyên mâu
đè lồng người đó.

Mạng người ấy không phải toàn nhiên là thi
sĩ vì thi sĩ phẩm chất có cặp cánh mướn bay
bỗng tuyệt mà nên phần nhiều không chịu đè
mắt vào cảnh đời thực-lẽ.

Duy có những nhà văn viết tiểu thuyết mới
thiệt là những người đứng gùa trầu ai dè cầu
tú mà viết ra cẩn kicta có trầu bồi thay đổi »

Ra đường ta hay sợ có kẻ rình mò đè giặt
đồ hay móc túi của ta. Nhưng ta không dè vẫn
có những người hỉnh thoảng đè mắt rình mò
ta một cách ăn cần tỉ mỉ lầm.

Họ không có ác tâm làm hại ta đâu. Nhưng
bộ dè ý đến từng cử chỉ mờ ám của ta. Họ dè ý đến
nét mặt, điện di, đến câu nói, đến giọng cười,
đến những hồi ta đặc ý tung hùng, hay những
lúc ta khóc lảm, nuốt lệ.

Hoặc họ đã có sẵn đầu đè mờ còn thiền kiều
mẫu và khung cảnh, hoặc họ chưa có đầu đè,
nhưng họ cứ sưa lầm tai: liệu dè dự trữ cho
những lúc phải dùng sau, nhà viết tiểu thuyết
quèn luôn có cặp mắt tò mò, mà cũng luôn luôn
nhang một khói nbiết tinh sỏi nói.

(1) L'œil de l'esprit ne peut trouver nulle part plus d'éblouissements ni plus de ténèbres que dans l'homme, il ne peut se fixer sur aucune chose qui soit plus redoutable, plus mystérieuse et plus infinie. Il y a un spectacle plus grand que la mer, c'est le ciel, il y a un spectacle plus grand que le ciel, c'est l'intérieur de l'âme.

Trước kia có một nhà bác học nghĩ ra được một chất men. Nhưng ông còn phải thí nghiệm. Ông nung nấu với tất cả than cùi ở nhà ông. Than cùi hết, ông đút cá bàn ghế vào lò.

Rồi giường, rồi nệm, rồi cửa, rồi văn, rồi hết thảy những vật chỉ có thể cháy được ông đều dùng để tiếp sức cho ngọn lửa và tình đê chờ cái giờ phát linh thiêng mà ông được thấy cháy ra chất men thân ái.

Nhà viết tiểu thuyết cũng vậy. Khi họ đã có một đầu đề hi tâm hồn họ là cả một cái lò lửa trong bụng. Hết thảy chàng đều đói vô độ, không một chút tiếc thương ngăn ngại.

Những tình yêu trong sạch, những mối hận thiết tha, những tâm sự kín đáo, những kỷ niệm đau thương, những kiên văn lãnh họ của người, những quan sát thấu được ở đời, những như họ đều cung cho ngọn lửa ran bạo đê chờ có một ngày họ có thể kết cấu được những nhún vật linh động, không khác với người trong hiện hạ. Nhưng vẫn giữ được cá cát cách, cá tinh thanh mà họ đã sang ảo ho.

Ta vẫn có hèn rã g毛病 người trong chúng ta đều có một bộ tiểu thuyết về bản nòi của mình và hễ có văn ta ta oẽn viết ra được à;

Phải. Bộ tiểu thuyết do có thể hay iảm vì toàn là những cảnh ngộ đã từng trải, những đoạn đời đã từng sống, những tình cảm thành thật và những lời nói thiệt thà.

Nhưng muốn làm nên một sự nghiệp về tiểu thuyết, ta không thể chỉ trơ trọi có một bộ tiểu sử của mình.

Thành thật là một đức tính của nhà văn nhưng biết biến hóa mới là tay thợ tạo.

Tác giả chỉ là một người tiêu biêu cho một hạng người trong xã hội.

Nếu chỉ biết rõ đời sống của mình và giai cấp của mình thì không thể nào phong phú được.

Rồi vậy cho nên chàng phải sống nhiều đời sống khác nhau, đầu không sống thiệt tình thì cũng sống bằng tình thần, bằng tưởng tượng.

Mỗi ông quan không sống như một người dân. Một nhà giàu không sống như một nhà nghèo. Một nhà trí thức không sống như một kè vò học phàm luú.

Một khuêcac tiểu thư không sống như một người dân bà hành khai.

Ở mỗi hạng người, nhà văn tiểu thuyết phải biết những nỗi vui riêng, những nỗi buồn riêng, những nỗi lo lắng riêng, những sự mong đợi riêng,总之 lại là phải biết đời sống vật chất và tinh thần của họ.

Nhưng biết bằng khôn óc thông minh còn chưa đủ. Phải biết bằng mối tình khắng kít mới có được cái tâm trạng của mỗi khóm vật của mình.

Mà những nhân vật đó phần nhiều cũng không phải là mô phỏng in hệt theo những kiều mẫu ở đời.

Trong xã hội có những người phiền phức quá, có những chuyện vô lý quá, có những cảnh ngộ rắc rối quá, có những tình trạng éo le quá, nếu cứ chép in như vậy mà cho ra thì sẽ thành nên những núi rỗi, những bụi rậm làm cho độc giả phải điên đầu.

Nhà viết tiểu thuyết có tài tất phải là người biết gom gộp, biết lựa lọc, biết siết những cái đáng phải hy sinh, biết thêm dẹt cho nồi thêm ý nghĩa; tóm lại là biết lấy những vật liệu rời rạc trong đời mà chung đúc nên những hình trạng kỳ thú về sự sống của chúng ta.

Về một nhân vật có thể lấy kiều mẫu ở nhiều người. Tả mỗi cảnh ngộ có thể chấp nỗi bằng nhiều chuyện và có thể bày đặt cho thấu lý, đạt tình.

Những tình cảm trong sạch có thể siêu việt quá mức thường và những nỗi yếu hèn tồi bại có thể bôi thêm cho đậm nét:

Những ai thấy tiểu thuyết có nhiều người ham viết, xin chờ với chê là một thể văn tầm thường.

Chê tác giả tầm thường thi được, nhưng xin phân nhận cái giá trị của một thể văn mà ai muốn phụng sự đều cần phải có một nghệ thuật vi diệu, một học vấn đầy đủ, và một tấm lòng ưa sỉ nặng nề đối với nhân sinh nhơn loại

Có nhiều bộ tiêu thuyết đã đề cập đến những vấn đề triết lý cao thâm, đã tiết ra những ánh sáng mới mẻ về khoa học, đã bầy ra biết bao bí ẩn trong tâm trí người đời.

Sách triết học thì khô khan, sách khoa học thi khúc mệt, không phải mỗi người đều có thể đọc được mà cũng không phải mỗi lúc ta đều bình tâm tĩnh trí mà đọc.

Duy có thể văn tiêu thuyết là thích hợp với số đông vì những ý kiến cao xa đã được giải nghĩa bằng hành động, và những lời bàn khúc mệt đã nói ra bởi những nhân vật thân yêu.

Và lại cầm tới quyền tiêu thuyết, ta chỉ nghĩ là đọc cho tiêu khiển, nào có bao giờ ta cho nó là sách học của ta đâu?

Vậy mà chính trong khi ta tiêu khiển, ta vẫn có thể lãnh hội được biết bao nhiêu điều bổ ích cho tri thức và tâm hồn.

Ta biết cảnh đời có lâm chuyện ly kỳ. Ta biết xã hội có thiên hình vạn trạng. Ta biết những cảnh trí ở nơi đất lạ phương xa. Ta biết những phong tục ở từng miền trên thế giới.

Nhưng cần hơn hết, thú hơn hết là ta biết thêm được ít nhiều cái cảnh tượng mênh mông bát ngát bí hiểm lạ lùng là cái lòng dạ con người.

Theo nhà thi sĩ ta có thể quên đời mà sống ngoài trần lụy. Nhưng theo nhà văn tiêu thuyết

thì ta lại đi sâu vào tâm hồn nhân loại để tìm hiểu cái bản sắc của ta.

Mà không phải là tìm hiểu cho thoả tri tö mò, nhưng chính là tìm hiểu về tu tâm dưỡng tinh.

Nhà tiều thuyết đại gia không hay giảng luận lý một cách khô khan sống sượng, nhưng họ vẫn có ánh hưởng thẩm thiết đối với tâm hồn tinh cảm của ta.

Họ không đem những tư tưởng sẵn có mà đặt vào óc ta. Họ không đem những tình cảm sẵn có mà dè vào lòng ta.

Nhưng họ lại có cách khêu gợi cho đầu óc ta phải tư tưởng và làm nảy nở ở lòng ta những mý cảm mý tinh.

Ta thấy ta giống người nhiều hơn là khác người. Giống ở phẫn đạo đức, mà cũng giống ở những cái yếu hèn.

Rồi ta cảm thấy lòng ta dễ dãi hơn, nhàn nhã hơn, bắc ái hơn.

Mà phải. Sao ta biết hữu tình với những nhân vật tiều thuyết, mà ta nỡ vô tình với đồng loại của ta ?

Sao ta chịu đè ý đến những chuyện bày đặt mà ta lại lãnh đạm với những chuyện có thật ở trong đời ?

Sao ta thương những người xả thân vì nghĩa, sao ta ghét những kẻ độc ác tham tàn, mà ta lại dung túng cho ta trong cõi đời icas kỹ ?

Ta còn đặt bao nhiêu câu hỏi trong đầu
rồi ta mới ngâm nghĩ mà thương cho những
nhà văn đã vương vit trong lòng biết bao
nhiều tình nhân loại.

Ta chẳng cần hoan nghênh họ một cách
tưng bừng nào nhiệt đẻ quen ngay họ mà
sống tiếp cảnh đời nào nhiệt tưng bừng vô
nghĩa lý của ta.

Ta nên yên lặng mà nghe lòng ta hòa nhịp
với những tiếng thồn thức của tâm hồn nhau
loại.

Nhà Sứ-học

Trong một bộ tiểu thuyết của Bernardin de St Pierre tôi còn nhớ một câu nói như sau này: « Chuyện đương thời, ấy là chuyện đã qua, ấy là chuyện sẽ tới. »

(L'his'soire de ce qui est, c'est l'histoire de ce qui a été et de ce qui sera).

Đó là một câu nói triết lý, nhưng là một thứ triết lý ngược đời, phôi thai từ cái đầu óc kỳ chướng của văn hào J. J. Rousseau mà Bernardin de St Pierre chỉ là một người đồ đệ.

Theo cái triết lý đó thì con người nên sống tự nhiên, không cần gì phải có văn học, có nghệ thuật, có lịch sử vì những cái đó chẳng bồ ích gì cho ta mà còn làm cho cái bản chất của ta một ngày một hư đốn.

Cái triết lý đó có lẽ thích hợp với những dân tộc dã man lạc hậu, những dân tộc sống một cách đơn giản ở những nơi rừng rậm, núi cao.

Họ sống ngày nào họ chỉ cần biết eo ngày đó. Mà chuyện ngày đó, theo họ, có khác gì chuyện những ngày đã qua, hay những ngày sẽ tới.

Ngày nào họ chẳng phải ăn, phải uống, phải làm, phải chơi ?

Ta cũng ăn, cũng uống, cũng làm, cũng chơi nhưng ta phiền phức hơn họ đủ thứ, vì ta có một cái bàn ngũ phong phú hơn họ biết bao nhiêu.

Ta biết nhiều hơn họ nên ta cảm nhận nhiều hơn họ. Cũng như họ, ta sống với bão táng. Nhưng khác với họ, ta còn sống bằng tư tưởng,

Tâm hồn ta nhớ chia ánh hưởng văn hóa nên vừa sức tích, vừa linh động.

Nó không cho ta được sống thảm ubiên giữa cõi đời phiền phức mà nó cũng không cho ta chỉ quan thiết tới hiện tại mà vô tình với những chuyện sau kia.

Bởi thế nên ta vừa sống rộng ở không gian, vừa sống dài theo thời gian, sống ở xứ mình mà muốn biết chuyện bao đồng thế giới, sống ở thời này mà hận lòng đến những việc xảy ra trong những thế kỷ đã qua rồi.

Nhưng chuyện đương thời ta còn có thể biết được một cách dễ dàng. Tới những chuyện quá khứ ta không thể không nhớ đến công phu của những nhà sử học.

Họ cũng là những nhà văn nhưng họ không thèm để mắt đến những tần kịch của người sống mà lại ân cần săn sóc tới những bóng ma & những cõi thăm u trong, đạm sương mù của thời gian bao phủ.

Họ tìm kiếm những trang sách xưa, những câu thơ cũ, những tấm mờ bia, những nơi thắng tích, rồi họ ghi, họ chép, họ chắp, họ nói, họ ký thuật những việc đã qua, họ nói về những người đã chết !

Công việc đó nhiều khi chỉ là công việc của những nhà học giả nhẫn nại mà khô khan. Nhưng thỉnh thoảng trong sứ giới cũng xảy ra được những thiên tài có tâm hồn nghệ sĩ.

Ở Tần có Tư-mã-Thiên là một nhà văn trước hết đã viết lịch-sử bằng ngoại bút thi-nhân. Nhà danh nhó Mā-T嚮 đã khen tặng bậc kỳ-tài đó không những lời trọng-hậu mà Phan Kế Bình tiên sinh đã dịch như sau này:

« Tú-Trường binh-sinh tinh hay chơi, đang
« lúc tuổi trẻ hăng hái tự phụ, không dừng
« chân ở nhà mấy khi, không phải là say đắm
« mê chơi đâu, nghĩa là xem cho trái biết
« cảnh lụng thiên hạ để giúp cái khí văn-
« chương rồi mới thả ra mà làm sách. Nay
« xem trong sách của Ông thì txa như cảnh
« lúc đi chơi... »

« Bơi đò trong sông Nguyên, chèo thuyền trên
« sông Thương, viếng kền Ông Khuất-Nguyên,
« xót thương bà Nga-Hoàng, trông trên dàm
« trác còn vết nước mắt, mà không biết xương
« thịt còn nguyên ở trong bụng cá hay không,
« chè mén văn chương tức hục mà xét xa
« rầm rĩ. »

« Lại chơi qua phia Bắc, iới gò Đại-Lương
« xem chỗ chiến trường của Hán, Sở kai trước
« xưa sau còn nghe thấy tiếng Hạng Vương

« ầm-ợt quát tháo, tiếng Cao-Tồ chửi mắng om sòm như rồng bay, như cọp nhảy, như có a maôn binh, ngàn ngựa, cung to, giáo dài a đùi nhau mà reo lên ầm ầm, cho nên văn a chương bùng dũng, mạnh mẽ khiến cho a người ta phải sờn óc rùng mình. . . .

Ở Pháp, từ thế kỷ 19 cũng sản xuất được mấy nhà sử học chan chứa những thi cảm, thi tình.

Augustin Thierry đã tận tụy với sự-nghiệp cho tới đôi mắt mà vẫn không chịu bỏ dở công việc của mình.

Ông nói : « Nay tôi đau mù, đau khò, đau a mà không hy-vọng lành, khò mà không a hối dirt đoạn, tôi xin lava chứng cho câu a nói này mà ở lèi thì không còn nghi ngờ a được nữa :

« Ở đời có một cái đáng giá hơn những thứ a vui vật chất, hơn cả tiền của và sức khỏe a của mình đó là sự tận tâm với học vấn. »

Ông còn nói : « Phải bài trừ những văn-sĩ a vô-học không biết nhanh và những văn-sĩ nghèo a thường-tượng không biết tả ».

Thế là ý ông muốn học-vấn phải đi đôi với nghệ-thuật và muốn bằng những tài-liệu chắc chắn nhà sử học phải cẩn tạo nên những công-trình linh hoạt đủ cảm độ mọi người.

Cùng một quan-niệm như thế Jules Michelet còn cho rằng viết sử là phải phục hoạt cái đời sống đầy đủ của ký vãng (la résurrection de la vie intégrale du passé).

Ông nói: « Sứ học từ trước đến giờ vừa
« khép khuyết về vật-chất, vừa thiếu tuổn
« về tinh-thần. Về vật-chất tuy có nói đến dân
« tộc mà không nói tới thời địa, tới khí-hậu,
« tới hư-phầm, tới bao nhiêu tình-trạng về
« vật lý và sinh lý. Về tinh-thần có nói tới
« pháp-luật, tới chính-trị mà không nói tới
« ý-tưởng, tới phong-tục, tới sự trào l้า hóa
« tiềm tàng của tâm-hồn quắc-gia ».

Ông không công nhận cái lối tham khảo ở
các sách in và bắt nhà sứ học phải lấy tài liệu
ở di văn, ký ức của người trước, phải sát hạch
những bình cũ, tượng xưa, tóm lại là phải
sống trong cái hoàn cảnh của nó nhơn để
phục xanh lại những đoạn đời đã tắt.

Đồng thời với ông có nhiều nhà sứ học
cho rằng tác giả phải quên mình để nghe những
lời nói cho tài liệu. Nhưng ông Michelet đã
chẳng chịu quên mình mà còn để hồn ta
hồn hồn cảm của ông vào những chuyện ông
viết...

Ông nói: « Càng thấu triệt cái đối tượng
của mình bao nhiêu càng yêu nó bấy nhiêu.
Và có yêu, có thích thì mới có hứng thú mà
ngắm, mà nhìn. Noin đến lần thứ hai thì tâm
hồn phả: cảm động rồi khám phá ra được
trăm ngàn cái mà thời hạ vô tình không nhìn
thấy. Ở cái ngắm này thì sứ giả và lịch sử
đã hòa đồng làm một. »

Cái tâm hồn thi sĩ của ông Michelet cũng có
khi đưa ông đi xa hơn sự thật, nhưng chính

đã nhờ nó mà ông thấy được cái linh hồn của những vật vô tri và tìm lại được cái sauh khi của những người thiêng cồ.

Thi hào Victor Hugo đã phải khen tặng ông bằng những lời như sau này :

« Ông biết lịch-sử vì ông biết người đời.
« Sự nghiệp của ông vô tận như đại dương.
« Ở mỗi truong mà tôi cho là mỗi đợt sóng
• đều có những ngọc trai, hoặc hơn nữa là
« những phần ánh của các vì tinh tú ».

Với những tài liệu chắc chắn, Jules Michelet đã gầy dựng nên cái cốt cách của xứ sở, phát triển nên cái linh hồn của quốc-gia.

Trong một cuốn sách nhỏ Khan đề « Le peuple » (Dân quan) ông có nói :

« Tôi theo dõi nước Pháp đã lâu. Hàng
« ngày sống chung với Tổ-quốc từ hai ngàn
• năm nay. Chứng tôi đã thấy những ngày
esuy bại và tôi đã biết tin rằng là nước này là
cúmoc của sự hy vọng bất khả diệt...

« Với水面 Pháp không có gì là hết. Sao giờ
• cũng trở lại hoài hoài. Khi nông dân nước
« Gaulle dậy lên đuổi người La mã lập thành
« đế quốc của người Gaulois thì họ đã biết
• khéo vào tiền tệ cái chữ đầu tiên và cũng
• là chữ cuối cùng : chữ Hy-vọng ».

Những nhà lịch sử Pháp đã cho người Pháp
được tự hào trong những ngày săn lùng,
được hy-vọng thi lịch sử Việt Nam cũng cho
chúng ta được tin cậy ở mith vơi tấm lòng
kiên quyết.

Lịch-sử đã để lại cho chúng ta những tấm gương thành bại, những kỷ-niệm hưng vong, ta có thể lấy làm những bài học cho con đường xứ thế.

Lịch sử đã ghi những công nghiệp biển hắc của tổ tiên, đã phát triển cái sành lục hàng cường của bồi giồng, chính là những cái nó còn vương vãi ở tâm hồn, tiềm tàng trong máu huyết của chúng ta và làm cho chúng ta không thành nên được những kẻ Tjeh-dàm vong-tô.

Nhưng đến đọc sách lịch-sử ta đã thấy có hứng thú và bổ-ích thì trong khi xưa ta tài liệu chính nhà sử học đã hướng biết bao nhiêu thú vị trước ta.

Họ mải miết trong những tang cõi-viên, lẩn nấp tới những bãi tha-ma, theo thần trước giòng sông yên tĩnh, lặng ngâm một cảnh rùng hoang vu. Và ở những nơi đó, họ đã thấy dễn ra những tần kích linh động mà những người đóng trò đã khaất dạng với non sông,

Với một mố: biệt tình tha thiết, họ có thể lèn sống lại những cảnh tượng giàn lung nết nỗi vật và những hành động bị xé xác, bị chém đắm dưới giòng thời gian và lện.

Theo họ ta lần lần thấy rõ cái giá trị thiêt có của ta. Ta thấy cái văn-voi của hiện tai, cái mỏng manh của đời người, cái tầm thường của thế-lực và thênhor, rõ ta muốn đem ta mà hòa đồng với non sông với đất nước để gây nên một cái gì đẹp đẽ hơn, to lớn hơn, sảng viet hơn.

Ta có thể giả thiết cho Tô-quốc chỉ là một người mà còn mãi, nó sống hoài vì kết thế-hệ này qua thế-hệ khác, tâm sự của tiền-nhơn vẫn sống trong tư tưởng của hiện-thế và tư tưởng của hiện-thế vẫn còn lưu-truyền cho hậu-nhơn.

Gần đây ta thấy nỗi iênh một phong trào lịch-sử trong giới tri-thức Việt-Nam.

Đó là một triều chúng đang mừng, nhưng tôi còn hi vọng sẽ ra một vài sứ-gia có tâm hồn thi-sĩ.

Những nhà đó vẫn phải cần cù khắc khổ để tìm kiếm những tài-liệu xác thực, những miêu-biêu đúng đắn, nhưng họ cũng phải là những nhà nghệ sĩ trong cách phô diễn và trình bày.

Lịch-sử Việt-Nam sẽ không phải chỉ là cảnh vươn riêng của những nhà tri-thức mà sẽ còn là công viễn-le rộng đã hấp dẫn mọi người.

Nhà phê-bình văn-học

TRONG văn-giới, có một hang không lối vào-tạo bên những sông-triệu dặm-biết của mình mà cái lối dè ý dèn sự-nghịệp của người khác, rùi bùa, iỗi tám, rồi khen, rồi chê.

Đó là những nhà phê-bình văn-học. Thi-hào Victor Hugo không ua công việc của những nhà này và đã nặng lời thoa-mã.

Ông nói: « Có những kẻ phê-bình - nái a Himalaya và kiêm tùng-hòn sỏi, để phê-bình. « Nái lửa Etua cháy và khạc ra ngoài miếng a cái ánh sáng, sức giận dữ, những chấn lồng a và tro của nó. Vậy mà họ cũng dám đem a một cái càn tiều-ly, gấp từng gấp tro để mà a cảm. Trong lúc đó, cái thiên-tài cứ nẩy nở a tung-hành. Cái gì ở nó cũng có cái lý a đương-nhiên cả. Nói như vậy, bởi vì như a vậy. Không lối là cái hao-quang của nó. Nó a có vực thẳm, bìu nòi có bể cao...»

Nhà thi-hảo nói cũng có chỗ đóng, vì những thiên-tài cũng như những trái nứa cao ngất, mà người thường ở mặt đất chẳng hiểu biết được tới nơi. Thiên-tài còn có thể săn b

với Hòa-diêm-sơn, mà mỗi khi tung hoành là
mỗi lần làm kinh-dộng cả trời đất.

Trong văn-học giới, cũng như trong nghệ-thuật-giới, có những hạng siêu-nhơn mà ta không thể xét đoán bằng cái lý-trí cạn hẹp và bình phàm theo lầm con mắt thiên-cận của chúng ta.

Ta chê họ dẽ hơn là ta khen họ, vì những cái khuyết-diêm của họ là những cái khuyết-diêm của hết thảy mọi người. Còn những cái đặc-sắc tinh-hoa của họ, ta không đủ tư cách nhận ra là vì ta không phải là họ.

Tuy nhiên, thiên-tài còn ở trong nhơn-loại, thì thiên-tài còn không thể cách biệt hẳn với đồng-loại của mình.

Họ cao hơn ta, vì họ đã đi tới những cảnh tuyết-vời của tư-tưởng. Họ lớn hơn ta vì họ có những tình cảm sâu, rộng hơn người thường.

Muốn biền họ, phải có cái bẩn-rắc của họ, nhưng cũng có thể hiểu họ bằng sự cố gắng về tinh-thần, bằng sự trau dồi về tri-thức và bằng một mối tình cảm-patre chân thành đối với những cảnh-hoa dị-thảo trong cảnh-vườn nhơn-loại.

Ta đã thấy những người viết ra cả chồng sách cao-nghệu mà trong đó toàn là những lời họ đã bắt được của những văn-sĩ đại danh.

Cái công phu của họ đã làm cho nhiều người phải kính ngưỡng, nhưng sự nghiệp của

họ vẫn không cho họ được gần với những bậc thiên-tài mà họ đã tìm ra biết bao nhiêu là « phốt ».

Khác với họ có những người khiêm tốn hơn, nhưng lại là những người đầy đủ hơn.

Những nhà này cũng có nhiều không minh tài-trí đặc-biệt, cũng có thể cầu-tạo nêu chát-dinh sự-ngoại-đẹp kinh-quan, nhưng họ cảm nhận phi-eai đời sống tinh-thần của họ, để tìm hiểu những bậc kỳ-tài trong thiên-hà.

Đời Tây-han, Han-Tin bị mai-một giữa chỗ đêng người, đã may mắn được Trương-Lương tri-ngộ, mà mới có dịp thi-thố cái tài-trí của mình.

Tôi muốn nói Trương-Lương là một nhà phê-bình sáng-sắt và nhòe do mà thiên-tài được người đời hiểu-biết và được nẩy-zở-vung-boanh.

Biết Han-Tin, thiên-hà chỉ biết là một gã vồ-liêm-sỉ đã có bối-ăn-chực, đã có lúc lèn-tròn, đã vận-dộng ráo riết để được người dùng-tay, nhưng vẫn àn-nhẫn với một chức-vụ cõm-con.

Biết Han-Tin Trương-Lương đã biết cái chí-lớn, cái tài cao và cái gì đặc-sắc nhất ở ông, mà người ta không có được.

Về phương-diện văn-học, những tác-giả xuất-sắc-hoa-hết cũng phần-phiếu lại là những người mà công-chúng-không-làm-hiểu-biết-ché-dẽ-nói.

Bởi vậy, nên nhà phê-bình văn-học, mới có một vai-tưởng trọng-yếu.

Họ đứng giữa dè-giới-thiệu bài-đảng. Nhưng muốn giới-thiệu, họ phải nghiên cứu kỹ-càng, họ phải hiểu biết ranh-rẽ họ phải tìm kiếm những ảnh-hưởng đã sát-nhập vào tác-giả và những hình-trạng đặc-biệt của thiên-tài.

Hơn nữa, họ còn phải là một nhà-nghệ-sĩ dè-hiểu biết cái-hứng-cảm của văn-ga.

Henry Bidou, một nhà phê-bình sành-sỏi, mới qua cố-gần đây, đã nói rằng:

« Ta không cần biết cái-chỗ thấp-thỏi, nhứt
xirong cái-tài-trí của văn-học, ta cũng không
cần biết cái-trình-dộ thông-thường của họ mỗi
ngày mà ta cần biết cái-danh-cao tuyệt
địch mà mỗi-nhà có thể với-tôi được. Chinh
« ở chỗ cao-nghẹn đó mà ta phê-bình họ ». (1)

Thật là một lời-nói xác-dâng của một nhà-nghệ-sĩ hoàn-toàn vì chỉ có nhà-nghệ-sĩ mới quan-tâm đặc-biệt tới những giờ-phút linh-miêng, nó làm cho ta siêu-viết hơn ta để cảm-thấy sự phổi-hiệp-toàn-bì cùng vui-trả.

Những giờ-phút đó là những giờ-phút cao-hùng mà người thường có tué-lam được

(1) Ce qui importe en nous, ce n'est pas le point le plus bas où leur génie habite, ni même le niveau où ils se tiennent d'ordinaire, mais bien le sommet le plus haut où chacun peut atteindre. C'est dans cette altitude qu'on les juge.

(Henry Bidou)

những việc phi-thường mà văn-học có thể gây nên những danh-sự kiệt-éc.

Một nhà phê-bình Trung-hoa là Vương-thanh-Thán, cũng đã nhận thấy điều đó, nên đã viết những lời sau đây, trong bài phê-bình Tây-suong-ký.

Ông viết (và đây là lời dịch của cụ Nguyễn-đô-Mục) :

« Ta nhiều khi trong lúc ăn cháo, toàn làm
« một bài văn, lỡ bận việc gì không thể làm
« được, sau khi ăn cơm mới đem ra để làm
« thi ta vẫn tiếc mãi một bài văn của ta nghĩ
« trong khi ăn cháo... »

« Tây-suong-ký chính là một sự ngẫu-nhiên,
« như là lúc cầm bút viết liều, như gió cưa
« mây, không có phút định. Lúc khác, bạn
« bài văn khác cũng có khi tuyệt-diệu như
« thế nhưng ngay vì bài văn lần này đã tuyệt-
« diệu rồi, không nên nói chắc rằng lúc khác
« không hay hơn được nhưng cũng không
« nên nói chắc rằng lúc khác còn có thể hay
« hơn được »

Nhưng đó mới là nói tới triết-độ của tinh
thần ở lúc cao lúc thấp, nó làm cho văn
ngczęp có hồi-tranh, hõi suy.

Ta còn phải đề ý tới những tinh-chất của
tài-trí, nó không như nhau nên thấy được
và có vậy mà bô-tchá cho đời.

Ta thấy mỗi nhà văn đều có một đặc-sắc
riêng, cũng như ta thấy mỗi thứ hoa đều có
một hương-vị.

Ngồi thư, ngâm trăm hoa ai nhuộm,
 Một hoa là riêng một sắc hương.
 Liễu tía, đào hương, mai trắng irắng.
 Lạp tươi, huệ tốt, lý xanh xanh,
 Thêm hương khi gió lá đưa cành,
 Mở mắt thấy giang san cười chàm-chim.

(NGUYỄN CÔNG TRÙ)

Mỗi tá-c-giả có thể ví như một đóa hoa nhưng
 nhà phê-bình không được chỉ yêu riêng một
 hứ.

Đó -giả có thể theo sở-thích mìn mà bất-
 công trong những tình yêu, ghét.

Nhà phê-bình phải sùng-suốt, để giữ lòng
 fêng-fâi mà thường thèm trăm hoa.

Ở mỗi thè, họ phải kiểm ra những hương
 vị đặc-bié特, họ có thể so-sánh để làm hồi lèo
 những vẻ đẹp khác nhau, nhưng họ không
 nên phản hoa kém. cho hoa này phải theo
 trước hoa kia và làm mất cái xuân-phong bén
 khí ở nơi văn uyền, tao-dàn.

Truyện Kiều hay, Lục-vân-Tiên cũng hay
 thơ Nguyễn-công-Trù hay, thơ Tản-Đà cũng
 hay, nhưng mỗi cái hay mỗi vẻ, mỗi tá-c-giả
 một tinh-chất khác nhau.

Nhà phê-bình-văn-học phải ràng sáp-nhập
 vào mỗi người để thường-thức họ cho tận
 tường, thấu đáo, nhưng chờ để cho họ chinh-
 phục được mình mà trở nên lãnh-dạm vo-tinh
 hay cùu-thị đối với những hình-trạng khác
 của thiên tài.

Ste Benve đã viết phê-bình như một giọng sông trong vắt, uốn khúc chảy qua những công-trình văn-học và thi ca mà ta có thể so-sánh với những tảng núi hùng-vĩ, những lầu đài nguy nga, những đồi phèo xanh tối, những thung-lũng rườm-rà. Mỗi cảnh riêng đều ở yên một chỗ và không hề hấn lòng tới nhau.

Những giọng sông đi từ chỗ này tới chỗ khác đem bước trong mà thâm hình tất cả để phản chiếu cái toàn-cảnh của Tao-hoa hữu-nhob.

Một tác-phẩm dầu hay cách mấy cũng không tiêu-biễn cho một cái thơ-việt.

Một tác-giả dầu là bức kỳ-tài cũng không đủ đại diện cho văn-học của một nước.

Những nhà văn phê-bình có thể không phải là những cái tài trí đang tiêu-biển, nhưng cái công của họ là ở chỗ họ biết giới-thiệu với quan-chóng những cái tinh-hoa của dân-độc và biến-giới-thiệu với nước ngoài những cái đặc-sắc của giọng nói.

Nhà thơ cách-mạnh
hay là
Một cuộn cách-mạnh bằng thơ

CHÀNH-phủ Pháp hiện có một nhà danh-sĩ
lâm Thương làm họ học. Nhà danh sĩ đó
là ông Abel Bonnard có chúa trong Hành-
lâm-viện Pháp-quốc.

Ông vừa viết văn, ông vừa làm thơ, nhưng
đều là thơ, đều là văn, nhất nhất cái gì của
ông cũng đều chan hòa thi vị.

Mỗi đây ông tuyên bố sẽ cải cách nǎa giáo
dục trong nước.

Ông nói văn tắt mấy câu sau này :

« Trong sự học sau này mà tôi sẽ làm cho
giản dị hơn, mỗi người đều có một phương
tập riêng như: gđe nuôi sống tay đờ: mình
ma còn có thể hành người được sao: cách
nhau sao..... Tôi không phải ở đây để làm
những sự cải cách nhỏ nhặt, nhưng là để
cải tạo tinh thần cho nó xiêm việt. Lên
trên cao ng ta để đào ạo cho hành một nước
Pháp đương thời ta muốn sống. »

Muốn hiểu ông rõ hơn, thi phải đọc văn
ông. Nhưng nếu không thể đọc sao: được тоan

thè su nghiệp của Ông thì ít ra cũng phải đọc cuốn « Du lịch nước Tàu » (En Chine) và đọc bài diễn thuyết của Ông đăng ở tạp chí Conférence 1906.

Trong cuốn « Du lịch nước Tàu », Ông đã ca-nợi cái phong-độ của những mặc khác thi nhau người Trung-quốc. Ông nói :

« Thành cò này là một nơi lâm nhung văn & sĩ cùng thi-nhàn, ngày tháng tiêu-dao trong «một đời đạo-lý êm đềm, có khoái-lạc mà có iết-đô, vẫn học tập mà vẫn 'hư nhàn. Buồn là buồn ngầm, mà vui là vui thật', thường đứng & tua bên vườn cảnh, nghe con chim oanh nô & hót mà hồn mộng mơ-màng theo cảnh hồng & bay bồng... (1) ».

Bài diễn-thuyết đăng & Gonférance nhận đề « Đời và Thế » (La vie et la poésie) là một bài văn tuyệt bút, trong đó tác-giả đã cho ta thấy cả một cái tâm-hồn cao-thượng chứa đầy những mỹ-cảm mĩ-tinh.

Ông không tin rằng loài người là ô-trược và thiên hạ nay đã biết cảm động trước những cái đẹp, nhưng cái hay nghĩa là những cái thi-vị của đời.

Phần nhiều họ thô thiêc là vì họ mải lo sống & bề mặt mà không chịu sống trong hồn sâu.

Họ quay cuồng xuồng động như những bộ máy vô-tinh mà họ quên mất, mờ lòng ra để sống một cuộc đời thảm trầm ý-vi.

1) Lời dịch của ông Phạm-Quỳnh.

« Từ sáng tối chiều họ mải lo ngồi vào bàn tiệc « của các báo hàng ngày thết họ bằng những « chuyện đồn-bà bị cắt ra từng khúc, những « chuyện tai-nạn giết người, đi đôi với những « bài diễn-văn trong rỗng của các nhà chánh « khách. Lúc nào họ cũng lật đặt, mà lúc nào « họ cũng trễ nǎi. Một vùng trời sáu-lau nằm « ở trên nóc nhà của họ, họ cũng không nhìn « thấy. Một sự thay đổi thời tiết làm rỗng « chuyện cả không-khi trong một ngày, họ cũng « không cảm được.

« Như một nhà ảo-thuật, chí Hằng-Nga rời mấy « dấu ngón tay mà thay đổi cả quang cảnh của « một thành-thành, họ cũng không thấy những « cái thần-diệu đó. Quen không để ý đến cái « phầnkin đeo nhứt, linh động nhứt ở там « lama, họ đã đi tới một kết quả là họ chỉ có « những mảnh hòn công công mà không có tâm « hồn riêng. Họ chỉ sống với những lạc thú « mua được mà không sống với những hạc thi « tạo ra.

« Họ « sống với những lời nói không giá trị, « những công việc chẳng thích làm ».

Chớ nói rằng sự sống hiện thời đã tạo nên « những người không bẩn-ngã.

Muốn gây lại cái bẩn-ngã, chí cần giải-thoát « được cái tình thần của họ cao siêu việt lên « một chút mà thôi.

Cái tình thần đó bị mù-ám bởi vật dục, bị « trói buộc bởi tiền-tài, bị mê muội trong danh

CĂU CHUYỆN VĂN HỌC

lợi, nên làe nào cũng như bị chìm đắm mà không thể cất cánh bay cao.

Ở địa vị nào, trong cảnh ngộ nào, người ta cũng có thể hưởng được cái thi-vị của đời, nếu người ta biết giữ cho tinh thần được hồn-nhiên tự chủ để nhìn thấy những cái đẹp kín đáo ẩn trong những hình-thức xấu xa.

Từ một ông Thượng thơ cho đến một người đi ở muôn, người nào cũng đều có thể cảm được cái thi-vị trong nghề nghiệp của mình.

Giả-thiết một chị ở kia vì sinh-kế mà phải lao những công việc tầm thường hèn tièn. Chị lấy làm bất mãn. Chị cứ uất ức hoài.

Chị coi công việc như cực hình, coi chủ nhân như thù nghịch. Bởi chị như thế là không có hạnh-phúc, không có tài-vị.

Trái lại, nếu chị yêu mến nhà chủ như nhà mình. Chị lo cho nó được sạch-sẽ, cho nó có trật tự. Rồi chị say sưa nhìn ngắm cái sạch-sẽ do tay chị làm ra, cái trật-tự mà chị đã dào tạo. Chị lan chìu tấm kiềng cho thật tinh khiết rồi chị soi gương mặt chị đầy vẻ hân hoan, chị chắc thấy đời chị sáng sủa, tung bừng biết bao nhiêu là thi-vị.

Lại giả thiết một ông Thượng-thư nọ. Nên ông chỉ lo cho có cái địa-vị này để được người đời tôn-trọng và hờ-đõ, nếu ông chỉ kiểm cách ám-muội để trực lợi danh, nếu đầu óc ông không có một chút ý-tưởng gì cao-thượng thì đời ông thật là hèn-hạ xấu-xa, vô thi-vị.

Trái lại, nếu ông nghĩ đến trọng-trách của ông và muốn hi-thổ những công việc quan-trọng để cải-thiện cho đồng bào xứ sở, nếu ông cảm thấy những mồi lo-buồm của công-chúng, rồi ông lại cảm thấy những sự-vụ sương của họ mà ông sẽ gây nên thì đời ông nó mới cao thượng làm sao, tâm hồn ông là cả một bài thơ sán-lạn.

Từ hai cái thi-đụ đó ta cai quát hết thấy khắp các hạng người ở trong xã-hội, ta sẽ thấy mỗi người đều có thể tự giải thoát cho mình bằng một cái tâm-trạng của thi-nhau.

Người nào cũng có hè-bường được những cảnh-sắc, những thanh-âm của tạo-hoa và người nào cũng cảm thấy tâm-hồn mình linh-dong và phong-phú, đầy những tư-tưởng bá-c-ái nhau-tử.

Người ta sẽ không phải là người của vật-đục mà là người của tinh-hồn, nghĩa là một người đầy đủ theo cái lý-tưởng của quan-thượng Abel Bonnard.

Ngài nói ngài không thèm làm những việc cải-cách nhỏ nhặt vì chính ngài có bão-phụ muôn-giáy nêu nhau người dân xung-cảng để giúp vào cho công-cuộc cách-mạng-quốc-gia.

Gia-dinh, Căn-lao và Tô-quốc!

Những khán-hiệu rất tầm thường đối với những người ầm-thường bá-c-tập.

Nhưng nếu mỗi người đều có tâm-hồn cao-thượng đủ cảm-được cái thi-vị của gia-dinh, của công-việc, của xứ-sở, thì mỗi người đều là một

nha cách-mạnh trung thành để tạo lập tương lai.

Đối với họ, Gia-sinh là một bài thơ thâm thiết, Công-việc là một bài thơ linh động, Tề-quốc là một bài thơ hùng tráng, và hết thảy đều ẩn sức quyến rũ họ; chính phục họ, bắt họ phải thành thật yêu đương và cúc cung tận tụy.

Người Pháp cũng như người Nam không ưa cái gì bắt buộc mà phải làm, cái gì miễn-cưỡng mà phải chịu.

Họ cần phải có sự tìm tòi riêng, sự lựa chọn riêng, để được hưởng lấy những cảm giác tựa kỵ.

Nay đã có một nha thi-sĩ được đề cử ra gánh vác lấy cái thiêng chúc làm sống lại những thi-tinh thi-cảm ở mỗi người ấy chính là một nha lãnh tụ cách-mạnh đầu lục đó.

Nghệ-thuật với đời người

ÔNG Léon Daudet, một yếu-nhân trong Hèn-lâm-viện Goncourt có viết trên một tờ tuần-báo Pháp mấy câu như sau này :

Một cuốn sách hoặc một bộ tiểu-thuyết nào tôi thấy hay thì tôi là tôi bầu cho trùng thường, dù là tác-phẩm của con một người bạn già hay là của một người giúp việc trẻ tuổi, cũng như là của con một kẻ nghịch hay một người thù Khi Herriot viết rồi cuốn « Forêt Normande », tôi liền nói : đó là một cuốn sách hay. Nếu cuốn sách đó là của Léon Blum hay Cachin, tôi cũng vẫn nhận là hay. Chánh-trị là một việc, văn-chương là một việc. Nếu không thể thì tôi đời thiệt là khó chịu vô cùng.

Ông Léon Daudet là người đảng Bảo-hoàng. Ông Herriot là người đảng Xã-hội cấp-t ến.

Ông Léon Blum là người đảng Xã-hội. Ông Cachin là người đảng Cộng-sản.

Người đảng Bảo-hoàng không thể đồng ý-kiến được với những người ở đảng Cấp-tiền, Xã-hội hay Cộng-sản. Nhưng cái hay ở văn-chương thì người nào cũng đều cần phải biết là mảng-thức như nhau vì văn-chương không

có đảng-phái, và là việc của mỹ-thuật chứ không phải là việc của chánh-trị.

Ông Herriot khi viết cao-n « Forêt Normande » chẳng hề có nghĩ mình là lãnh-ý đảng Xã-hội cấp-tiến mà chỉ biết mình là một nhà văn-sĩ đương làm việc cho văn-chương. Ông Léon Daudet khi đọc sách của kẻ nghịch với mình cũng không lấy tư-cách nhà lãnh-ý đảng Bảo-hoàng mà chỉ coi mình là một nhà văn-sĩ đương hưởng-thực văn-chương.

Làm được như hai ông, kè-thật là một sự rất khó. Khó vì các ông không phải là người thường mà lại là người chánh-trị.

Người chánh-trị là người của đảng phái, sống với những giáo-lý, những tư-tưởng của đảng mà rồi nhất thiết mỗi lời nói mỗi việc làm đều không thoát-ly ra khỏi được những giáo-lý và những tư-tưởng đó.

Người xưa đã có câu : « Mắt đeo kính đen, ngó muôn vật đều đen. Mắt đeo kính vàng, trông muôn vật đều vàng. »

Người chánh-trị người nào cũng đều có cặp mắt kính theo cái màu đảng-phái của mình. Mà bao nhiêu đảng-phái là bấy nhiêu màu, chứ nào phải chỉ có đen với vàng mà thôi đâu ?

Trong những người chánh-trị, thiển gì kẻ đam-phí túc-bọc mà cũng không thiếu gì văn-sĩ với thi-nhân. Nhưng, tiếc hay, hễ người theo đảng nào thì thô ra toàn giọng của đảng đó và hễ thấy ai có tư-tưởng khác với chủ-nghĩa của mình thì đều nhất luật không dung.

Ở nước ta trong chánh-giới tuy chưa thấy có đảng-phái nồi lén lộn-xộn như ở các nước bên Âu Mỹ. Nhưng ta đã bấy trong hàng trí-thức chia-rẽ vì nghĩa-chủ khác nhau. Nào là thủ-cựu, nào là cộp-tiến. Nào là quốc-gia, nào là xã-hội. Nào là duy-vật, duy-âm với biết bao nhiêu những thứ duy khác nữa.

Đã biết bỏ cái sống bông-lông mà sống với chủ-nghĩa là một sự tiếc-bộ. Đã biết vì chủ-nghĩa thân-yêu của mình mà chiến-dấu với những chủ-nghĩa khác, lại là một sự tiếc-bộ hơn.

Nhưng đối với văn-chương mỹ-thuật mà được họ biết phụng-sư và thương-thức như Ed. Herriot và Léon Daudet thì thật là hiếm lắm.

Truyện Kiều, nhà luận-lý chê là dâm-thú nhà chí-sĩ chê là vô-ích cho sự sống của giông-nòi, nhà xã-hội chê là có hại cho sức phán-dấu của quần-chúng. Rồi biết bao nhiêu công trình văn-nghiệp khác, dần hay cách mày, dần thiêun-hạ ra cách mày, vẫn không khỏi bị người ta nhơn-danh những luận-lý, đạo-dức, những xã-hội, quốc-gia, những duy-vật sù-quan, những duy-tâm chủ-nghĩa mà phê-binh một cách thiên-lệch, mà đánh đòn một cách vô-tinh.

Không, những chủ-nghĩa trên đây, có ích là ích cho đời người. Chứ văn chương duy chỉ cần có một chủ-nghĩa là tìm-kiếm và phô-bày cái Đẹp.

Người nào muốn sống với văn-chương, trước hết phải biết giải-phóng che linh-hồn. Phải

thoát-ly được với hết thảy những thành-kiểu về luận-ý về xã-hội, về chính-trị về tôn-giáo và chỉ biết có nghệ-thuật mà thôi.

Tôi đây hoặc có người sẽ nói: « Nghệ-thuật là để làm việc cho đời. »

Vâng thì cho là nghệ-thuật làm việc cho đời, nhưng là làm việc một cách khác — Nó không khuyên ai mà không dạy ai, nó không bắt ai phải theo chủ-nghĩa này, phải bỏ chủ-nghĩa khác. Nó chỉ biết pao-bầy những cảm-sắc của thiên-nhiên, những hình-ảnh của xã-hội, những sự bí-ẩn của tâm-giới, những nỗi éo-le của đời người. Nó phô-bầy khéo cho người ta cảm như được mắt thấy, tai nghe, cho người ta say-mê như tự mình vào chốn & thế-giới văn-chương và mỹ-thuật, ấy là nó đã làm việc cho đời đó.

Văn sĩ Flambert đã nói: « Taish-thoảng tôi cảm thấy một trạng-thái linh-hồn cao hơn cái đời thực-tại »

Muôn nỗi rõ về cái trạng-thái đó, xin thuật sơ một chuyện sau đây:

Hồi cách-mạng năm 1848 nhà danh-họa Corot ngồi vẽ trên bờ sông Seine, mãi mãi tối nỗi không thấy ở xung-quanh mìn mông cuộc biến-động lờ-lor. Sáng bão đang đùng đạn và qua tai, ông vẫn không rõ ràng gì, không nghe được gì. ít ngày sau ông nói bạn:

— « Lạ nhỉ? Tôi không thấy vua Louis Philippe nữa đó.

Sao trả lời :

— « Thưa ông Corot, vừa có cách-mạnh.
Corot nói tiếp.

— « Sao vậy ? Cũng có những kẻ không bằng
lòng đầy ư ?

Đời còn có những sự bất-công, còn có
những điều vô-ideo, còn có những cảnh nghèo
nàn khốn-khổ thí còn có những kẻ không
bằng lòng chứ sao ?

Nhà nghệ-sĩ, cô là cũng phải chịu nhiều
nỗi thiệt-thài đau-thương của người đời,
nhưng vì quá bằng lòng trong thế-giới văn-
chuơng mĩ-thuật mà đã có một trạng-thái
linh-hồn oao hơn cảnh đời thực-tại.

Nhà xã-hội học sẽ cho nghệ-sĩ là ký-sách-
trùng. Nhưng nếu nghệ-sĩ biết lý-luận thì nghệ-
sĩ sẽ cái rắng :

« Các ông muốn cải-tạo xã-hội để tô-diêm
cho sự sống của loài người. Tôi không biết
cải-tạo xã-bộ là cái gì, nhưng sự sống của
tôi, tôi không cần các ông phải tô-diêm. Tự
nó, nó đã mãn-nguyện rồi. Nếu trong thiêr-
hạ còn nhiều người biết yên-mến nghệ-thuật
nhờ thương-thức những công-trình của chúng
tôi mà quêa được những nỗi bô-lô-nha ti-
tiện ở cõi đời để sống chung với chúng tôi
trong khoảnh-khắc gữa một cảnh thế giới
đẹp-đẽ hơa. cao-thượng hơn, thì chúng tôi
hã lại chẳng đã có công với xã-hội loài người
đầy ư ? »

Sự học

SỰ học là một cái chìa khóa mở được hết
thầy các cửa ».

Mở cửa nào ánh-sáng theo về cửa đó,
mà ánh-sáng này là ánh-sáng chân lý,
nó mới dịu-dàng êm-dep bết bao nhiêu.

Sao nhiêu những công cuộc văn-minh tần-hoa
của loài người như: thiết đều do & sự học
mà ra cả.

Thế-kỷ thứ 17, Descartes trình ra cái lý-trí
(la raison) của mình, rồi liền bài-xích hết
thầy những học-thuyết của người trước.

Thế-kỷ thứ 18 Rousseau kiểm ra được cái
tinh cảm (le sentiment) của mình rồi cũng
phản-đổi lại hết thầy những chủ-nghĩa của
ông cha.

Vậy mà nay, người đi học vẫn không dám
bỏ qua những bậc triết-ô-hơn học-giả đã lập-
ngôn trước Descartes hay Rousseau.

Như thế nghĩa là nhoi-loại chỉ được ví
như một người nó vẫn liên tiếp với nhau mà
sanh-tồn và tần-hoa.

Theo lẽ phải thì người sau phải hay hơn
người trước, nhưng cái đó chính đã phải nhờ
một phần công của người trước để lại,

Nếu Descartes không đọc sách của tiền-nhơn thì cũng không bay gev nên được cái học-thuyết siêu-việt hơn cái học-thuyết của tiền-nhơn. Mà nếu Rousseau là người vô học thì vị-tất đã hiểu biết được cái năng-lực nguyên-naturen của tinh-cảm.

Phạm vi sự học là phải bao-lla cả không-gian lẫn thời-gian, nghĩa là gồm cả Đông, Tây-kim, cõ.

Cái công việc đầu tiên của sự học chỉ là một sức chịu-đựng, chịu-dựng hết thảy cái học của những người đã-xướng-minh ra trước, đầu ở Đông-phương hay Tây-phương cũng vậy.

Chịu-đựng như thế nghĩa là thừa-hưởng cái già-tài về tinh-thần của tiền-nhơn, ngõ hồn có đủ tri-thức và Sống ở trong cái hoàn-cảnh và cái thời-đại của mình.

Nhơn-loại là một người thi minh nay chính là một phần trong cái người đó, mà phải là một phần già-giận chính-chắn hơn những phần trên kia, vì người càng bay càng khôn, thi nhơn-loại cũng càng già càng tiếc.

Tuy nhiên, chịu đựng không phải là một sự thụ-dòng yếu-bèi: chỉ biết nhắm mắt tin theo mà không có sức phản-động chán-chường.

Cái sức phản-động mà ta đã thấy ở Descartes hay Rousseau trên kia đó, chính là nguyên-nhân cho mọi cuộc cải-cách, mọi sự tiễn-hoa trong loài người.

Vì sao có sức phản-động ấy?

Chính là vì trong cái gia-tài về tinh-thần của tiền-nhơn đẽ lại vốn không phải hồn hồn đẽo là những chấn-lý bất bù bí-diệt, mà cũng có biết bao nhiêu những điều nguy-biện nguy-hiểm, bao nhiêu những cái thành-kến sai-lầm.

Một nhà văn sĩ Pháp, linh-thục Guénaud có nói rằng:

«Những ý-kiến kỳ-khôi của dân-tộc, những «giáo-lý quang-xiên của môn-phái, cái tinh-thần đẳng-cấp cùng với những thành-kến mờ-hồ, cái tánh-chất thứ-loại cùng với những sự đêm-cuồng chướng-ngược, cả đời này truyền cho đời khác, người đã chết đi mà tư-tưởng vẫn còn. Bởi vì những tư-tưởng ấy, do ở óc các cụ già, các bậc sư huynh mà ra, lại nham-nhay vào óc các con cháu, các mòn đẽ, arbi cứ thể mà lưu-truyền mãi cho những kẻ hậu-sanh bay cả tím.»

Những kẻ hậu-sanh bay cả tím đó chính cũng là cái trắc-lực lóe lao, cho sự tản-hóa của loài người học mà không bể phán-biệt phái-quáy, học mà không bể phán-doan lọc-lừa, thì cái học đó đều không sai lầm nguy-hiểm cũng chẳng cẩn-tạo nên được những cố-g-trinh gì mờ-mè, bô-ica cho đời.

Mỗi người caung ta đẽo có những cái năng-lực qui-báu dù dưa chung ta vào cõi học một cách chắc-chắn khôn ngoan.

Cái năng-lực dùng tới rurus nhất là cái tri-giáo (*l'entendement*) dùng để hiểu biết những điều khó-khăn trong sự học.

Kể-tới cái-ký-ức (la mémoire) dùng để ghi nhớ những điều mình đã sở-đắc ở sự-học.

Rồi có cái óc-phê-bình (esprit critique) dùng để phân-biệt những điều hay dở phải quay trong mọi điều-học-vấn.

Sau khi đã vượt khỏi được những sự-khổ-khăn, ghi nhớ được những điều-sở-đắc, phân-biệt được những cái-hay-dở trong sự-học, thì cái-tư-tưởng đặc-biệt có thể cứ thẳng đường mà tiến tới những chỗ cao-thâm-hay-e-diệu.

Muốn học-tới bực đó không phải là dễ-gi, vì không có một trường-nào đủ đào-tạo được những-hạng người như thế cả.

Cái-học ở trường chỉ gây-nên được những người-học-trò siêng-nâng-gòi-giắc mà chẳng bao giờ sỉn-xuất ra được những bậc-triết-học-văn-hào.

Những bậc nầy sau-khi đã ra trường rồi còn cần phai có một cái-học khác-nữa, không-thay-nào có thể cho được, không-sách nào có thể dạy được, nghĩa là cái-học lấy-một-mình, nhớ-ở-sự-trầm-tư-mặc-tưởng mà kết-cấu-nên.

Các-nhà-trí-thức trong nước mới đây thường than-rằng nước ta không có quốc-học.

Điều-than-thở-do là chuẩn-dáng-lâm vi sự không có quốc-học chính là một điều-nếu-yếu của dân-tộc và cũng là một cái-dòng-lực thiểu-hỗn cho bước đường-tán-hoa của xã-hội.

Có người nói dàn-Annam chỉ có tư-cách đồng-hòa mà không có tinh-thần sáng-tạo,

Lời-nói đó chưa hẳn đã là đúng.

Nếu có tư - cách đồng - hóa thì tự nhiên cũng có tinh-thần sáng tạo. Đồng-hoa là minh bồ luôn cái phần cõi-hữu của mình mà hóa heo với người ta, nghĩa là mình có đủ sức tần-hoa để theo kịp bằng người.

Mà, ở sau người, đã theo kịp bằng người thì cùng đi với người há không đủ vượt xa hơn người mà tự kiểm lấy con đường minh đi ư?

Không, không phải dân ta không có tinh-thần sáng tạo, mà có lẽ chỉ tại cái chế-độ xã-hội, cái không-khi hoàn-cảnh nó không lợi cho sự học mà thôi.

Trước kia ông cha ta theo học Tùy cũng đã có nhiều bức danh họa uyên-bác, nhưng cái học đó kẽ đã đưa người ta tới được cái địa-vị ông công. Ông nghè, thì đều thấy phải dùng vào việc vua, việc quan mà không tần-hoa được nữa.

Tới nay trong hàng thanh-nien tân-học cũng có biết bao nhiêu người đã xuất thân ở những trường Cao-dâng Pháp-quốc đều là những phần-tử tri-thức của xã-hội.

Song những phần-tử tri-thức đó, sau khi đã sanh-hoạt ở cái hoàn-cảnh này rồi đều không thấy phâ.-triền được thêm nữa.

Vì sao?

Vì phải làm việc, theo sự bắt buộc của kinh-tế :heo cái ý muốn của gia-dình, theo cái lập-quán của xã-hội, theo cái lối đường của người trước đã đi.

Thành ra những cái địa-vị cao-trọng trong xã-hội đều có người đá-tài-ba học-thức mà giành-gặt lấy được. Tới cái địa-vị làm học-giá thi chằng ai chịu cam-tâm yên-cái mà ôm-ấp đèo-dong.

Và nước ta không có một cái doàn-thể học-văn nào đủ giúp đỡ những bậc anh tài tri-thức được rành-rang về phương-diện kinh-tế mà chuyên-tâm theo đuổi về học nghiệp như các nước văn-minh Âu-Mỹ.

Nhơn đó mà cái học ở nước ta chỉ mới thấy tới chỗ đồng-hoa mà chưa tới chỗ sáng-tạo, chỉ mới là sự thâu-nạp chịu đựng chứ chưa có gì là đặc-biệt phát-minh.

Cái hiện-tượng đó chính là một điều đang lo ngại của những nhà tri-thức trong nước và là một vấn-dề cần phải giải-quyet như những vấn-dề kinh-tế và xã-hội vậy.

Viết văn

Viết là gì ? Viết là nói bằng chữ, nói để diễn-thuật những cái gì mình muốn diễn-thuật ra cho một người hay nhiều người, mà mình không tiện hoặc không muốn lấy lời mà nói.

Nói mỗi người một giọng điệu khác nhau, thi viết, cũng mỗi người một văn-thể riêng vậy.

Nhà triết-học không có cái văn-hoạt-bát của bậc thi hào, mà khách đa tình cũng không có cái văn-cứng-cỏi của nhà Lý luận. Văn-tay, chữ-sinh (produce) thường cùng nghĩa với chữ-viết (écrire), mà đã sah thì đứa con tắt phải do cái huyết-thống của mình mà ra, phải giống mình bơm giống người vậy.

Văn minh túc là con của mình sinh ra thì nó phải theo cái tính cách riêng của mình mà phát diển.

Nhưng để con đã cần phải dưỡng-thai thi viết văn cũng cần phải dự-bị. Không có một người nào không tập mà viết được nên chữ, không học mà viết được thành văn. Cho nên cái giá-tri của một bài văn thường do tự cái giá-tri của người cầm bút. Mà cái giá-tri của người cầm bút thường do ở cái công-phu luyện tập biết bao nhiêu ngày giờ.

Có người nói cứ học nhiều là viết văn hay.
Lại có kẻ nói cứ đọc văn người rồi tự có thể
nhiễm theo mà trở nên văn-sĩ.

Học nhiều đẽ tu-bồ lấy phẩn trí-thức thì mới
có tư-tưởng mà viết, Đọc nhiều đẽ nhận châm
lấy cái thuật làm văn thì mới rõ cách-thức phải
viết i-bé nào.

Nhưng có khi học nhiều, đọc nhiều mà vẫn
không viết được văn hay, ấy cũng là tại sự học
chưa thiệt có kết quả tới người và sự đọc cũng
chưa được thấu đáo.

Đông-pho có câu : « Người không biết đọc
sách, đọc một trăm một ngàn cuốn sách không
có cuốn sách nào trong bụng ; mà người biết
đọc sách, đọc một trăm một ngàn cuốn sách
cũng không có cuốn sách nào trong bụng. »

Tây nhơ cũng có câu : « Người ta không sống
bằng những cái mình ăn, mà sống bằng những
cái mình tiêu-hóa » (On ne vit pas de ce que
l'on mange, mais de ce que l'on digère)

Kẻ không biết đọc sách, mắt đẽ vào sách
mà tri-nghi-đi đâu, hoặc đọc rồi mà quên đi,
hoặc đọc sau mà quên trước thì trăm ngàn
cuốn đó nào có ích gì đâu ?

Người biết đọc sách, đọc thì hiểu, hiểu rồi
nghĩ, đem cái tinh-thần mình mà nhận lấy cái
tinh-thần sách, đem cái tư-tưởng mình mà
xét lấy cái tư-tưởng sách rồi đổi chiếu, rồi
phê-bình, rồi chọn-lọc rồi tiêu-hóa, thì đâu
là trăm cuốn, ngàn cuốn mình đọc đấy, mà nào
có cuốn nào còn giữ được nguyên hình ở trong
ký-ức đùi chi-phối mai-ha đâu ? Nó đã biến ra
nhau đẽ nudi cho tinh-thần rồi vậy.

Cho nên trong sự học cần phải giữ cho tinh-thần minh được tự-do, không chịu đe cho một cái tư-tưởng, một cái lý-thuyết, một cái chủ-nghĩa nào có thể chi-phối được mình hắn.

Trời sinh ra ta đã phô-bàn cho tâm-hồn ta được nhiều kho-tàng quý-báu mà sự học ta chỉ giúp ta để khám-phá ra, chứ không phải thuộc cho ta mê-di mà quên mất được.

Câu nói của Socrate: «Connaît-toi toi-même» (Người hãy tự biết lấy người), chính là một câu mà ai là kẻ học-rò nêu ghi nhớ.

Nhờ sự học mà ta biết được ta thì bao nhiêu những sự phát-khiến ở óc, ở lòng ta, nó mới có cái đặc biệt của ta, mà cũng có cái sức mạnh đủ già cho lời nói ta được tự-nhiên, hoặc cho văn-chương ta được linh-boạt. Lời của người mà ta nhắc lại đâu được trôi-chảy như lời của ta mà ta nói ra.

Ý của ta mà ta phát-diễn tất được phân minh hơn ý của người mà ta thuật lại.

Nhưng viết văn đã là một cái nghệ thuật thiết ra cũng phải có coi những kiều mầu văn-chương của cái tay nhà nghề lão-luyện.

Tuy nhiên, văn chỉ là cái hình ảnh của sự thiêt hoặc là cái thanh hưởng của tinh-thần, mà những kiều mầu lấy ở văn-chương thường lại không bằng những kiều mầu lấy ở sự thiêt hoặc thua những sự phát-diễn tự nhiên của linh-hồn.

Những bài tả cảnh của Chateaubriand, Victor Hugo, mà ta vẫn cho là danh-sơn kiệt tác, chính là những kiều-mầu lấy ngay ở trong

vườn tạo-vật, tác giả phải dùng con mắt mĩ thuật mà chụp lấy những cảnh thiên-nhiên hoặc đã đem khôi-tinh thi-sĩ mà tiêu-giao cùng vũ-trụ Cuốn sách đó là cuốn sách của ạo-hoa (*livre de la nature*) có vẫn ở quyền sở-hữu của ta.

Những đoạn tả người, tả vật của La Bruvère và La Fontaine mà ta vẫn cho là thản-tinh-thú-vị, chính là những kiều mẫu lấy ngay ở trong xã-hội thư c-lé, tác-giả đã tiêu phi biết bao nhiêu ngày giờ mà quan-sát lấy bằng dáng hình dung, ghi nhớ lấy đường ăn ý ở của loài người, loại vật. Cuốn sách đó là cuốn sách của thế-giới (*livre du monde*) nó vẫn thường rộng mở cho ta.

Những bài tả tâm-lý người đời của Paul Bourget, hay Honoré de Balzac, mà ta vẫn cho là khám-phá, thâm-trầm, chính là những kiều mẫu tự lấy ở trong lòng, tác-giả đã khéo công nghe từng cái tiếng động của trái-tim, học từng cái nhạc điệu của tâm-hồn, coi cái tiếng động nọ từ đâu mà có, xét cái nhạc-diệu kia cùng họa-viện với vật gì ở ngoài, rồi đem cái tâm-lý đó cho làm cái tâm-lý của nhơn-loại (1), nhậm cái

(1) Trước kia, có người rằng Victor Hugo sao cứ nói chuyện minh hoài. Ông trả lời : « Rõ ngú, anh tưởng tôi không phải là anh hay sao ? » (Jusen-sé crois-tu que je ne suis pas toi ?) « Tôi » mà là « anh » chỉ nghĩa là nhân-tâm tôi cũng như nhân-tâm anh mà cũng là đại-dồng-tiều dì với cái tâm-lý chung của nhơn-loại trước Victor Hugo, montaigne đã đã từng nói người ta là cái kiều mẫu của nhơn-loại l'homme, spécimen de l'humanité.)

bô-n-agă của mình là cuốn sách về nhơn-loại vây (livre de l'humanité).

Những công trình trú-thuật của Descartes hay Renan mà ta vẫn cho là những công-trình bất-hủ của nhân-sinh, cái ý đã giàn cái văn lại mạch, chính là những sự phát-minh của tác giả đã từng khò-tú lao-tâm trầm-tư mặng-tưởng ở trước cái cuốn sách tư-tưởng (livre de la pensée) mà mỗi người chúng ta đều cũng có ở mình cả.

Nhờ có học mà biết được lâm chuyện. Song có tư-tưởng mới biết được lâm chuyện hay. Nhờ chịu suy-nghĩ mà phát-minh được nhiều cái. Nhưng có quan-sát mới khám-phá ra được lâm cái là.

Dùng ký-ức mà thâa-hoạch, dùng trí-khôn mà tư-tưởng, dùng lý-tánh mà suy-nghĩ, dùng thông minh mà quan-sát, chính là dự-bị cho sự viết văn.

Muốn viết văn mà không chịu hỏi, không chịu quan-sát, không chịu suy-nghĩ, không chịu khám-phá ra, không chịu phát-minh những cái người ta chưa phát-minh ra, thì cái văn đó sẽ có mà cũng không thành văn hay.

Đưa con mình sinh ra đó, đã không làm nên danh giá cho cha mẹ nó, mà sợ có khi còn chế-trước cha mẹ nó nữa.

Đời và việc nhà văn

Ở xã-hội nào cũng vậy, nhung thứ nhất là ở xã-hội ta, nghề văn-sĩ thường là ngõe bắc-béo. Bạc-béo vì nó không đủ nuôi sống người và không đem lại cho người những cái mà thế-thường ham-chuông. Sự giàu-có của những ông quan to, sự yên-đն của hàng người trưởng-giả... nhút thiết nhà văn-sĩ đều không biết tới và không được hưởng. Cha mẹ sinh con ra chẳng ai mong và muốn cho con làm văn-sĩ. Làm văn-sĩ là những đứa con hoang, bất-hiệu chí tử.

Baudelaire đã tả cái khẽ tâm của một người mẹ có con làm thi-sĩ ở mấy câu thơ này :

*Lorsque par un décret des puissances suprêmes
Le poète apparaît en ce monde ennuyé,
La mère épouvantée et pleine de blasphèmes
Crispe ses poings vers Dieu qui la prend en
pitié.*

Tôixin dịch một cách nôm-na :

« Khi có sắc-lệnh Thiên-dinh,

« Má nhà thi-sĩ được sinh ra đời,

« Mẹ chàng sững-sốt rủa Trời.

« Đơ tay khiêu-khích khiến ngài phải thương.

Gây gò với trời đã cho nàng Thơ quyến rũ
mất con mình là vì bě theo người tình này
thì tôi đi sai lối đường của thiên-bà vẫn đi

rồi ra thế nào không biết, nhưng chắc chắn là cha mẹ sẽ mất nhau và ông con sẽ khóc.

Nhưng biết làm sao bây giờ?

Trước khi có sắc-lịnh truyền, cho làm văn-sĩ thì đã có sắc-lịnh bắt phải làm người. Mà thiếu gì người không ăn đời ở kiếp với nàng Thơ nhưng hỉnh-thoảng cũng không tránh khỏi được sự cảm-dỗ của nàng.

Một đứa con nít được cha mẹ giắt đi chơi tới một chỗ phong-cảnh xa lạ. Nó thấy cái gì cũng khen-động tinh-tò-mò của nó. Gặp cái gì nó cũng chú ý hỏi han. Có khi người ta không trả lời hết cho nó, không睬 nghe hết cho nó được. Song những hình-ảnh mà nó đã thâm vào trong linh-hồn của nó cũng khá nhiều. Những hình-ảnh đó làm khi nó về lại bằng những lời ngày-thơ làm cho ta phải sững sốt.

Tưởng con tôi mới ba tuổi, một hôm bảo tôi rằng : « Ba làm nước chảy cho Tuần chơi ». Tôi không hiểu câu nói của nó. Nó liền đi kiểm hai cuốn sách đưa lại chỉ cho tôi là mỗi cuốn một tờ, tờ nọ trước tờ kia, kẽ tiếp nhau, rồi dựng đứng cả lên cho những tờ giấy đó thủng-thủng chảy xuống.

Trò chơi này tôi đã bày cho nó chơi hoặc nhưng tôi không bảo cách gọi. Thế mà tự-nhiên nó biết đem cái hình-ảnh của nước chảy để vẽ ra cái hình-ảnh của trò chơi, tuy là ngày thơ nhưng cũng nên thơ chát-dính.

Người ta trước khi để cho những thành-kiện nó chí-phối mình những thế-lực nó mà hoặc mình thường vẫn có nhiều điểm văn-chương ở trong tâm-hồn tình cảm.

Tuổi thanh-niên là tuổi mèn thơ nhưng cũng là tuổi « sinh thơ » vì thanh-niên là một cái cửa đe ngò ra vũ-trụ bao-la và cũng là một tấm gương trong đe obju đựng những hình ảnh mới lạ kỳ-khôii ở cái hoàn cảnh của mình.

Tôi còn nhớ một bài thơ vịnh trường Hàng Või mà tôi đã thuộc lòng hồi tôi còn học lớp sơ đẳng ở trường đó.

Tác giả là ai không biết được. Nhưng chắc hẳn chỉ là một cậu học sinh độ 13, 14 tuổi đầu thôi.

Trường hàng với vừa đông vừa hép.

Ở cửa trường lại nẹp ca nồng.

Hàng qua bán súng hơi đông;

Nào là kẹo-kẹo, bông-bông, bánh-dày.

Kè bán nước, người bày cam-quít.

Kè mua hàng, nợ quít biết bao.

Đến giờ rồng đánh đe vào

Anh em xô đẩy đi dào như mưa.

Đồng hồ mà chậm, đến trưa.

Thầy giáo bắt phạt lại vừa genoux.

Mới đây tôi có đến thăm trường cũ của tôi ở đường Amiral Courbet. Phố xá đã sửa sang khác trước. Nhà trường cũng trang điểm khác xưa. Hai cây súng ca-nông không còn ở đó nữa. Tên trường đã thay đổi. Tấm bảng với mấy chữ « Ecole Nguyễn-Du » và cái quang cảnh về toàn thể đã sờn nhòa hết cả những hình ảnh về trước mà bài thơ trên đây còn giữ lại. Ai ngờ tác giả truyện Kiều kia đã than thở cho nỗi đời dân bần lai đem tên cụ mà công hiến cho cái trường cũ của tôi để giúp thêm vào cho sự tang thương của nó.

Trời sinh ra người với một cái linh hồn
biết xúc động trước những cảnh huyền-ảo
của tạo-vật và trước những chuyện ly-kỳ ở
nhưn-gian thì cũng tức là bắt mỗi người
phải có chút duyên-nợ với văn-chương và
nghệ thuật.

Cái duyên nợ đó có khi cùng lớn lên với
người, nhưng phần nhiều lại một ngày một
nhỏ lại, tùy theo với bản-sắc của cá nhân
hay tùy theo với những sự tình cờ rủi.

Ở trong đời biết bao nhiêu cơ-hội khiến cho
ta thấy hồn thơ xúc động, nhưng cũng biết
bao nhiêu cái nó làm cho ngon thi hứng
của ta một ngày khô cạn héo hon.

Đối với văn-chương, ái-tình cũng có sáu-
hương lớn. Đầu chỉ một tâm-hồn chất-phác,
ai tình cũng có thể gây cho được những tình-
tứ ly-kỳ. Đối với người yêu nếu muốn ca-
ngợi cái sắc-đẹp mê-hồn ta không thể chỉ nói
một cách thản-nhiên thô-bạo: «Em đẹp, em
đẹp quá». Mới một lần còn có thể cho là lời
nói thành-thật ở đáy lòng thoát ra. Nhưng
nếu có nhiều dịp phải cùng nhau tình-úy,
nhiều lúc phải giấy dời thơ trao thì lại cũng
sẽ nhiều cơ-hội cho thi-sĩ phải trau dồi
nghệ-tuật để diễn cho hết ý, hết tình,

Nhà thi-sĩ còn có khi nhớ ái-tình mờ mắt,
mờ lòng cho hiều và yêu-mến những cảnh-
sắc của thiên-nhiên.

Song ái-tình chẳng phải chỉ là một bài thơ
xuân-xán-lạn. Ái-tình còn cho ta biết những
vẻ bi-thù với những nỗi sầu-đông nghĩa là
những đau-thương khôn nasc mà thi-sĩ cũng

cần phải trải qua và hưỡng-lấy để thâu vào ở tâm-hồn rồi phát ra bằng nghệ-thuật.

Những cái động-lực tôi đã nói ở trên nhiều khi cũng gây được những thành-tích khâ-quan nhưng thường phải tùy theo với cái bản-chất của người.

Người ta sinh ra là thi-sĩ chứ ít khi có thể luyện cho thành thi-sĩ được.

Người nào cũng có thất-tinh, người nào cũng biết cảm-động, người nào cũng có thể gian-diu với Nàng-thơ. Nhưng chỉ khác là & người thường thì nhẹ, & thi-sĩ thì nặng. Ở người thường thì nồng, & thi-sĩ thì sâu, ở người thường thì thoáng qua, ở nhà thi-sĩ thì bền bỉ.

Victor Hugo có nói: « Đời của phàm nhơn là một tiếng rì-rào lộn-xộn ở thâm-tâm. Đời của khách du-cảm là một tiếng kêu. Đời của thi-sĩ là một bài hát, »

Như vậy thì cái sắc-lịnh Thiên-đinh quả nhiên là phải có mỗi khi có nhà thi-sĩ ra đời. Số kiếp đã phải đóng vai tuồng đó thì không có một cái thế-lực nào cản trở được và những cái thi-hứng ở ngoài đưa lại chỉ là để tiếp-tục vào cho cái hứng cảm tự-nhiên nó đã mang-nau ấp-ủ trong lòng nhà nghệ-sĩ.

Nghệ-sĩ phần nhều đều là những người vung về ở trong đời thực-tế chẳng mấy khi làm nê: được việc gì đâu: chỉ ở trên trường hoạt-động. Đã vậy mà tình cảm lại dồi-dào, tâm-hồn lại phong-phù nêu kuông được tiết ra ở nghệ-thuật thì chắc phải nát-ức đau-khô vô cùng.

Cái nò bắt nhà nghệ-sĩ phải sáng tạo là một sự cần dùng để làm điều bót những thi đực không thiệt hành bằng tiếng nói, điệu hát hay màu vè.

Nhà nghệ-sĩ là một người suýt đời đã góp nhặt được những tình-cảm mà hắn không có chỗ dùng ở trong đời hoạt động. Những tình cảm đó làm cho hắn ngây, chưa đầy cả linh hồn hắn cho đến phải bùng ra.

Lúc hắn thấy sự cần dùng phải tự giải phóng là lúc công trình tự nhiên tràn ra bằng một sức mạnh bồng bột.

Lắm khi tôi muốn vì nhà nghệ-sĩ như những người đàn bà thụ thai và sinh đẻ. Nếu sự đời biến thành thật thì không có gì là bất lịch sự cả.

Nhà nghệ sĩ tiếp được nguồn hứng cảm rõ; Ông ấp lấy một tư-tưởng trong đầu nào có khác chi người đàn bà đã chịu đựng một cái thai trong bụng.

Cái tư-tưởng đó trước còn mơ-mơ, sau càng ngày càng rõ-rệt, càng ngày càng linh-động tài cũng in hệt như sự tấu-hòa của cái thai kia.

Rồi vì cái tư-tưởng đó mà nghệ-sĩ phải khẽ túc lao tâm, lo kiếm tài-liệu để bồi đắp che né, lo kết-cầu, lo xếp-dặt, bao nhiêu sự bận rộn ở tâm-hồn, bao nhiêu nỗi đau-khổ trong chần-trí, nào có khác gì những bức-rút của người phụ-nữ lúc bị thai-hành.

Kế tới ngày đẻ thì nhà văn cũng như người sản-phụ, cũng phải chịu bao nhiêu khổ-hình, tiêu bao nhiêu khí-lực mì vì sinh ra được đứa con theo sự may-ug của mình. Chỉ khác là ở

người đàu-bà thì đúá con bâng xương thịt mà ở nhà vẫn thi là một sự-nghiep tinh thắn: một bài văn, một bài thơ hay một cuốn sách.

Còn đẻ rồi, người thấy nhẹ-nhang khoan-khoái. Nhưng nếu mà đúá con khôi-ngoô mạnh mẽ thì người mẹ cũng hài lòng, khôi nồng công mang nặng đẻ đau.

Đối với đúá son tinh thắn, nhà nghệ-sĩ cũng có những mối cảm như thế.

Gần đây người ta hay nói đến những thuyết « Nghệ thuật vị nghệ-thuật » và « Nghệ thuật vị nhân sinh ». Đó có bao nhiêu cuộc bút-chiến kịch-liệt với những lý-luận kho hiều và khó nghe.

Nay tôi cũng muốn đè cạp những vấn-dề đó nhưng chỉ là đè nói tiếp vào câu chuyện của tôi.

Tôi đã nói đến những nguyên nhân tạo thành nhà nghệ-sĩ. Lẽ tất nhiên là tôi phải đi đến chỗ « vị nghệ thuật » trước hết.

Những nhà nghệ-sĩ có tài và thành thiệt chẳng mấy khi đè những chuyện cải tạo xã-hội, cở động dân tâm lèo trước cái khuynh-hướng tự nhiên của mình, vì nghệ thuật mà phụng sự nghệ thuật.

Mang danh là một nhà nghệ-sĩ mà không thêm quan thiết đến nghệ-thuật, cầm cây viết chỉ nói là đè làm việc cho đời mà chẳng kết cấu được một công-trình nào xứng đáng là công-trình nghệ-thuật. Như thế thì cái việc cho đời chua chát đã có ánh-hương lờn-leo mà cái sự-nghiep văn-chương đành chỉ tầm thường thấp thỏi.

Dẫu là « nghệ-thuật vì nghệ-thuật » hay « nghệ-thuật vì nhân-sinh » thì cũng phải là một nhà nghệ-sĩ đã. Mà đã là một nhà nghệ-sĩ thì trước hết phải trau-dồi nghệ-thuật, sống vì nghệ-thuật, cho nó là cái cùu-canh trước khi dùng nó làm cái phương tiện cho mình.

Trước kia Victor Hugo nhân coi một bản kịch của Voltaire tức minh mà nói rằng :

— « Cái oai-kịch này không phải là bi-kịch. Không phải người sống mà chỉ là những câu cách-ngôn nó mới. Chẳng thà trăm lần « Nghệ thuật vì nghệ thuật ».

(*Cette tragédie n'est point de la tragédie. Ce ne sont pas des hommes qui vivent. Ce sont des sentences qui parlent. Plutôt cent fois l'art pour l'art.*)

Victor Hugo tức minh mà nói ra như thế. Nhưng chỉ là thốt ra ở miệng chứ không viết vào đâu, vậy mà phe nghịch cũng nhơn do công-kịch ông kịch liệt. Họ công kích mà họ không thèm đểm xia đến những công việc « vì nhân sinh » của ông, những công việc đó đã khiến ông phải bao lần diên bài lưu ly, chịu bao nỗi hy-sinh đau khổ.

Nó cho phải thi nhà nghệ-sĩ nào cũng phải vì cả hai đảng thi mới có sự nghiệp lớn lao được.

Vì nghệ thuật, vì nghệ thuật là cái lẽ sống của minh, minh phung sụ nó, thương yêu nó coi nó hơn cả bao sự phú quý vinh hoa và có khi còn vì nó mà chịu bao nỗi thiệt thòi ở trong đời vật chất.

Tuy nhiên người ta không phải sống giữa bối cảnh vô-liệu, Người sống chung với người

CĂU CHUYỆN VÀN HỌC

Trong một cái xã-hội loài người, tự nhiên phải có sự liên-quan, tự nhiên phải có giây doanh-thề cả hữu-hình lẫn vô-hình. Nhà nghệ-sĩ đã có sự sống chung thì cũng có mối cảm chung, dẫu không vì đời mà viết thì cũng phải viết chuyện đời cho đời coi.

Một bài thơ, một bản kịch hay một thiền-tiêu thuyết chẳng có thể nói truyện trên mây dưới nước, vì những chuyện đó không nói được. Thế tất phải nói chuyện ở xã-hội loài người mà cũng là thế tất « vị nhân sinh » vậy.

Nhưng chuyện đời man mác, sự đời lộn-xộn, nhà nghệ-sĩ phải là người biết lựa chọn, biết tổng hợp, biết đem cái điều hòa của nghệ thuật mà gây lấy sự điều hòa giữa nhân-gian.

Nhin vào thực tế lâm khi ta thấy chóng mặt nhức đầu, vì nó có nhiều những năng lực tương phản, vì nó có nhiều cái bí ẩn khó lường. Nhà nghệ-sĩ nhìn đời cũng thấy thế, nhưng tới khi kết cấu nên những công trình nghệ-thuật thì lại sáng tạo thành một cuộc đời có ý nghĩa hơn, dễ hiểu hơn tuy cũng là những hình ảnh đó, những tình cảm kia, nhưng đã xếp đặt cho có thứ lớp phân minh, đã khám phá được nhiều điều bí ẩn trong sự sống loài người.

Nghệ-sĩ phụng sự nhân sinh là thế, nhưng chẳng bắt buộc phải làm thầy đời, phải dạy đời vì hễ lò hành động quá thì tất có thương-tièn cho nghệ thuật.

Nhà nữ sĩ Anh Jeanne Parisson có viết một đoạn văn, tôi tạm dịch sau đây, mà là dịch ở bản dịch chữ Pháp :

«Muốn thường thức một công trình mỹ-thuật, ta phải cần trong một khoảnh-khắc gột bỏ hết cả cái ý muốn hành động của ta.

«Ta phải dẹp hết cả sự-sợ hãi và sự náo động trong đời thực-tế. Ta phải thành nên một kẻ bàng-quan khán-giả. Tại sao vậy ? Tại sao ta không thể vừa sống vừa nhìn được ?

«Sự đó đã hiển nhiên rồi.

«Nếu ta ngó một người bạn thân chết đuối chắc ta không thấy được cái hình cong xinh-dẹp mà xác bạn đã vẽ ra khi rót xuống nước, và ta cũng không thấy được những ánh sáng long-lanh ở những đợt sóng khi bạn xa chìm đi.

«Ta mà để ý đến những cái đó thì ta thiệt vô lương-tâm, vô nhơn-dạo.

«Nhưng nếu ta liệng một khúc giây cho bạn ta rồi ta cứ việc đứng mà thường-thức cái vẻ dẹp của đường cong nơi mặt nước và cái ánh sáng mặt trời lấp-lánh trên những đợt sóng. Như thế thì có hại gì cho bạn ta đâu. Song cũng không được, vì tất cả cái hồn-thể của ta đều chuyên-chú vào sự hành-động, vào sự cứu cấp mất rồi ».

Câu chuyện lý-thú, không phải chỉ lý-thú ở cái trường hợp bạn chém mà đứng nhìn bàng con mắt nghề-sĩ, nhưng còn có ý nghĩa đối với công-việc sáng-tạo của văn-nhơn.

Văn-nhơn là người, Văn-ibon cũng có thể làm những công-việc của người mà làm bằng

cây viết. Có thể là một nhà chính-trị hăng-hái, một nhà ngôn-luận nhiệt-thành, một người có óc đảng-phái thành-thiệt hay là một nhà đạo-đức nghiêm-trang. Có thể viết báo, diễn-thuyết ra sách để phát biểu những ý-kiện của mình.

Nhưng tới khi làm thơ hay viết tiểu-thuyết, nghĩa là tới khi ngả về đảng nghệ-thuật thuần-túy thì phải rắng giữ cho tâm bồn mình được sáng-sủa, thánh-thơ, yên-đa mà làm việc. Tới chỗ nhân-vật trong sách mình phải cần nói tới chủ-ngôn-gia này, lý-thuyết nọ thì cũng cho họ được nói tự nhiên theo cái tư-tưởng, hiệp với tính-cách của họ. Chứ mình không nên đem cái óc đảng-phái, cái óc giáo-sư của mình mà bày ra một cách khoa-trường thô-bạo.. Như thế sẽ làm giảm mất cái vẻ linh-hoạt của văn-phẩm của mình. Hễ ham hành-động quá thì tất phải phản nghệ-thuật.

. . .

Taiên-hạ phẫn nhiều hay đọc văn mà đoán người, cho rằng những nhân-vật: sáng-lạo của tác-giả đều là phảo-ảnh của họ.

Đoán như vậy thường lầm. Nhà nghệ-sĩ bằng thịt và xương ít khi giống với nhà nghệ-sĩ trong óc tư-đồng-tượng của biết bao nhiêu bạn đọc yêu-quí. Họ vẽ ra những cảnh đời rực-rỡ huy hoàng, họ tả những tình cảm thanh-lương cao-khiết, họ sáng-tạo ra những phản-vật bất-ý-ếc siêu phàm, họ bày đặt ra

những câu chuyện ly-kỳ huyền-ảo, nhưng chẳng phải là đời họ được thế đâu.

Trái lại họ cũng có những sự yếu hèn của nhan-loại, họ cũng biết những cảnh lầm than khổn khổ như ai.

Nhưng cái không có thì họ lại thiết tha họ sống bằng tưởng tượng nhiều hơn là sống ở thực tế. Họ đã không đủ tư cách để hưởng lấy những cái mà họ ước ao nên trong tâm hồn uất ức thường có những sự thèm muốn thái quá và những mong tưởng điên cuồng.

Tôi còn nhớ một chuyện cổ tích về những giấc chiêm bao của một tên đầy té. Tên này ở với một người chủ đòn ác bắt anh ta làm việc luôn tay và hành hạ đủ điều. Anh nhẫn耐 chịu hết. Nhưng ngày anh cực khẽ bao nhiêu thì đêm anh lại sung sướng bấy nhiêu, vì bỗn nhảm mắt là anh chiêm bao thấy mình làm thương thư iết tưởng hưởng đã mọi sự phú-quí vinh-hoa.

Những giấc mộng đẹp đó, tối nào nó cũng đến thăm anh vì đời anh cực khổ quá, tối tăm quá, anh có nhiều sự thèm muốn không thỏa mãn, nhiều mối dục-vọng bị dồn ép, nên bỗn nhảm mắt là lúc thời phải chiêm bao, và quyết nhiên là anh không chiêm bao đến cảnh đòn nô-lộ của anh vậy.

Nhà nghệ-sĩ cũng thế. Họ không đủ tư cách để hưởng lấy những cái nào mà họ thích thì họ lập thể hưởng một cách khác, hưởng bằng tưởng tượng, bằng nghệ-thuật, thì cũng như là họ hưởng bằng giấc chiêm bao, nhưng là chiêm bao mờ mắt.

CAU CHUYEN VAN HOA

Sách chép rằng J. J. Rousseau hồi bàn-vi là một gã si-tinh. Ông ta thích đàn-bè lầm. Ông ta gặp nhiều bạn nữ-lưu quý-tộc mà ông say-mê. Nhưng bởi họ cao-sang còn ông thì ti-tiên nên ông đánh chì ôm ấp lấy những mồi tinh vô hy-vọng.

Sau ông viết tiểu-thuyết « Nouvelle Héloise » thì cái bình ảnh của những người mà ông đã trộm nhẹ thăm yêu ông bèn đem ra đúc lại thành cái nhân-vật của nàng Julie. Ông cho nàng a một người tình. Người tình đó ông đã sáng tạo ra bằng cả cái linh-hồn say-sưa và những lý-tưởng thâm-thiết của ông.

Thế là ông được gần với người yêu và cái giặc mộng tình của ông đã được thỏa-mãn.

Ông Honoré de Balzac hồi mới lên Paris còn nghèo-tung tối-tâm nhưng đã sớm say-mê về những cái hoa-lệ của kinh-thành. Ông viết tiểu-thuyết « Miếng da lửa » (*La peau du chat-grin*) để tận hưởng bằng một nhân-vật sáog tạo hết cả những phong-lưu trong một cuộc đời đầy đủ.

Tài đã từng vi khà văn với người săn-phụ. Nay tôi còn muốn nói thêm rằng những đứa con của nghệ-sĩ hẵn hết là con ngoại-tình, vì tuy có chịu cái sinh-khi của cha, nhưng chúng vẫn thụ-tinh biết bao nhiêu điều cần ích cho sự sống của chúng ở trong đời thực-tế.

Một nhân-vật tiểu-thuyết không phải do tác-giả chỉ cui xuồng minh mà nặn ra. Một nhà viết tiểu-thuyết là một người biết nhiều người khác, là một người lứ-bàn ở trên thế-giới mênh-mông. Hắn đã tìm kiếm ở chính mình bầu cái cết cho những nhân-vật của hắn, song hắn đã

CAU CHUYEN VAN HOC

mượn của mọi người vô số những điểm khác để bồi bổ cho vào những nhân-vật đó và cho chúng nó sống.

Hơn thế nữa, nhà văn lại còn lầm khi sống nhiều sự sống khác nhau để thấu-triết lấy cái tâm-lý phúc-tạp ly-kỳ của nhơn-loại.

Bằng tưởng-tượng, họ có khi làm vua, có khi làm giặc, có khi làm nhà tư-bản chuyên-chế, có khi làm viên quan lại tầm-thường, & mỗi người, ở mỗi cảnh họ đều có những tình-cảm đặc-biệt, những tình-cách riêng, nghĩa là họ phải thiên-biến vạn-hóa sao cho có thể sống cái sống của những nhân vật của họ.

André Gide nói rằng :

— « Trái tim tôi chỉ đập vì cảm-tinh. Tôi sống bằng người ta, bằng ai ấy thay mặt, bằng sự chung-dụng như của hai vợ chồng và chỉ những khi tôi thoát ra khỏi tôi mà trở nên một kẻ nào thì tôi mới thiệt tà được sống đầy đủ »

Muốn được thế, nhà nghệ-sĩ chẳng những chỉ cần có tưởng-tượng mà còn phải cần quan-sát. Chẳng những chỉ quan-sát một cách sơ sài & hĩnh thức mà còn phải đi sâu vào linh hồn của người trong thiên hạ.

..

Nhưng cuối đời một nhọc như vậy nào có sung sướng gì đâu ? Sau đây là lời của một nhà danh-sỹ Nga, ông Tchékhov.

— « Cả ngày lẫn đêm, tôi cứ bị một cái tư-tưởng ám ảnh nó theo rời. Vừa rồi cái đoản-thiên này, tôi lại phải viết cái đoản-thiên khác. Tôi

« không biết tại làm sao, nhưng tôi cứ viết
« không ngừng, như một người phu-trạm và tôi
« không biết làm thế nào khác được.. Như vậy
« thì có gì là cao-thượng đâu ? Tôi xin hỏi các
« ngài điều đó.

« Tôi đứng trước mặt ông mà tôi đứng không
« yên chỗ vì lúc nào tôi cũng nghĩ đến một
« thiên tiều-thuyết bỏ dở nó còn đang chờ
« đợi tôi..

« Tôi rinh ông, và tôi rinh cả tôi, ở từng câu
« nói & mỗi chữ dùng. Tôi lật đật biên chép
« những câu, những chữ đó vì có ngày tôi sẽ
« phải cần đến. Khi hết việc đáng lẽ phải nghỉ
« phải quên. Nhưng ở đầu tôi lại có một ống
« gang lăn tròn một đầu-tè mới, mà rồi tôi lại
« bị lôi-kéo tui bàn viết, lật đật viết lũy viết đè
» viết hoài không nghỉ, do lỗi của tôi.

« Tôi cảm thấy tôi thiêu đốt mắt đời tôi, vì
« chút mực mà tôi đã cống-hiến cho bao nhiêu
« người xa lạ trong không-gian. Tôi đã hứt mất
« mhy của những bông hoa đẹp nhất của tôi và
« tôi đã chà đạp lên gốc rễ của nó.. »

..

Nhà văn-hảo trên đây đã nói đến những người
xa-lạ trong không-gian mà ông đã cho nếm
mặt, thì nay chính cũng là lúc tôi muốn nói
đến những người đó, những bạn bèng tiều-
thụ sản-phẩm của văn-nhân, cho họ khỏi phải
gánh sách lên cho Trời để bán.

Đối với tác-giả, họ có thể là những người xa
lạ. Nhưng đối với họ thì tác-giả chẳng xa lạ
nút nào.

Có nhiều nhà văn được người trong thiên-hạ say mê yêu-mến hơn cả những bạn bè thân-thiết của họ. Họ có những điều bối-rối trong tâm-hồn, có những mồi đau-thương về cảnh-ngộ, nhiều khi họ không có người tri-kỷ để mà thò-lộ ean-tràng, có bạn đồng-tâm để vỗ-về an-ủi. Vậy mà ở trước một quyển sách, họ cảm thấy như có một cái tay nhàn-tùy nó hàn-gắn những mồi thương-tâm hay có những lỗ tai thản-ái nó lắng nghe mọi nỗi-niềm tâm sự.

Nhân đó mà nảy ra cái cảm-tình đối với văn-sĩ mà nhiều người muốn coi như là những bức giáo-sĩ không tu hành.

Quá thiệt thà, họ cho rằng văn-nhân đã hiểu được những điều bí-ẩn trong tâm hồn nhân loại thì tất cũng là những người có nghệ thuật để chữa bệnh cho đời.

Hạng độc-giả này phần nhiều là ở phái phụ nữ...

Trước đây có một bà đầm kiêm cho được nhà văn-sĩ Duvernois về một câu chuyện tối u quan-hệ.

Bà nói với nhà văn :

— « Thưa Ông, tôi bị tình phụ, xin Ông có phương thuốc gì cứu-chữa giùm tôi. »

Ông này vốn là một nhà tâm- lý học, nhìn bà kia rất kỹ : thấy bà đẹp và trẻ, liền trả lời một cách ranh-manh như vậy :

— Tôi chỉ thấy một phương thần hiệu.

— Thưa là gì ?

— Là một ái-tinh khác thay vào.

Hạng đọc-giả trên đây là những người đọc bằng trái-tim chỉ cốt tim ở trong sách những câu trả lời cho những vấn-dề khó giải-quyet ở trong đời của họ.

Ngoài ra, còn biết bao nhiêu đọc-giả biết thường-thức văn-chương một cách sành-sỏi và có lý hơn. Họ có cảm-tình với tác-giả vì cái giá-trị của tư-tưởng và nghệ-thuật. Bình-tĩnh hơn họ là những người tri-khoa không quên biết. Nhiệt-thành một chút, họ muốn làm quen với văn-nhân.

Những danh-sĩ ở thế-gian không ai là không thường nhận được những thơ từ của bao người xa lìa.

Những thơ từ đó phần nhiều đã an-ủi con nhà nghệ-sĩ trong cảnh sống vô-liêu và đem cái giây liên-lạc bằng tình-thần để nối họ lại với người trong xã-hội.

Nhưng cái gì cũng vậy, có hay cũng có dở. Những dấu cảm tình quá nồng-nàn cũng lắm khi «báo hại» văn-gia chẳng ít.

Những nhà nào nồng-nàn, hiếu-danh và chưa có bản-ngã chắc-chắn có thể vì đó dễ làm mất bản-ngã của mình, vì quá chiều ý bạn-hàng tri-kỷ mà đã vô tình cam làm nô-lệ cho bạn hàng.

Còn đối với những nhà đã từng-trái ~~acung~~
~~dẫu~~ và thích yên ồn thì những dấu cảm-tình đó lại làm cực lòng họ.

Nếu vì phép lịch-sự mà phải phúc đáp những thơ dài cả chục trang giấy, phải để tựa cho cả trăm cuốn sách & khắp nơi gửi lại, thì mỗi ngày giờ và mặt tri-bão biết bao nhiêu?

Những ngày giờ tri-não đó nếu để nghỉ ngơi để suy-ngẫm, để chuyên-chú vào công-việc sáng-tạo và trú-tác thì có bồ-ích hơn không ?

Nhiều nhà văn « cồ-quái » đã phu lòng biết bao nhiêu người tri-kỷ vì họ đã nhất-định không trả lời cho những thợ ca-tung, không tiếp chuyện những người phỏng-vấn, không để tựa cho bất cứ ai.

Văn-sĩ Raoul Ponchon một hôm gặp một người thanh niên đi tới với một cuốn sách mà ông là tác-giả.

Người thanh-niên muốn xin ông để tặng cho mấy chữ và chữ ký tên ông, chàng vừa mở miệng nói :

— « Mon cher maître » (Thưa tôn sư.)

Ông Ponchon liền trả lời :

— « Je ne suis pas votre maître. Je n'ai pas de domestiques ». (Tôi không phải là thầy của anh ! Tôi không có đầy tớ).

Vậy mà chàng này không giận và còn kèo nài sao cho kỳ được mời nghe. Ông mờ tíc minh, giục lấy sách viết rằng :

— « A Monsieur X. . pour qu'il s'en aille » (Cho ông X. . để ông đi cho rảnh).

Cái thái-độ của nhà danh-sĩ trên đây thật là khé-thương, nhưng không ai quá lời nghiêm trách vì ông là người có tài và cồ-quái (*original*), nhưng cái nết có thể mua chuộc đượm sự tha thứ về tội khinh-thể ngạo-vật của ông.

Nghĩ lại nhà văn nào có khác gì một người già-buông, vì phải nhờ có người tiêu thụ văn minh thì mới đứng được ở trên văn-dàn, và sống được ở trong xã-hội. Nhà buông đang lẽ

phải chiều ý bạn hàng mới phải. Nhưng người ta đã không chiều ý mà người ta lại như có ý không sẵn, thế là nghĩa làm sao?

Là vì nhà văn chỉ có óc văn-chương chứ không có óc buôn-bán và độc-giả khi bỏ tiền ra mua văn cũng không nghĩ tới cái gì ngoài bụng yêu văn.

Nhân đó mà mọi sự kỳ khôi ở trong đời văn-sĩ đều có thể tha thứ được. Day chỉ có một tội không tha-thứ được là tội vô tài cũng muốn làm văn-sĩ, trái với cái sắc lệnh của Thiên-Đinh.

Làm văn-sĩ chẳng phải là vì danh, chẳng phải vì lợi, mà cũng chẳng phải là vì không biết làm gì mới phải làm văn-sĩ.

Những người có kiến văn-chương, là những người nhiều khi đã hy sinh hết cả mọi cái để cố giữ lấy cây viết của mình.

Nhà phê-bình ít ra cũng phải hiểu biết được những điểm-đặc-biệt kỳ-khôi ở tâm hồn nghệ-sĩ thì mới phải là tri-kỹ của nhau.

Bởi với họ, phải có ái-cảm hơn là ác-cảm vì phải yêu người mới hiểu rõ được người không phải là sự yêu mù-quáng của khách tình, nhưng là sự yêu sảng-sủa của bè bạn.

Mà chẳng phải là bè bạn vì sự quen biết giữa thế-nhơn nhưng là bởi mối liên-lạc bằng tình-thảo nghệ-thuật.

Nhà phê-bình mà chỉ có óc phê-bình chưa hẳn đã là nhà phê-bình hoàn-bị. Nhà phê-bình nhiều khi còn phải eo nõn nghệ-sĩ mới tránh khỏi dược những sự bất-công.

Emile Faguet nói rằng: « Phê-bình là một kỹ thuật đù sảng nhiều sự sống của người

g khác mà lầm khi lại sống đầy đủ hoàn toàn hơn. Trong lúc đó thường phải cầm đến một cái ý-thức sáng-suốt mà riêng chỉ có ở những người nào đủ sức tự mình giàn-đoạn được với mình, tự quên hẳn được mình đi, lấy tư-cách kẻ bằng-quan mà ngó vào cái linh-hồn của mình hoặc nhập vào linh-hồn người khác mà ngầm một cách gần cận tè-tưởng như một vật gì vừa thân-mật mà ta vừa không dễ cho nó chí phôi được ta ».

Quên mình để quên hết cả những tình-cảm thiên-lệch, những thành-kiến hép-hòi đang có thể hiểu biết người ta, cả ở những chỗ nó không giึง với mình.

Để linh-hồn của mình sáp-nhép hẳn vào linh-hồn nghệ-sĩ đang có thể phân-tích và thấu-triết được cái bẩn-ngã ly-kỳ của họ.

Nhà phê-bình là một người đọc giùm kẻ khác, nhưng phải đọc một cách vô-tư, biết nói đến những cái mà tác-giả không nói ra, đọc giả không nhìn thấy, nhưng chính là những cái nó làm cho ta được hiểu-biết: nhà nghệ-sĩ với cả tâm-hồn và nghệ-thuật của họ.

..

Nhưng hiểu-biết để làm gì? Đời và việc của nhà văn có can-thiệp gì đến ta?

Nói vậy cũng như nói rằng giึง người là giึง vô-trí vô-giác và nhân-loại chẳng cần có gì là cao-thượng hơn các loài động vật trong thế-gian.

Người đời hay nói : « Sống đã, triết lý sau ». Nhà triết-học lại nói ; « Đầu thế-giới sẽ tiêu-điểm mà ta còn phải triết-lý » (Le monde coulerait qu'il faudrait encore philosopher — RENAN —

Nhà văn-sĩ có khi không biết triết-lý nhưng nhà văn-sĩ biết cảm-xúc, chịu tư-tưởng, biết nhìn ngắm đến những cái thiên-hạ không nhìn, biết suy nghĩ đến những cái thiên-hạ không nghĩ.

Thiên-hạ đã bỏ chí Hỗn mà theo hóng đèn điện. Nhà văn vẫn bay trốn cái ánh sáng đèn điện mà đi kiếm chí Hỗn.

Thiên-hạ đã quên cả những cảm-sắc thiên-nhiên trong vũ-trụ vì quá mài-mịt ở những chốn phồn-hoa.

Nhà văn vẫn là những người còn biết say-sưa với những cái thanh-cao vĩ-dại ở trong vườn Tạo-hóa.

Thiên-hạ đã quá ham-mê vật-chất mà coi rẻ tinh-thần. Vì những bả vinh-hoa phú quý mà đã gây nên những sự sung-đột về quyền-lợi, những sự chia-rẽ giữa loài người.

Nhà văn ngay từ khi giao du với Nàng thơ đã tự nguyện đứng ra ngoài vòng tranh đấu để giữ cho tình thần được trong sáng hồn nhiên.

Nhiều người than rằng cảm-sắc của nhân loại nay đã mờ ám và biến đổi. Người nay đã bỏ mất niềm tin hồn nhân loại (sentiment humain) để đua theo vật-tánh, theo công-lợi mà khuya-khát loát tàn sát lẫn nhau.

Đứng trước cái triền lưu vật-chất, nhà văn chẳng có sức gì cản trở được. Nhưng nhà văn

có thể tự hào là người đi ngược giòng vì còn giữ được nhiều tình nhân loại.

Thi-sĩ La-Mã Terence có một câu danh ngôn để lại :

Homo sum : Humanus non a similius pato. (Tôi là người : không có một cái gì của người mà tôi có thể bằng qua được)

Nhà văn đã nhìn đời bằng cả một tấm lòng đa cảm, đã sống cái sống của người trong thiên hạ để đau khổ vì nỗi đau khổ của đồng loại mà bao khoan về thế đạo nhân tâm.

Trong cuộc đời vật lộn gián hoặc cũng có người bất mãn muốn thoát ly ra ngoài cái hoàn cảnh và cái không khí bao phủ và áp bức mòn mỏi. Đầu chỉ thoát ly trong khoảnh khắc, nhưng cũng là những giây phút đẹp đẽ và cao thượng trong đời người của họ.

Với những người đó nhà văn cũng bồi-ich được ít nhiều, vì văn-chương chính là chỗ còn giữ lại được cái linh-hồn thuần túy của nhân loại mà người đời có thể tầm thường để gảy lại cái nhân cách của mình.

Một nhà phê-bình Pháp nói đến một văn-hảo hiện-đại đã có một câu rằng :

«Sự-nghiệp của ông có thể ví như một cái cây: gốc rễ mọc ở thực-tế, ngọn cao ngất trời không-trung dã dụng nhằm thi-giới. »

Nhà văn phải nói chuyện đời, phải hiểu nhân-loại với cả những cái tốt lẫn cái xấu, nhưng nhà văn vẫn phải nhắc nhở cho người ta biết những cái vẻ đẹp của tinh thần để biết sống theo lý-tuồng.

Như thể đời hoa may mới có đôi chút ý nghĩa
và cái sắc linh Thiên-đinh mới không đến nỗi
làm đau lòng một cách vô ích biết bao nhiêu
bực từ-mẫu ở nhân gian.

Từ nhà làm báo đến nhà làm sách

TRƯỚC kia, có tờ báo Pháp nêu lên một vấn đề: «Nhà văn có nên viết báo không?» Vẽ vấn đề đó, những văn-sĩ bị phỏng-văn mỗi người ý-kien một khác.

Người thì chủ-trương rằng nhà văn không nên viết báo.

Người thì quả quyết rằng nghề báo có lợi cho nghề văn.

Tại sao không nên? Vì văn-chương là nghệ-thuật mà nghệ thuật nào cũng cần phải trau chuốt, rũa mài, không thích hợp với cách làm việc mau chóng, cùn-thả của nhà báo.

Tại sao lại nên? Vì báo-giới với văn-giới vẫn có mật-thiết quan-hệ với nhau. Vì tờ báo cũng có khi được kề như một công-trình văn-học eăn iao nên bởi những kinh-nghiệm, tri-thức thiêng tài và tư-tưởng của người đời.

Hai cái kiển-giải, hai cách lập-luận, cái nào cũng có lý cả. Nhưng muốn cho đúng với sự thật thì ta phải phân biệt cho rành nhà văn với nhà báo và khảo sát về sự quan hệ giữa hai nghề.

Ở nước ta hầu hết các nhà văn đều là người trong làng báo, thậm chí có kẻ sau khi chết

không để lại được một công-trình văn-nghiệp nào mà lúc sinh thời vẫn là một kiêm tướng trên dàn văn. Cái dàn văn này xây nên ở trên mặt báo chí, nhiều hơn ở trong tác-phẩm ẩn-hành.

Một tờ báo là một cai sức mạnh lén lao. Một tờ báo là một cuốn sách phô-thông hồn hết. Nhưng một tờ báo giờ cũng có một số phận mỏng-mạnh. Hôm nay nó được độc-giả hoan-nghênh, hôm may nó làm sôi-nồi dư-luận. Nhưng mai kia nó đã cũ mèm, không mấy người còn doái-hoài tưởng-tới. Có khi nó bị dùng vào những việc hụ-tiện. Có khi nó bị đem bán từng cân cho thiên hạ gói đồ.

Những tờ giấy lớn đó bị rách, bị xé, bị chẽ một cách tàn nhẫn, vô tình há chẳng đã đem theo biệt bao những văn-chương tư-tương của những bậc túc-học đa tài đấy sao? Rồi những nhà này thấy thế cũng sinh chán nản, không muốn đem hết tinh lực của mình mà trau dồi nghệ-thuật. Vả lại, viết báo bao giờ cũng có sự thúc hối, bao giờ cũng phải lo kỳ hạn, thi dù sao ra nữa cũng không khỏi có sự cầu-thả, sơ-xuất làm thương tồn đến văn-chương.

Nhân đó mà có người nói rằng nghề báo báo hại nghề văn và chủ trương rằng văn-sĩ không nên viết báo.

Tuy nhiên nếu ta chịu phân-biệt cái tính-cách và cái giá-trị khác nhau giữa một tờ báo và một cuốn sách thì ta sẽ thấy rằng nghề báo không có hại cho nghề văn và nhà viết báo có thể trở nên một nhà danh-sĩ được.

Ta đã thấy rằng tờ báo có cái giá-trị về thời-sự hơn là có công-dụng về văn-chương thì

ta sẽ buông theo cái tình cách đó mà làm việc. Ta phải lo điều tra, lo phỏng vấn, lo bàn tới những vấn đề được dư luận chú ý hàng ngày. Những công việc đó bắt ta phải xông pha, phải tìm kiếm, phải học quan sát, phải tập xé đoán, nghĩa là phải học nhìn đời bằng những con mắt lão-luyện. Học nhìn đời là việc của nhà báo, nhưng há lại không phải là việc của nhà văn hay sao? Có nhà văn nào không lịch lãm nhân-tinh-thể-thái mà gây nên được sự nghiệp bất hủ chẳng?

Roland Dorgelès có nói rằng: « Nếu tôi biết « người đời đôi chút, nếu tôi khám phá được « nhiều điều bí ẩn trong xã-hội, nếu tinh-thần « tôi có giữ được những tài liệu về nhân-sinh « mà không cái học nào thay vào được. Đó là « nhữ ở những năm đi phóng-sự. »

Những điều quan-sát của tác-giả trên đây đã giúp cho ông viết được những thiên phóng-sự tài-linh. Song những thiên phóng-sự đó có lẽ cũng đã chế theo với những số báo mà ông đã viết rồi. Trái lại, những công-trình văn-nghiệp của ông còn sống mãi, sống hoài, có lẽ còn sống lâu hơn ông nữa. Mà những công-trình văn-nghiệp đó chính là lấy tài liệu ở những « năm phóng-sự » có khác một điều là viết sách thì bao giờ cũng cẩn-thận hơn, cũng dụng-công hơn, cũng quan-thiết đến nghệ-thuật nhiều hơn.

Nếu thế thi nghề báo đã không có hại mà còn có lợi cho nghề-văn, duy phải chú ý rằng: một nhà làm báo muốn có sự nghiệp văn-chương không phải chỉ viết báo không mà có được.

Trong làng báo Việt-Nam, vẫn có nhiều người có tài, có chí, biết tận-tụy với nghề, nhưng tiếc thay! vẫn không mấy người chịu lo tới sự-nghiệp tương-lai, cái sự-nghiệp có quan-hệ lâu dài đến văn-học.

Một nhà viết báo, tuy biết yêu quý cái nghề của mình, nhưng phải nên có cái hoài-bão muốn lùn lại một vài cái công-trình kỷ-niệm sau khi già thế lìa trần.

Cái hoài-bão đó, là cái hoài-bão chung của các nhà làm báo bên Âu-Mỹ mà tôi muốn rằng sẽ cũng là cái hoài-bão cho anh em làng báo nước ta.

Dòng lâng mạn từ J. J. Rousseau

Nước Pháp, ở thế kỷ 18, sản-xuất được hai nhà văn-học trứ-danh: Voltaire và J. J. Rousseau.

Hai ông đều là những bậc thiên-tài hân-hữu, song mỗi ông đều tu-bàm khác nhau, Voltaire thì nặng về lý-trí mà Rousseau thì giàu về tình-cảm. Cái lý-trí của Voltaire vẫn là cái lý-trí của hết thảy các nhà văn-sĩ về phái cổ-diễn ở thế kỷ 17. Mà cái tình-cảm của Rousseau chính đã khai-đao ra cái văn-mạch lâng-mạn cho thế kỷ 19.

Một nhà văn-hào Đức Goethe đã có lời phê-bình rằng :

« Với Voltaire là một thế-giới mất đi.

Với Rousseau là một thế-giới trỗi lên »

(Avec Voltaire, c'est un monde qui finit. Avec Rousseau, c'est un monde qui commence)

Thế-giới mất đi là thế-giới cổ-diễn. Thế-giới trỗi-lên là thế-giới lâng-mạn.

Voltaire tuy là một nhà văn-sĩ có tư-tưởng mới mẻ, có khuynh-hướng cách mạng song ở công-trình văn-nghiệp vẫn không qua khỏi được cái ảnh-hưởng của văn-học cổ-diễn, một thứ văn-học trang nghiêm dài-các, thiên về lý-trí và nặng về khái-sơ-quan.

Tới Rousseau thì lại khác. Rousseau là một anh cuồng-sĩ, là một gã chán đời, nhút thiết cái gì đã có sẵn ở xã-hội, ông ta đều cho là hú-thúi, là tai-hại, cần phải bài-trừ đào-thải để cải-tạo nên một cảnh đời mới-mẻ và cao-thượng hơn.

Ông cho người ta hãi sơ-sanh đều «tinh bản-thiên», chỉ vì sống ở xã-hội mà xấu-lành đi. Pháp-luật, phong-tục, giáo-dục, nhút thiết đều đã xây nên bằng những nguyên-iy sai-lầm, bằng những điều-kiện bất-chính.

Người ta vẫn quen tin cậy & cái lý-trí mà cái lý-trí không phải là vật đáng tin cậy đâu. Nó cũng sai-lầm, nó cũng nguy-hiểm, nó chẳng đủ tu-eách hướng-dạo cho ta tới cõi chán-lý hay vô đường hạnh-phúc.

Theo ý ông thì tinh-cảm mới thiệt là đáng-tôn. đáng-quí, đáng làm nguyên-động lực cho vân-minh thế-giới, đáng làm cái chán-lý cho xã-hội loài người.

Thử nghe ông ca tụng nô:

« Dầu sao ra nữa, bao giờ ta cũng hình như nghe thấy ở lòng ta một tiếng nói vang-vảng nó cấm ta không được khinh-dè ta. Cái lý-trí thi bò ở dưới mà cái tâm-hồn thi vượt lên cao. Vẽ phương-diện trí-thức ta tuy là nhỏ bé thấp hèn, nhưng nhờ cái tinh-cảm của ta, ta vẫn được to lớn & thanh-cao.

« Trong vạn-vật, cái địa-vị của ta thế nào & trỗi kệ, song một giỗng biết yêu-mến sự công-ly, biết cảm động vì đạo-đức, khôn

« phải là một giống bản tinh đê-hèn.... (1) »

Cuốn tiểu-thuyết Nouvelle Héloise của ông ra đời chính là cái nguồn lâng-mạn tràn ra ở nước Pháp mà chi-phối cả một thế-kỷ văn-thương.

Đại-ý là một câu chuyện tình, mà là tinh cao-thượng, tình đạo-đức giữa một ông thầy học và một cô con gái chủ nhà. Thầy còn trẻ, nếu cha mẹ cô kia ưng thuận thì cũng được đó. Ngặt cha mẹ cô này lại chê thầy không đáng mòn đương hộ đối, rồi bắt con gái phải lấy một người quí-tộc.

Tình duyên lỡ-dở, hai người xa nhau.

Nhưng ít năm ông thầy cũng trở về thăm hai vợ chồng trẻ này. Người chồng tin đức-hạnh của vợ và tấm lòng cao-thượng của bạn bè đã che hai người được hàn-hiện tự-dỗ như người nhà. Vậy mà hai người vẫn không có ai phạm lỗi, vì cái lương-tâm của hai người sáng-suốt, vì cái tình-cảm của hai người thanh-eao...

Thâm-ý tác-giả là muốn gây nên một cái quan-niệm về đạo-đức mới, không thèm nhớ lý-trí can-thiệp, mà chỉ căm-cứ ở những tình-cảm tự-nhiên của người ta.

(1) Quoi qu'il en soit, nous sentons au moins en nous-mêmes une voix qui nous défend de nous mé-priser. La raison rampe, mais l'âme est élevée, si nous sommes petits par nos lumières, nous sommes grands par nos sentiments ; et quelque rang que soit le nôtre dans le système de l'univers, un être ami de la justice et sensible aux vertus n'est pas abject de sa nature.

Làm phải mà phải tinh-toán thiệt hơn, phải cân-nhắc lợi-hại thì cái hành-t động đó không có giá-trị gì cả.

Làm phải mà tự nhiên muốn làm, vì lương-tâm thúc-đục, vì tình-cảm xui nêu, thì mới thiệt là chân-chánh đạo-dứa vậy.

Nhân vi cái quan-niệm mới-mẻ đó, lại nhân vì câu chuyện tình-tứ, lời văn đậm-đà mà dân Pháp hoan-nghênh sách *Emile* Héloïse một cách nhiệt-thành rộn-rịp.

Sách in ra bán không kịp. Từ năm xuất bản (1761) cho tới hết thế-kỷ 18, phải in lại tới 50 lần, mà vẫn không đủ sách cho đọc-giả coi, Mua không được phải mướn, mà mướn những 12 xu mỗi giờ.

Ảnh-hưởng của nó thiệt là lớn-thêm vào với ảnh-hưởng của những cuốn « Confessions », « Emile », là những sách cùng một giọng-điệu như nhau.

Cũng chê-canh xã-hội, khen thá thiên-nhiên, đè-ép lý-trí, ca-tụng tình cảm. Cũng một lối văn du-duong khích-thiết, cùng một ngòi bút say đắm lòng người.

Có một cậu học-trò vì nhiễm sách Rousseau mà bỏ trường phiêu-lưu, đi bộ hàng 14 dặm đường để đến viếng một người bạn gái tinh-thần.

Có một người con gái tự nhiên thấy chán đời, ghét đời, buồn vì những sự xấu-sa đê-tiện, giận về những nỗi áp-chế bất-bình mà 17 tuổi đầu đã quyên sanh-lành-tục.

Có người vô-danh đến mồ Rousseau ở Ermeaville cầm súng-lục tự-sát sau khi than-thờ rằng :

« Tôi chẳng phải là người nước nào cả.

« Nước nào đổi với tôi cũng là vô-tinh hết.
 « Hỡi ơi ! Cái cảnh thế này ! Hỡi ơi ! Cái người
 « đa-cảm nằm đây ! Xin đừng tiếc gì một
 « nấm mồ cho chiếc thân bạc-mệnh. Vì ki-
 « híh đau khổ, vì đa-cảm đa-sầu, mà tôi
 « đây phải chết. Cái trạng-thái đó mảnh-liệt
 « quá, tôi chẳng sút đau mà chổng nồi tới
 « cùng, nên tôi phải lia trầu giã-thể. »

Rousseau còn sống đã có những người đỗ-
 đê nhiệt-thanh, như Roland phu-nhân, như
 Bernadin de St.Pierre. Roland phu-nhân
 chết trên đoạn-dầu-dài vì đã hành-động theo
 tình-cảm để thực-hành cái mong-tưởng về
 chủ-nghĩa tự do. Bernadin de St.Pierre đã
 đỗ vào lòng trẻ thơ những mầm tinh-cảm
 thanh-lương ở trong sách Paul et Virginie.

Rousseau chết rồi, cái ủnh-lưỡng còn truyền
 lại cho một đoàn văn-sĩ thi-sĩ ở suốt thế-kỷ
 19 như Chateaubriand, De Staél phu-nhân,
 Lamartine, Hugo, Alfred de Musset, v.v....

Với những nhà này, văn-chương đều thuần
 một giọng chủ-quan và tinh-cảm thiêt là tràn
 đầy lai-lai.

Thứ đọc mấy câu thơ này của thi-sĩ Musset:
 Hỡi Nàng Thơ ! sống chết ta nèo xá-kè.
 Ta thương yêu, mà ta muốn người sanh sáu.
 Ta thương yêu, mà ta muốn lòng đau-dớn.
 Ta thương yêu, mà ta muốn vì một cái hun
 cống hiến cả tinh-thần tài-trí.
 Ta thương yêu, mà ta muốn để chảy mồm

hai gò má gầy còm một giòng nước vô tận. (1)
Lặng mạn đến thế là cùng, đa-tinh đến thế là
hết.

Nhưng đa-tinh là khách văn-nhân thì lăng mạn chính là cái chủ nghĩa thích-hiệp cho văn-học.

văn-học là công-trình của người ta thi người ta càng phải biết cái bản-ngã của mình cho đầy đủ. Biết những cái dǎng-lực của tinh-thần, mà cũng phải biết cả những cái tiěm-lực của tinh-cảm, biết cái phǎn sǎng-suốt của tri-giác, mà cũng phải biết cái phǎn u-ần của linh-hồn.

Cái thiên tài của J.J. Rousseau đã gây nên được một phong trào đề tài hành một chủ nghĩa mà ta gọi là chủ nghĩa lãng mạn (le Romantisme)

Nhưng sự thật thì lâng-mạo chỉ là một cái trạng-thái của linh-hồn mà đã có tự muôn đời mà cũng không bao giờ tiêu-diệt được.

Dòng nước chảy, khi lặng lẽ lúc ba-đào thì
lòng người ta cũng có hồi yên tĩnh, hồi sóng-gió.

Ở cảnh thường, lòng ta quang-đang, tri ta
thảnh-thơi, ta biết sống một cách sáng suốt
nhưng ta cũng có thể sống một cách tăm-thường.

Ở cảng biển, lòng ta rung-ông bao mồi cảm
tinh, triết o-lê với bao nhiêu hồn-tuởng rồi
ta s 100 ông vì sung-sướng, hay rầu-
ai là thiên-điều người ngang tàng,
điên khùng.

Qu'importe où la mort ou la vie ?
J'aime et je veux palir, j'aime et je veux souffrir ;
J'aime et pour un baiser je donne mon génie ;
J'aime et je veux sentir sur ma joue amaigrie
Ruiseler une source impossible à tarir.

bướng-bỉnh, có khi siêu-việt phi-thường và cũng có hồi thấp-hèn uỷ-mị.

Những giờ phút đó là những giờ phút lâng-mạn của ta và những tâm-trạng đó là những tâm-trạng phải có trong nhân-loại.

Những văn-sĩ thi-sĩ lâng-mạn đã quá thành-thật và đã diễn-tả một cách tài-tinh những tâm-trạng phiền-phức của chúng ta.

Nhân đó mà gần đây đã bao người nồi lên công-kích họ rồi sẵn hồn công-kích luôn cả nền văn-học Pháp-quốc và bắt nó chịu trách-nhiệm về những cảnh tang-thương tai-biến.

Một nhà danh-sĩ Pháp, ông George Duhamel đã lên tiếng trả lời như sau này :

« Nước Pháp không xấu-xa, truy-lạc hơn những nước văn-minh khác đâu, nhưng nó có một cái tài phi-thường để diễn-tả những thói hư, tật xấu của nó mà toàn thè nhân-loại đều có cả. Những nhà văn của thế-kỷ 19 của chúng tôi đã thú-lợi cho hết thảy nhân-loại nhưng đã bị hành phạt riêng một mình». (1)

Nhưng mặc cho những kẻ hẹp hòi bất công, nước Pháp không thè cắt bỏ một phần nào trong lịch-sử văn-học của mình vì nó là một bảo-tàng vô giá chứa thiên-bình vạn-trạng cái bản-sắc của loài người.

(1) La France n'était pas plus difforme ou vicieuse que les autres pays civilisés, mais elle avait un extraordinaire talent pour peindre ses vices et ses difformités, qui étaient ceux ou celles de l'humanité. Les écrivains de notre 19^e siècle se sont confessé pour l'humanité et ils risquent, à ce jeu, de se trouver punis tous seuls.

Hồi sanh-tiên Alfred de Musset có trổi lại bài câu :

Mes chers amis, quand je mourrai,

Plan'ez un saule au cimetière.

(Bởi các bạn, sau khi ta chết,

Xin trồng cho một cây liễu bên mồ).

Lời trổi đã được các bạn làm theo. Nhưng, mỗi năm ngoài đây, cây liễu bên mồ nhà thi-sĩ đã bị một ngọn cuồng phong làm gãy mất.

Lập tức thành-phủ tuyên bố sẽ trồng cây liễu khác thế vào. Và cũng chẳng bao lâu có một bạn tri-kính ở Nam-Mỹ hứa tặng một cây dương liễu xá minh để làm bạn với hương kồn nhà thi-sĩ.

Đó là một chứng-cớ cho ta thấy người Tây-phương biết quan niệm văn chương một cách sáng suốt hơn ta.

Tuy chủ nghĩa lâng-nan không thích hiệp với thời thế lúc này nhưng không phải là một lẽ cho ta lâm đậm với những cái thiên-tài đã được ghi trong sử sách và đã chịu sự công-nhận của thời-gian.

Chủ nghĩa lãng mạn trong Văn-học Việt-Nam

Tuy cái danh-từ lãng-mạn là dịch ở từ Romantisme, song trước khi biết romantisme là gì, người Đông-phương vẫn sẵn có một cái tâm-hồn lãng-mạn biểu-hiện ra ở văn-học và thi-sa.

Văn-học Đông-phương là một thứ văn-học chả-quan, nặng về tâm và nhẹ về trí, chú-trọng về đạo-đức với từ-chương và chèn-mảng về thực-nghiệm và khoa-học.

Văn-gia thì chia ra làm hai dạng ; một dạng là kiều châm nhảu-tàm, bảo tồn thể đạo, còn một dạng thì là diễn-tả nỗi lòng, ngâm câu tự-thuật.

Hạng trên là những nhà học-giả.

Hạng dưới là những bậc thi-nhân.

Học-giả thi chịu cái đạo-thông cùa Không-Mạnh, mà thi-nhân thi chịu cái ảnh-hưởng của Lão-Trang. Song có điều này ta nên chú-ý là ở một người mà thường có hai cái ảnh-hưởng trái nhau : vừa là của nho giáo lại vừa là của Lão-giáo.

Cái ảnh-hưởng của nho-giáo là tự hối đi học cho tới lúc hiền-dát làm quan. Mà ảnh-hưởng của Lão-giáo là sau-khi đã hiền đời,

biết đời; vì đời mà đau đớn ê-chề, hay chán đời mà lánh trần xa tịc.

Một nhà tri-thức Annam đã có lần đặt ra câu hỏi rằng: « Tại làm sao người Annam không có cá-nhân chủ-nghĩa mà văn-học Annam lại nặng về chủ-quan? »

Muốn trả lời câu hỏi đó phải rõ cái tính-chất học thuật và cái hoàn-cảnh xã-hội của Đông-phương nhứt là của Tàu và của ta.

Như trên tôi đã nói, cái học-thuật đó là học-thuật chủ-quan, nên kể học-trò suốt đời chỉ nơm-nớp lo sao cho tâm chánh, ý thành mà tu thân xử thế, Nhưng tu thân để làm gì? Để làm con hiếu, con trung. Mà xử thế để làm gì? Để làm nhau, làm nghĩa. Song trung, hiếu, nhân, nghĩa, cũng chỉ là để đối với người, còn đối với mình thì tuyệt-nhiên không quan-tâm gì tới.

Người ta, dầu sao cũng là giống ich-kỷ. Ich-kỷ theo thiên-tinh mà suốt đời cứ phải vì ai đâu mà by-sinh lận-tụy. thi tránh sao cho khỏi có sự phản-động chính-đảng nó biến-hiện ra ở văn-chương thi-phú.

Còn một lẽ nữa là sự hiếu, trung, nhân, nghĩa của mình đem ra thi tho với đời mà rủi bị đời trả lại cho mình bằng những sự bạc-ác bất-nhân thì tự nhiên mình phải có lòng chán ngán mà than-thở ngậm ngùi cho thân-thể cành-ngô.

Trong một xã-hội mà người ta chỉ biết có nghĩa-vụ chó không biết có quyền lợi là gì, mà cái nghĩa-vụ đó lại do ở những giáo-lý của thánh-nhân hiến triết đặt ra, thì người ta phải có những thái-độ thế nào?

Nếu nước chảy thuận giòng thì là những nhà nho-quân-tử. Nếu đường đời gai góc thì là những kẻ sĩ ngông-cuồng.

Cái ngông-cuồng đó chính là cái phong-khi lâng-mạn của thi-sĩ Tây-phương.

Những bậc thi nhân Tàu như Lý-Bạch, Đỗ-Phủ, Đông-Po. Cư-Dị, v.v... đều là những người phóng-tung lâng-mạn, có cái tâm-hồn tình-cảm tương tự như J. J. Rousseau, Chateaubriand, Victor Hugo, Alfred de Musset, v.v...

Ở nước ta cũng vậy. Ông Nguyễn-Du, bà Thị-Điêm, ông Nguyễn-Công-Trú, bà Hồ-xuân-Hương v.v... tương tự là những văn-sĩ, thi-sĩ lâng-mạn mà ta không quên kêu là lâng-mạn đó thôi.

Thứ lâng-mạn này câu thơ Kiều :

« Buồn trông cửa bờ chiền hõm,
Thuyền ai thấp-thoáng cánh buồm xa xa,
Buồn trông giọt nước sa,
Hoa trôi man-máu biết là về đâu ?
Buồn trông nội cỏ dâu dẫu,
Chân mây mặt đất một mầu xanh xanh.
Buồn trông gió cuốn mặt ghênh,
Âm-ầm tiếng sóng kêu quanh gaế ngồi,

Tả cái buồn mà bắt hết thảy những vật chung quanh phải-chiếu cái cảm-sự đau thương của mình, ấy chính là cái nghệ-thuật thường dùng của các nhà thi-sĩ lâng-mạn Tây-phương.

Gần đây, cái phong-trào lâng-mạn lại càng bồng-bột tràn-lan khắp trong văn-học cận-đại và hiện-đại nước nhà.

Nguyên có một phần có lẽ vì sự biến-cách trong xã-hội do thời cuộc gây nên. Trước kia

tiền-nhân ta đã vì thất chí thất vọng mà có những động thương, bi, oán, cảm. Gần đây ông cha ta lại càng thất-chí thất-vọng hơn nhiều.

Nào có ra gi cái chū nho,

Ông nghè, ông công cũng nắm eo.

Hồi trước : chū nho là cái nắc thang cho kẻ sĩ leo lên chỗ công-danh phú-quí. Kẻ nào không leo lên được mà thất-vọng đã dèn. Nhưng cũng có kẻ leo lên được mà chán-ngán vì :

Miếng sao-lương pheng-lưu nhưng lợm.

Mùi hoắc-lá thanh-dạm mà ngen.

Song từ ngày có người Tây sang xứ ta thì chū nho thiệt là đồ vô-dụng, mà rồi bao nhiêu những ông nghè ông công cũng chỉ có việc nắm eo mà ăn lương chánh-thất, nghĩa là để vợ nuôi.

Chū nho đã thất-dụng thì đạo nho cũng suy vi, mà cảnh xã-hội ở trước mắt các ông đã khiến cho sác ông chẳng yên lòng nắm eo cho được, mà phải hành-động như những kẻ đ-ân-cuồng hay viết ra những lời thơ lâng-mạn.

Nay ta lại nghe ông Tú Xương nói chuyện « say ruột » :

Đời này thèo iinh nhăng ai đây ?

Ai iinh cho ta chịu liêng say.

Buồn ruột cho nên men phải nhấp,

Dở mồm nào biết giọng là cay.

Bạn cùng quỉ dãy chi cho bạn,

Vui với ma men hể cũng hay.

Ngất ngưởng ha tay vơ dũa chén,

Đó ai đã được cái say này ?

Đến lớp ông Tú Xương, tới lớp ông Âm Hiếu,

Cái tâm hồn lãng mạn của thi sĩ Tân Đà mới phóng phú làm sao !

« Giấc mộng con » của ông không phải là ai cũng có được, mà « Khối tình con » của ông nó cũng to lớn nặng nề hơn ai hết.

Hết lớp ông Ấm Hiếu, tới lớp Tây-học bây giờ, Người An-nam đã có những tổ-tiên cha chú lãng-mạn thì tự nhiên học văn-chương Pháp cũng thấy khuyễn-hướng về chủ-nghĩa lãng-mạn như sao ?

Trong những nhà văn-sĩ thi-sĩ hiện thời cũng có người nửa chia ảnh-suông của văn-học Đông-phương, nửa chia ảnh-hương của văn-học Tây-phương, nhưng phần nhiều đều là hoàn toàn Âu-hóa, cả từ tâm-hồn cho đến nghệ-thuật.

Chẳng cần phải trích ra một bài thơ trứ danh nào. Ta hãy cứ đọc một đoạn văn cảm-hoài này của một bạn gái cũng thấy nó lãng-mạn làm sao ! Đoạn này rút ra ở bài « Mạch săn » của Manh-Manh nữ-sĩ trong Phu-nữ-lan-văn số 173 :

« ... Đêm đã khuya... Muôn vật như cùng « say một giấc mộng chàng. Chỉ có một mình « Tôi nghe tiếng gió dòng dữ-dội, tiếng lá cây « xào-xạc, một mình tôi thấy sét nhoáng, một « mìnù tôi đợi cơn bão tố sẽ ào ào đến đây... « Tôi đứng dậy, xó cátu cửa sổ mà dòm trời. « Trời vẫn trong suối, mây vẫn không bay, sao « vẫn không nhoáng, gió vẫn lặng, cây vẫn êm. « Không, cơn bão tố sắp đến đây là đến trong « lòng tôi. Cái đêm kín đáo trong lòng tôi không « giỗng cái đêm điềm tĩnh của trời đất.., »

Cái tâm-trạng đó thật là phù-hiệp với cái tâm-trạng của thi-sĩ Verlaine khi viết mấy câu thơ này :

Il pleure dans mon cœur
Comme il pleut sur la ville.
Quelle est cette langueur
Qui pénètre mon cœur ?
.

C'est bien la pire peine
De ne savoir pourquoi,
Sans amour et sans haine
Mon cœur a tant de peine !

Tạm dịch như vầy :

Ngoài đường trời mưa
Trong lòng tôi khóc.
Nỗi buồn thảm đó,
Vì đâu mà có ?
Thiệt là khó chịu.
Chẳng biết làm sao,
Không thương, không ghét,
Lòng dạ như bão !

Chủ-nghĩa lãng-mạn chẳng những đã đào-tạo ra được ít nhiều thi-sĩ. Nó còn ảnh-bưởng tới phần nhiều thanh-niên thiếu-nữ xuất thân ở những Trung-học, Đại-học.

Hàng thanh-niên thiếu-nữ này là những người tự-do phóng-túng, hay có những tư-tưởng hành-động táo-bạo ngang-tàng.

Chính những người này lần-lần đã thấy đem cái tâm-hồn đa-cảm đa-sầu thường để vào những cảnh lá rụng hoa tàn, sương mù, trăng khuất, mà bắt phải ruồng-dộng vì những nỗi bất-bình trong xã-hội hay những điều khò-thống của người đời.

Tả chân chủ-nghĩa

ĐÃ nhiều người nhận thấy rằng văn-nghệ ta mới bắt đầu có khuynh-hướng về chủ-nghĩa tả-chân. Ở Pháp, tả-chân chủ-nghĩa đã nồi tên để phản-động lại với lãng-mạn chủ-nghĩa. Ở ta, tuy thời-đại lãng-mạn không lấy gì làm oanh-liệt cho lắm nhưng cũng đã sản-xuất ra được nhiều văn-chương đầy chủ-quan và tình-cảm.

Sau một hồi đã say-sưa cùng « Lê-Anh » với « Tố-Tâm », mơ-màng theo « Mộng con » cùng « Mộng lớn », nay chúng ta đã thấy khao khát sự thực, muốn đem sự thực để vào văn-chương, lấy tả-chân làm chủ-nghĩa.

Vậy thì sự thực là gì? Sự thực ở thực-tế với sự-thực ở văn-chương khác nhau thế nào? Đó là những câu hỏi mà tôi sẽ trả lời.

Muốn hiểu sự thực, ta phải biết qua cảnh mộng. Trong cảnh mộng, những điều ta thấy đều là thấy bằng tưởng-tượng nên không được rõ-rệt phân-minh và lại hay có vẻ siêu-hình thần-bí. Văn-chương lãng-mạn là cái văn-chương mơ-mộng, cái văn-chương thần-bí, cái văn-chương tạo nên bằng óc tưởng-tượng nhiều hơn là trí quan-sát vậy.

Còn sự thực là cái nó trình-bày ngay ở trước mắt ta một cách rõ-ràng linh-động, ta

phải dùng ngũ-quan mà cảm-giác hơn là lấy tưởng-tượng mà mơ-màng.

Đem cái sự thực đó đè vào văn-chương tức là gây nên một thứ văn-chương tả chân vậy.

Tuy-nhiên, từ cái sự thực ở thực-tế đến cái sự thực ở văn-chương vẫn còn nhiều điều khác nhau nữa.

Đứng trước một cái phong-cảnh thiên-nhiên hay đối với một cái hoạt-kịch xã-hội, nhà văn tả-chân trước hết phải làm cái công việc của một nhà họa-sĩ mà vẽ ra những diễn-mắt thấy. Nhưng nếu chỉ vẽ cho đúng không thôi thì sự thực cũng chưa là hoàn-toàn. Tuy đã có cây-cối, có núi-non, có dòng nước bạc, có chiếc thuyền-con, đủ cả những nét vẽ cho một phong-cảnh thiên-nhiên, nhưng nếu cái phong-cảnh đó không có ảnh hưởng gì đến linh-hồn văn-sĩ, hoặc nếu văn-sĩ đã quên không nói đến những cảm-tưởng của mình thì cái bức tranh đó nào đã được hoàn-toàn? sự thực nào đâu đã đầy đủ?

Bà Huyện Thanh-Quan có bài thơ tả chùa Trấn-bắc tuy không vẽ được tì-mí theo lối tả-chân nhưng đã nói đến một cái sự bức mà có lẽ nhiều nhà-văn-tả-chân không để ý tới. Cái sự thực đó ở hai câu thơ này :

« Một tòa sen tỏa hơi hương ngự,
Năm thức mây phong nếp áo chầu »

Cái sự thực đó là cái sự thực về ký-vãng vì chính nơi cõi-tích này đã từng thấy « nếp áo chầu » và người « hơi hương ngự » của mây xưa Lê-thùa-trước,

Nhân thể mà ta nói được rằng : cái sự thực ở văn-chương còn rộng-rãi bao-la hơn cái sự thực ở thực-tế nhiều,

Nhà văn-sĩ tả-chân chẳng phải chỉ là một anh thơ vẽ có tài, mà còn cần phải là người biết tâm-lý, biết lịch-sử và có một cái linh-hồn thi-sĩ nữa kia.

Những cái ta cảm-giác bằng ngũ-quan không đủ, vì đã có sự thực hữu-hình thì cũng phải có sự thực vô hình, có sự thực hiện-tại thì cũng phải có sự thực đã qua, có sự thực mở mắt mà nhìn thì cũng có sự thực nhắm mắt mà cảm.

Thời-đại tả-chân phản-động lại với thời-đại lâng-mạn tuy là sự thực về lịch-sử nhưng chung-nghĩa là chân-nếu hiền cho đến nơi thì cũng phải có một phần lâng-mạn ở trong.

Như trên tôi đã nói : Một đằng là thực, một đằng là mộng, một đằng là sự quan-sát tinh-tường, một đằng là trí tưởng-tượng phóng-túng.

Lấy mộng làm thực là khêng nêu nhưng nếu cái mộng đó đã gây nên bởi sự thực, thì chính là để bồi-túc vào cho sự thực, như hình với bóng, nhà họa sĩ không thể nào vẽ hình mà bỏ bóng được.

Tưởng tượng những cái hoang đường phi lý tuy không hợp vào thời đại bây giờ. Nhưng nếu biết quan sát sự thực rồi tưởng tượng đến những cái mà ta không quan sát được thì ta mới thấu triệt và ý hội được nhiều sự thực thêm trầm và cảm động biết bao nhiêu.

Đối với tả-chân chả nghĩa phải cần có cái quan niệm rộng rãi như thế thì khi thực hành nó mới có ảnh hưởng hay trong văn nghệ.

Văn-học bình-dân

T lâu nay trong báo-giới thường thấy nhiều người nói tới bài chữ bình-dân.

Người thì bàn phải nên gày nên một cái văn-học bình-dân, người thì nói phải dùng văn-hóa bình-dân mà cải-tạo xã-hội.

Những lời bàn-luận đó có một ý-nghĩa rằng: tri-thức với bình-dân nay không còn muôn cách-bié特 nhau như trước nữa.

Theo quan-niệm cũ, theo ché-độ cũ thì xã-hội vẫn chia ra làm hai hạng người: Quân-tử và tiều-nhân. Tiều-nhân làm nuôi quân-tử. Quân-tử học dạy tiều-nhân.

Một đẳng là thầv, một đẳng là trò, mỗi đẳng một phận, kẻ dưới không được chơi trèo với người trên mà người trên cũng ít khi hạ-minh làm bạn với kẻ dưới.

Vì cái lòn-ti trật-tự đó mà văn-học của ta, từ trước đến giờ vẫn chỉ một thứ văn-học qui-phái, một thứ văn-học trưởng-giả, không hề nói tới cái sinh-hoạt, cái hoàn-cảnh cho đến những tình-tình phong-ỰC của hàng lao-động bình-dân.

Bây giờ nhân chịu ảnh-hưởng của văn-hóa Âu-Tây tiêm-nhiễm được những tư-tưởng về xã-hội chủ-nghĩa, thanh-niên tri-thức Việt-Nam

đã thấy rằng ông cha mình đi sai đường mà muôn phản-động lại với cõ-tục.

Thanh-niên không muôn rằng cái hạng người đồng-hơn-hết, cực-khổ-hơn-hết, hữu-ich-hơn-hết, lại là người bị bạc đũi, bị bỏ quên trong lúc những kẻ khác được thành thoi sung-sướng mà ca hát cái cảnh đời ung-dung của họ,

Nhân đó mà nồi lên phong trào bình-dân với những cái dí liễn với nó là chủ-nghĩa bình-dân và văn-học bình-dân.

Vào khoảng năm 1760, J. J. Rousseau đã nói mấy câu này :

« Những tác-giả bây giờ cho rằng sẽ mất giá-trị vì biết được những việc xảy ra ở cửa hàng của một người lái buôn hay ở trong tiệm một kẻ thợ-thuyền. Họ kiểm ai các quí trong giai-cấp của các nhân-vật của họ, mà cái cao-quí đó họ không đủ thiên tài để gây lấy được. »

Đọc mấy câu trên đây, ta biết thêm được hai điều :

Một là văn-học Pháp ở thời-đại đó còn quí-phái và trưởng-giả lắm.

Hai là J. J. Rousseau chính là bà văn-sĩ có tư-tưởng bình-dân trước hết.

Tuy-nhiên nói vậy không phải rằng bắt đầu từ ông trở đi là chủ-nghĩa bình-dân đã được thâm-nhập vào văn-học Pháp đâu. Sau ông còn phải nhiều cuộc biến-động trong chính-trị và xã-hội rồi mới thấy văn-học bình-dân phôi-thai và phát-triển.

Từ đấy mà đi mới có những sách nói chuyện děa-hạng người bị bỏ quên trong bao nhiêu

thể-kỷ trước kia. Eugène Sué viết « Những chuyện bí-mật thành Paris ». Victor Hugo viết « Những người khốn-nạn », Honoré de Balzac « Nhân-sinh bí-kịch », đều là những tác giả viết cái đã thuật chuyện của hạng người lao động thợ-thuyền, đã tả đến nỗi đau-thương vật-vả của hạng người nghèo-khổ mà mở một kỷ-nгуenn mới trong văn-học sử Pháp. Rồi kế-tiếp văn-sĩ đua nhau theo đường đó mà trú-thuat được nhiều sách nói về những tình-cảm sinh hoạt ở trong công-xưởng, ở nhà máy, ở hầm mỏ, ở trong gia-dình kẻ lao-dòng, hoặc trong cảnh thất-nghiệp của thợ-thuyền.

Trước đây ở Pháp người ta lại đặt ra một phan-thưởng về tiều-thuyết bình-dân (*Prix du roman populaire*) được thiên hạ hoan-nghênh lắm.

Nếu hỏi bình-dân là gì ? Chắc độc-giả ai cũng biết cả rồi. Nhưng muốn hiểu bình-dân một cách thâm-thiết và cảm-động hơn, tôi tưởng nên dịch một đoạn văn sau này của Jules Vallès, một nhà văn-sĩ bình-dân ở cuối thế kỷ 19 :

« Người kia, da nhữn da thú, đội nón như kẻ chết treo, bị nước mưa tưới lạnh, bị hơi nóng đốt hun, đứng ở đầu xe-lửa, cảm gió, nuốt tuyết, hoặc làm người coi máy, hoặc làm kẻ đốt than, đó là bình-dân.

« Con vật kia, ở ngoài đồng ruộng, dựng đứng cái xương sống gầy mòn, vươn cái cổ gầy mà những thó-thít nồi ra như những sợi dây đem con mắt mờ-tối đè nhìn toa xe đường chạy, người điền-lốt da xám như một cái lá khô, hay trắng như một cây cải, đó là bình-dân.

« Kẻ kia râu xồm-xoàm, vai rộng lớn, nón màu hắc-ín, ở trên sông bình-tĩnh đương thà bè gỗ trôi suối, chim ngập ở giữa khoảng trời nước, anh lái đò, uất tối bụng, bại tối tim, chính là bình-dân.

« Anh thợ mỏ kia mang đèn lên tráp chui qua hầm than cháy, mà bữa nọ đã bị chôn sống mất 10 giờ ở dưới một cái mỏ sập. Anh đó mà người ta chỉ thấy có cặp mắt trắng trong một cái lỗ tối đen, chính là bình dân.

« Người thợ lợp ngói từ trên mái nhà ngã xuống như một con chim chết; người thợ thổi kính mà sự sống như trộn lẫn vào với thủy-tinh trong lò than hồng, người thợ tiễn mà bụi đồng như làm cho ngạt thở; người thợ vẽ mà thuốc độc trong máu căn bại; người làm bánh da xanh dauck bột mì, hết thảy đều là bình-dân.

« Hạng người anh-hùng và khốn-nạn, chịu đựng được với đủ cả mọi việc mà không lại với nước, với gió, với đất, với lửa, chính hạng người đó mà chúng ta cần phải noi tới. »

Đoạn văn kiết-tác này, tôi dịch tuy chưa hết ý-ý nghĩa và tinh-thần nhưng cũng đủ tả được những tình-trạng sinh-hoạt của hạng lao-động bình-dân.

Chính những trạng-thái sinh-hoạt đó là những tài-liệu quý-báu chẳng những đối với văn-học bình-dân mà đối với toàn-thể văn-học, ở mức nào cũng vậy.

Xã-hội chẳng phải chỉ có rất những người phong-lưu dài-các, mà còn rất nhiều kẻ khốn-nạn lầm-than.

Văn-sĩ nếu chỉ nói chuyện đến hàng trên mà bỏ quên hàng dưới thì văn-học sẽ có sự thiệt-thời thiển-sát, vì sẽ không hình-dung được đủ các trạng-thái sinh-boát của loài người.

Vậy thì muốn gây-dung nên một cái văn-học bình-dân, chẳng phải chỉ cần ở sự hô-hào trên báo chí mà còn cần phải lo tới việc trú-thuật giữa làng văn.

Một mai nay sẽ có nhiều tác-giả Áo-nam viết được những sách có giá-trị nói tới hàng lao-động thuyền-thợ, hàng nông-phu điền-gia thì văn-học Việt-nam cũng sẽ bước một bước dài trên đường tiến-hóa.

Mà tiến-hóa như vậy chẳng phải là sẽ có một cái văn-học bình-dân nèi tên đè đậm chết pha tan hết thảy những văn-chương quý-phái và trưởng-giả đâu.

Nhà xã-hội-học tha hồ mà cõi võ cho sự giải-cấp cạnh-tranh, tha hồ mà mạt-sát tại phú-hào trưởng-giả.

Nhà văn-sĩ chẳng hề muốn biết tới những chuyện đó. Họ chỉ nghĩ rằng: nền bình-dân có địa-vị trong văn-học thì văn-học sẽ được hoàn-toàn hơn, đầy-dủ hơn vì sẽ diễn-tả được hết cái bản-sắc của người đời và sẽ là một tấm gương phản-chiếu được hoàn-toàn cái chân-tương của xã-hội.

Óc cao đắng và óc sơ-đắng

MỘT vị thanh-niên đã phàn nàn than thở vì đồng bào phần nhiều đều óc sơ-đắng không biền biết được mình.

Nếu ông cũng đều óc sơ-đắng thì chắc hẳn ông sẽ không phải phiền-trách gì ai.

Ngặt vì óc ông lại là óc cao-đắng, cái óc đã vượt lên trên bực thường vì chứa đầy những tri-thức của Đông-tây kim-cổ.

Ông giận mà ông nói. Lời nói tuy nặng nhưng là lời nói thật và có lẽ đã đạt được cái tâm-lý chung của số nhiều thanh-niên tri-thức họ nghĩ mà không nỡ hoặc không dám nói ra.

Nhiều người chê ông làm phách, nhưng ít ai thấy rõ cái khờ-tâm của ông mà chịu rằng ông đã nói ra một sự thật đau đớn mà ta cần phải thấu đáo rách-ròi.

Người ta là một con vật có thể tiến-hóa được nhưng nếu hết thấy nhau-loại cũng tiến-hóa như nhau thì đã không có sự hơn kém về tri-thức, sự cách-dị & tinh-thần.

Đắng này có người có cơ-hội được tiến-hóa mà lại & chung với những người chậm tiến nên thành ra có sự mâu-thuẫn giữa hai bang đầu óc khác nhau : óc cao-đắng và óc sơ-đắng.

Mỗi đẳng thi học rộng biết nhau, đi tới xa

cái trình độ cao-thâm rồi ở luôn ở đó mà không xuống bực được.

Một đẳng trí-hức thiên-cận, tinh-thần đơn-giản, chỉ hiểu được những cái tầm thường bình-dị mà không hiểu được những cái phiền-phức khó-khăn.

Hai đẳng đâ khác nhau như thế thì chỉ có cách không chơi với nhau là không có chuyện. Ông giỏi-giang tiến-hà a hòn chúng tôi thì ông cứ đi kiếm những người giỏi-giang tiến-hóa như ông mà chơi. Còn chúng tôi dốt-nát ngu muội thì chúng tôi chơi riêng với chúng tôi. Thế là êm.

Ngặt ông lại sinh nhầm cái nước mà nhân-tài còn ít ỏi hiềm-boi nên chúng tôi mới kỳ-vọng ở ông, rồi chúng tôi muốn làm quen với ông, muốn nói chuyện với ông, để cho đến nỗi câu chuyện không thích-hợp cho cả hai; đẳng mà rõ gây nên sự bất hòa đáng tiếc.

Nhưng nghĩ lại cho kỹ thì chẳng phải chỉ riêng ở nước Việt-Nam mới có hàng đầu óc so-dẳng, mà khắp thế-giới ở nước nào cũng có cả chì khắc ở cái tý số nhiều ít mà thôi.

Tuy nhiên, ở những nước văn-minh tân-tiến thì hai cái tinh-thần cao thấp khác nhau đó lại hùn biệt lẫn nhau, dung hòa được với nhau mà giúp đỡ cho nhau nhiều lắm.

Một anh cử-nhân, tiến-sĩ, thạc-sĩ hay bác-sĩ mỗi khi ra trường cũng chỉ là một người thường không ai thêm ngó ngàng điểm xíu. Tới khi phải lặn-lộn với đời để kiếm miếng bánh mì đắt-niêng thì đã lịch-lãm được ít nhiều thể thao nhân-tinh. Cái óc cao-dẳng tuy không mất

nhưng cái vỗ dài-các của nó đã lẩn lẩn tiệu ma—
Sống ở đời phải rango mà hiều đời — Trong đời
vừa có những sự khó khăn phúc tạp nhưng cũng
vừa có những sự đau gân tuột sờ. Cái óc cao
đẳng làm khi cũng phải bình-dân hóa mới có
thể hiểu đời mà sống với đời được.

Nhờ thế mà những nhà trí thức chẳng
nhưng không cách biệt với quần chúng mà lại
còn thấu triện đượ với họ để giáo hóa cho bọ
một cách đặc-lực và bồ-ich hơn.

Họ viết sách, họ viết báo, họ khai-trí tiểu-đức
cho lại dòng bào sơ-đẳng bằng những sự quan
sát, những cuộc điều tra ở giữa hàng người
nay.

Họ tìm cách — hoặc có khi không tìm mà
cũng được — để sống chung với khắp các bộ
người trong xã-hội, để khảo sát về tinh-tinh
phong tục, để học lấy những cách ăn nói bình-
thường.

Rồi tới khi họ viết lên giấy, họ in ra sách thi
đều là những chân lý sống, vì nó có ở sự thật
trong đời và thứ nhất là vì nó đã được diễn
xuất ra một cách tự nhiên, linh động.

Thế là cái óc cao đẳng đã phải xuống bức để
hiểu thấu cái óc sơ-đẳng của bình-dân và để
lãnh hội lấy những hành trạng của sự sống tinh
thường lòn-xộn.

Nhưng trong khi làm việc đó cái óc cao-đẳng
vẫn có giúp cho họ hoài. Giúp họ giải quyết
những điều khó khăn, tránh khỏi những điều
phi-lý, Giúp họ sự phân tích có khoa họ, giúp
họ sự đồng hợp có phương pháp. Nghĩa là giúp
họ cái năng lực để làm việc một cách khéo
nhẹn mảng mảnh và có bồ-ich cho đời.

Tôi thấy biết bao nhiêu nhà trứ thuật Tây-phương, hầu toàn là những bậc túc học thâm nho mà họ không hay có những sự khoa trương thô bạo.

Họ nói ra những lời thông thường giản dị mà ý tưởng vẫn là dồi dào phong phú biết bao nhiêu.

Còn những nhà trứ thuật bên mình thì lại khác. Nếu họ có cái học cao đẳng thì họ lại không hiểu được cách suy-nghĩ và cách ăn nói của hàng người sơ-dâng. Trái lại, nếu là những nhà tri-thức nửa chừng, thì họ lại cũng tự-cao tự-đại, không chịu học-hỏi thêm, không chịu thua-sát ai, mà cũng không bao giờ chịu làm thính trước những cái mình không biết.

Vĩ-Nhân khác thường nhân ở chỗ nào

GIAO-sư Ostwald là một nhà bác học Đức đã từng được giải thưởng Nobel về Vật lý học.

Ông có viết một cuốn sách nói về « Những hực vĩ nhân » (Les grands hommes).

Trong sách đó ông có thuật chuyện gấp một nhà bác học Nhật bản do Chánh phủ Phủ tang gởi sang để bồi dưỡng bậc thượng tri ở Đức quốc một câu rằng :

« Do đâu có thể biết trước được những người sau này sẽ trở nên xuất chúng ? »

Nhà bác học này có giải nghĩa rằng Chánh phủ nước ông muốn bỏ ra một số tiền lớn để bù đúc nhân tài đang mai sau có người đã tư cách làm việc cho xứ sở. Ông muốn biết cái phương pháp lựa chọn cho đích đáng để khỏi uổng đồng tiền của nhà nước.

Ostwald tiên sinh coi bộ cũng khó biết trả lời làm sao, thì ông nọ cứ năn nỉ cho kỳ được.

Tiêu sinh đành phải đáp như sau này :

« Những học trò, mà thứ nhất là những sinh viên các trường lớn, ta có thể nhận thức cái sự bầm bênh người của họ ở chỗ họ không bao giờ bằng lòng những bài học của thầy giáo, v

Câu trả lời đó đã làm cho cả hai người đều phải băn khoăn suy ngẫm.

Gia sư Nhựt-nhĩ-Man cũng chưa được hài lòng về cái phương pháp ông đã chỉ về cho người ta.

Ông liền khảo cứu về đời những bậc người xuất chúng trong cái địa hạt của ông, nghĩa là những nhà bác-học.

Ông viết cuốn « Les Grands hommes », và tìm được cái chân lý như sau này:

Những kẻ phi thường hầu hết đều là những người không thỏa mãn về những điều đã có sẵn. Không sớm thì muộn họ cũng phải phản động lại những cái mà người trước đã để lại cho họ.

Nhưng nếu có kẻ phản động sớm ngay từ hồi còn ngồi trên ghế nhà trường, thì cũng có nhiều người phản động trễ mà ta tưởng như không có sức phản động ở trong tâm hồn của họ.

Có kẻ như có cái linh khíếu ngay từ buối thiếu thời đã sớm nhận thấy ở mình những cái khả năng có thể làm hơn người được.

Có kẻ chịu khó, nhẫn nại, thành thật tin theo những cái đã sẵn có, rồi cứ một ngày một giác ngộ cho tới lúc tri khôn minh giúp cho mình làm nên sự nghiệp bon đời.

Hai cái thí dụ :

Nhà hóa học Davy, năm 17 tuổi đã ra gop mặt một cách vang trong làng khoa học; 22 tuổi làm giáo sư, 28 tuổi đã phát minh được nhiều cái lâu kỳ. Cho tới 33 tuổi thì thôi, không phát minh gì nữa hết.

Còn một nhà bác học khác: Michel Faraday, hóa học kiêm vật-lý-học. Ông này cứ siêng năng, cần mẫn, học hỏi, tìm tòi riết cho đến

khi đứng tuổi rồi mới gây được một cái sự nghiệp bắt hủ trong làng khoa học.

Thí dụ về bên văn học thì tại lăng mạn hẳn hẽ đều là những cái thiên tài sớm nở, như Goethe, Victor Hugo, Shelley v.v...

Còn tại cõi-diễn thì phao nhiều lớn tuổi rồi mới lập nghiệp như Molière, La Fontaine, Anatole France, v.v...

Còn truyện trên đây hẳn rằng không phải thuật ra để khuyên khích những bậc tướng mငh là vĩ-nhơn tương lai. lúc thiển thời chỉ khắc thường ở đức làm biếng.

Những kẻ không dễ báng lóng không phải là những kẻ làm biếng. Họ cũng chẳng chỉ lanh lợi những cái người ta đã dạy họ, nhưng khiếu thông minh của họ đã sớm biết lựa chọn để phân biệt những chân lý với tà thuyết trong khi họ bắt mān thì họ đã tìm được, hoặc ít ra họ cũng cảm thấy rằng họ sẽ có si đẽ bỏ khuyết cho những bài học của người xưa.

Ở nước Pháp trước kia đã có lần gây nên một cuộc bất chiến lớn lao giữa hai phái thủ cũn và duy lân (querelle des anciens et des modernes).

Kẻ thì chủ trương rằng người trước đã để lại cho ta những khuôn vàng thước ngọc, ta chỉ có việc tiếp nhận lấy mà noi theo đường cũ. ưng đã là hay chán rồi. Kẻ lại nói rằng nhân loại phải tiến tới hoài, người mới phải làm hơu người cũ thì mới là bồ ích cho văn-minh.

Nói cho phai thì đời nào cũng có những hàng người xuất chúng mà sự nghiệp văn-hình hướng tới muôn đời về sau.

Nhưng bài học của tiền nhân ta chẳng được coi thường. Nhưng nếu ta nhớ nó tu bờ cho cái trí tài hoa của ta thì ta cũng phải biết bối rối trước những cái sai lầm mà ta cần phải bồ quyết để giúp cho cuộc tiến hóa của nhân loại được tiếp tục hoài hoài.

Pháp-văn và Pháp-học

TƯỚC đây, trên một tờ báo tây, một nhà trí-túc Áo-nam đã viết nhiều bài chỉ trích về cách dạy chữ Pháp ở các trường học bản xứ. Tác giả là một nhà tây học cư phái, viết văn tây chẳng thua gì tây nên bắt bẻ nhiều điều rất xác đáng.

Sau một loạt những bài của ông này, lại tiếp theo một bài nữa của một ông khác hưởng ứng với ông trên và phản nàn thêm.
dân ta ít người biết nói tiếng pháp quá !

Hai nhà tây học, một người thì muốn cho học trò ta phải viết pháp văn cho giỏi, một người thì mong cho dân ta có nhiều người biết nói tiếng pháp cho thông.

Những mối lo ngại mong mỏi đều là thành thật và chânh đáng, nhưng vẫn không thỏa mãn lòng tôi. Vì sao ? Vì mấy ông đó chỉ nói đến hình-thức mà không nói đến tinh-thần, nói đến phương-tiện mà không nói đến cùu-cánh nghĩa là đến pháp-văn mà chẳng nói đến pháp-học.

Ở trên giải đất Đông-dương này, người Nam và người Pháp phải sống chung với nhau thì đều phải biết ngôn-ngữ văn-chương của nhau để tiện bồi giao thiệp. Kê sỉ-dân bản gác

nên biết đối đáp thông thường với người của Chánh-quốc.

Nhưng sự học chữ Tây nêu chí công dụng có thể thời thi thường làm!

Biết nói như Tây, biết viết như Tây, biết đọc chữ Tây cũng chưa đủ.

Còn phải làm sao lách hối được những kho tàng quý báu của họ về học-thuật và tư tưởng, làm sao cho cái học thuật và tư tưởng do biến đổi được linh hồn của ta, giáo hóa cho ta nên được những người có tài trí và đạo đức, như họ, để cho nước ta có thể làm lần tiến lên được cái trình độ tinh thần của Chánh quốc.

Chẳng nói chi đến hạng bình dân thất học, nói ngay đến tại vẫn được liệt vào hạng tri thức tàn học bấy giờ, phần nhiều chưa hẳn xứng đáng là những đứa con tinh thần của văn hóa Pháp lan tây.

Họ nói tiếng Tây rất thạo, họ viết chữ Tây rất đúng, họ sinh hoạ như Tây, họ kiều cách như Tây, nhưng họ vẫn gữ được những hủ tục cũn-truyền và thêm vào những ác tập ngoại lai.

Họ làm quan, họ cũng biết hối lộ, họ làm lừa, họ cũng biết kêu ăng. Đối với người trên, họ cũng biết xu-nịnh. Đối với kẻ dưới, họ cũng biết ra oai. Dẫu chưa là dân fây chính thức, họ đã cách biệt với xứ sở giỗng đời.

Chính tôi đã thấy có ông quan lại cao-cấp người Annam mà chỉ quen nói tiếng Tây với dân bản xứ, nếu gặp người nào không biết tiếng pháp thì phải có thông ngôn.

Lại có nhiều ông bác chỉ thích được người ta gọi mình là « quan lão » nếu không thì sẽ rầy-rà ghê-gớm hoặc sẽ lảng lăng trả thù bằng những thủ-đoạn không quân-tử.

Những cái bằng có tôi trung bày ra chẳng có ý mai sát kẽ mào, nhưng chỉ cốt lấy làm chứng cho lời nói của tôi : giỏi pháp-văn chưa hẳn đã là có pháp học.

Pháp học là một nền học-thuật lấy nhân-đạo làm gốc. Từ đạo bác ái của Gia-tô cho đến những phong trào cờ điền, lăng mạn, tả chân trong văn-học hết thảy đều có một cùn cành là biết và giáo hóa con người.

Có người đó có những hình trạng phúe tạp và những tâm trạng ly kỳ. Mỗi nhà văn hào thi sĩ đều khám phá ra được những hình trạng và tâm trạng mới để giúp cho cái nhân bản được một ngày một phát lộ đầy đủ dồi dào.

Ta đọc những công trình trứ thuật của họ ta vừa biết rõ được nhân loại nhưng ta cũng biết thêm được cái bản sắc của ta. Ta biết rằng ta là một phần tử của nhân loại với những cái tên di và đại đồng thì ta lại càng cần phải trao đổi cái nhân cách của ta sao cho dung hòa được với toàn thể mà không bỏ mất cái tính của mình.

Tôi đã được dịp may mắn gần gũi với nhiều nhà tri thức Pháp. Tôi thấy mỗi người đều có một tư cách riêng nhưng ông nào cũng là những người dễ dãi, khiêm nhường, nhân từ, bắc-ái.

Các ông không bao giờ tự-đắc vì những địa vị cao quý, khos trọng và danh vọng ha-

phàm hàn. Các ông sống cái đời phàm của các ông một cách êm đềm, nhưng các ông lại sống cái đời tinh thần của các ông một cách thú vị.

Một nhà báo đến phỏng vấn ông Edouard Herriot đã được nghe ông nói :

« Cái đời tốt đẹp là cái đời mà tư-tưởng và hành-động thường giám đốc lẫn nhau. Nếu anh chỉ là người hành-động trơn thì anh còn thiếu sói. Anh bị giam hãm trong phạm-vi mà sức hành-động đã hạn-dịnh cho anh. « Anh là người của một thời-đại, của một trường học, của một đảng phái.

Ông Edouard Herriot là một chánh-khách lão thành và có oai vọng trong xã-hội Pháp nhưng ông cũng là một nhà học-giả chân-chinh và một văn-sĩ trứ danh.

Ông ra làm chánh-tri là vì nghĩa-vụ với quốc-gia. Nhưng ông vẫn cho cái đời bôn-ba của ông không làm cho ông được hoàn toàn thỏa mãn. Ông không muốn chỉ là một thời đại của một trường học, của một đảng phái, nghĩa là ông muốn làm một phần-tử của Nhân-loại trong cả không-gian lẫn thời-gian. Ông đọc sách của cõi nhân, của ngoại-quốc, của người đồng thời và chính ông cũng vẫn đem cái óc thông-kim bác-cồ của ông mà làm việc cho văn-hóa.

Những bạn người như thế ở Đại-Pháp chẳng thiếu gì, và những người như thế mới xứng đáng là những người có học và đã chịu để cho sự học nô giáo-hóa mình.

Ở nước ta lâu nay, người ta vẫn hay nói đến hai chữ văn-học, nhưng phần nhiều chủ ý đến

văn-chương hơn là học thuật. Hoặc nếu có nói đến học thuật thì chỉ cần ở phẩn tri thức hơn là ở chỗ tinh thần.

Kẻ sĩ-phu ở thời nào cũng phải là người học rộng, biết nhiều, có văn-tài lối-lạc, nhưng nếu những cái học rộng, biết nhiều đó chưa đủ cảm hóa được linh-bồn của mình để tạo nên cho mình một cốt cách thanh-kỳ xuất-tục thì vẫn chưa tới chỗ sở-dắc hoàn-toàn.

Văn-hóa Tàu trước kia đã tạo nên được những nhà nho quan-tử nhưng cũng vẫn mang tiếng rằng đã sẵn-xuất những tại nhà nho tiêu-nhàn.

Văn-hóa Pháp bấy giờ cũng đủ sức tạo nên được những kẻ sĩ chân-chánh nhưng vẫn lèn-đen ra được một hàng dung-phàm. Cái đó không phải lỗi tại văn-hóa mà là lỗi tại chế độ giáo-dục và hoàn-cảnh xã-hội.

Chúng ta nhớ lại từ hồi người Pháp qua đây còn phải đụ-dỗ cho người Annam học chữ Pháp, cho tới khi mở những trường hẫu-bồ, trường thông-ngôn, hầu hết là vì muốn có người giúp đỡ trong công việc cai-trị xứ này.

Hầu người mình thấy rằng học chữ Tây có lợi, làm thầy phán có tiền, rồi mỗi ngày mỗi đua nhau cắp sách đến trường, chẳng phải thương yêu gì văn-hóa Pháp lan-tây mà chỉ cốt leo thang danh-vọng.

Kể tới khi có trường trung-học đại-học mở ra, người đi học cũng vẫn đeo đuổi cái tâm-lý đó. Họ học rất chăm chỉ siêng-năng nhưng mạc-sách cũng chỉ là ở chỗ được bồi-dưỡng.

Tới khi công đã thành, danh đã toại thì đường học-văn cũng chẳng cần theo đuổi làm chi nữa.

Đã không cốt học để mà học thì sự học dẫu có tăng tiến đến đâu cũng không bồ ích gì cho tâm-hồn tình cảm.

Nay muốn chữa-sửa lại cái tệ đó thì hàng sĩ dân trong nước phải thay đổi cái nhân-sanh-quan của mình đi.

Tôi nhìn nhận rằng người ta có thể dùng cái tài-học của mình mà nuôi thân mình một cách chánh-đáng. Nhưng tôi mong rằng con nhà học-trò dẫu làm tối gì đi nữa cũng phải nhớ tới cái địa-vị học-trò của mình trước đã.

Trong những giờ làm việc thi minh cứ làm việc cho chăm-chỉ, tận tâm cho xứng-đáng với đồng lương và lòng tin cậy của người.

Nhưng tôi khi xong việc rồi thi minh cũng phải biết sống cái đời tinh thần của mình nữa.

Nhà văn-sĩ Pháp Ông Guéhenno, có nói rằng:

- Cái đời làm việc không phải là hết thảy
- cuộc đời. Chỉ đáng/kè cái cảnh đời khác, cái
- cảnh đời nó bắt đầu sau khi đã kiểm được
- cơm ăn, sau khi công việc đã rồi, mà ta có
- thể đàng-hoàng lâng-phí với những tư-tưởng
- và mơ-màng. Chính ta cần phải dự bị cho
- cảnh đời đó.

Cảnh đời thứ hai đó mới cảnh đời cao thượng của những người đã thoát-ly rả khỏi những cái nhỏ nhen ti-tiến của thế-nhân để sống cái đời sống tinh-hần của nhân-loại.

Văn-hóa Pháp bây giờ cũng như văn-hóa Tàu thuở xưa cũng có sức giáo-dục hoàn-bí để

tạo nên những nhân-vật xứng-đáng trong loài người.

Nhà tây-học chân-chánh không thể chỉ đo lường ở tài viết văn-tây, ở tài nói tiếng-tây, & cách sống theo Tây, nhưng còn phải là những người có tài-trí, có tư-cách và thứ nhât là có cái tâm-đức của những bực thương-trí Pháp-quốc.

Nghị-luận Văn-hóa với ta

TRƯỚC đây, ở Huế, có một nhóm trí thức mang danh là « Nhóm chịu trách nhiệm » (les responsables) ý hẳn hẵn cho rằng họ có trách nhiệm trong cuộc tiến hóa của xã hội và họ phải hành động làm sao xứng đáng với cái thiên chức của mình.

Nhóm responsables xuất bản được vài tập sách, trong có một tập nói rõ ràng về văn hóa với nhau đẽ như sau này : « La culture e nous » (Văn-hóa với ta). Tiếc rằng sách đó viết bằng chữ Pháp. Phải chì nó được viết bằng quốc văn thì còn thú vị hơn, và chắc có ảnh hưởng hơn.

Cũng hồi đó, tôi ra chơi Huế được tiếp chuyện hai ông giáo-sư mà một ông là người « chịu trách nhiệm »

Ông này nhân bản về văn-hóa có phát biểu một vài ý kiến ngộ ngộ.

Ông nói :

« Người có culture chẳng phải là người học rộng, biết nhiều mà không có tầm bồn cao thượng. Một người vô học mà có tư cách thanh kỳ có thể gọi được là một người « cultivé ».

Những ý kiến của Ông chỉ làm cho tôi thấy kinh ngạc một nứa.

Tôi công nhận rằng văn hóa nếu chỉ tu bổ phẩn trí thức mà không cảm nhiễm tới tâm hồn thì văn hóa chưa hoàn toàn bồ ích.

Nhưng một người vô học mà có lòng tốt tự nhiên không thể gọi là người có văn hóa được.

Nhân chi sơ, tinh bản thiện ư?

Nhân chi sơ, tinh bản ác ư? Chỗ này không phải là chỗ bàn tới một vấn đề mà tới nay cũng chưa giải quyết được.

Sự thật thì ta thấy rằng ở đời văn có người tốt sống chung với những người xấu mà không phải người tốt toàn là những người được ăn học đàng hoàng hay người xấu toàn là những người vô trí thức.

Nhân đó mà ta thấy rằng nhân loại không được đồng-chất mà cái cứu cánh của văn hóa là phải đổi xấu ra tốt, khai dã thành văn.

Đổi với những người có bản-chất tốt thì nó làm cho được tốt thêm. Hơn nữa nó làm cho họ khôn ngoan hơn, tài trí hơn để có thể phản bội: được những lẽ phải, quấy, gáah xác được những việc khó khăn.

Còn đổi với những người có bản chất xấu thì phải làm cho họ lần lần giác ngộ ở trí thức để biến đổi được tâm hồn mà thành nên được những phẩn tử ưu tú trong nhân loại.

Như vậy thì văn hóa không phải chỉ cốt tạo nên những nhà tri-thức, những nhà bác học mà còn phải gây nên ở những hàng người này một bản ngã phong phú, một tâm hồn cao thượng có khối óc thông minh mà cũng có khối tình cảm thiết.

Cái văn hóa nào chỉ lo tu bổ tri thức mà sao lâng tinh thần là một cái văn hóa nguy hiểm, dù có giúp cho loài người được nhiều điều phát minh sáng chế, nhưng chưa đủ tạo nên được một bầu không-khi trong sạch cho thiên hạ biết sống trong tình tương ái, tương thân.

Tuy nhiên, nói chuyện văn hóa không được nói một cách quá đơn giản. Văn hóa bao giờ cũng đi liền với phong tục và phong tục mỗi nước hành sao cho khỏi có những chỗ đị, đồng.

Bởi lẽ đó cho nên chịu ảnh hưởng văn hóa Tàu mà văn hóa Việt-Nam không có thể lâu hết được.

Và cũng bởi lẽ đó cho nên nhiệm văn hóa Pháp, người Việt-Nam không thể đồng hóa với người Pháp được.

Trước đây có một ông Nghè trẻ tuổi, học rộng tài cao, sau khi ở Pháp về đã viết ra nhiều cuốn sách để nói về sự cách biệt lớn lao giữa ông cùng hoàn cảnh đất nước.

Ông nói : (1)

« Nào làm là để dùng chung cho mọi người
« chứ không phải để tiện việc cho mỗi kẻ.
« Muốn đến một cǎo phòng thi tất phải luồng
« luồng qua tất cả những phòng khác. Cả nhau
« bị rượt riết tới những tư tưởng riêng, những
« tình cảm kín không có một chỗ nào riêng biệt
« để có thể tránh dặng khóc thầm hay
« cười lén.

« Tôi run sợ về cái ý nghĩ rằng sẽ có một
« người chết ở tôi. Tôi hãi hùng về cái tu

(1) Đây chỉ là dịch ở nguyên văn chữ Pháp.

« Tưởng rằng nay mai tôi sẽ chỉ là cái hình ảnh tồi mờ của những con ma sống và chết đã kể kịp lại thành nên một gia đình, tôi sẽ là đứa nô-lệ cho những cõi tục và những thành kiến và nghĩa nó truyền đến từ lâu đời. Ôi! thật đáng sợ mà cảm thấy mình « chết... »

Cái chết ông nghè nói ở đây là cái chết ở tinh thần vì ông sợ cái ảnh hưởng khốc hại của hoàn cảnh nó sẽ làm tiêu ma cái cá tính mảnh liệt mà hơi kiêu của ông.

Nhưng cái gì ta sợ là nó có. Ta vẫn sống chung với những con ma sống là đồng bào của ta. Ta vẫn sống chung với con ma chết là tờ tiên ta,

Ta muốn cho ta là văn minh tinh hoa đến mức nào đi nữa, ta vẫn không tránh khỏi sự chi phổi của những con ma đó.

Chi bằng ta cam chịu sợ sống chung.

Ta đem những điều sở-đắc ở Tây-học mà cái lương cái hoàn-cảnh của ta cho nó thích hợp với thời đại.

Nhưng cái-lương không có nghĩa là phá tan mà làm lại. Cái-lương phải là giữ lấy nền móng bồ cho tốt hơn.

Trước đây những nhà trí thức Pháp cũng nhiều người công nhận rằng ta không thể đồng hóa với chánh-quốc được.

Hiện nay Thông-chế l'etain lại cương quyết để xướng rằng dân thuộc địa phải sống một đời sống tinh thần thích hợp với văn hóa và phong tục của mình, nhiên hậu mới có thể hòa nhập với nền văn minh của Chánh-quốc,

Nói riêng về dân tộc Việt Nam nếu ta chưa có cái gì nó đã kết tinh ở tâm hồn tinh cảm của ta, nếu ta khôngまさ chúa những cái gì mà ta có thể gọi được là văn minh hay văn hóa thì nhiệm gì cũng được, chém gì cũng hay, huống hồ lại là chịu đựng một nền văn hóa tốt đẹp như nền văn hóa Pháp.

Tuy vậy nhưng ta không ngon-nghanh tuyệt đối dân. Ta vẫn sẵn sàng tiếp đón ngôn ngữ phong trào là để ta thêm vào cho ta những cái gì của ta còn thiếu, sau là nhân cái học mới mà biến thêm nền học xưa, rồi lần lần từ cái riêng biệt ta sẽ đi tới chỗ đồng nhất để có thể dung hòa hòa hiệp mà tạo nên một nền văn-hóa hoàn bì ở tương lai.

Trong bài diễn văn đọc ở trường Đại học Hanoi, quan Toàn-quyền Desoux đã có lời tuyên bố như sau này :

« Cái mục-dịch chúng ta theo đuổi là tềng hiệp một cách khôn khéo những tri thức của Tây phương và Đông-phương, gây nên một sự thăng bằng để điều hòa những giá trị tinh thần mà tạo nên một nền văn-hóa đặc sắc, nó sẽ là nền văn-hóa cõi hàng thương lưu tri thức Đông-Pháp ».

Cái mục-dịch nói trên tôi tin rằng có thể thực hiện được. Nhưng muốn cho được hoàn toàn thiền nền văn-hóa của hàng thương lưu còn phải bền hành nền văn-hóa của hết thảy mọi người. Mùa muôn được vậy thì chữ quốc ngữ lại vẫn là lợi khí duy nhất.

Văn học Pháp với Văn chương ta

TRONG ba thứ chữ mà ta dùng để xây dựng nên cái lâu đài văn-học Việt-Nam thì chữ quốc-ngữ phải có một địa-vị đặc-biệt và một tương-lai rực-rỡ vô cùng.

Đành rằng những công-trình văn-pgbiệp bằng chữ Hán và chữ Nôm mà tiền-nhân đã lại cho ta không phải là tầm-thường it-ỏi, nhưng từ ngày chúng ta đã nhận rõ cái tiện-lợi, cái thần-tinh của thứ chữ sảng-chế ra bởi cố Alexandre de Rhodes thì thứ chữ đó đã thành ra văn-tự phè-thông của nước ta rồi.

So với hai thứ chữ trên thì nó dễ học, dễ viết hơn nhiều, kết thành bởi 25 chữ cái latin nó dùng để đánh máy cũng tiện như sự giao-thông bằng điện-tín giữa thế-nhau.

Trong khoảng bao chục năm nay, những sách, báo, tạp-chí xuất-bản bằng chữ quốc-ngữ đã có được một số lượng lớn-lao và cũng không phải là không có được những phẩm chất đặc-biệt.

Tuy nhiên, nếu văn-học quốc-ngữ được tiến-bộ ngǎo nào là cũng nhờ chịu ảnh-hưởng ở hai nền văn-học Trung-hoa và Pháp-quốc.

Cái ảnh-hưởng trên là do những tác-giả lớp

đều, những nhà nhỏ không-tuệ đã chịu bỏ quản bát lông để cầm cây bút sắt.

Cái ảnh-hưởng dưới là do những lớp tân-học đã chịu sự an-dúc ở trường học Pháp-lan-tây.

Trong hai lớp tac-giả đó, một lớp đã hồn-tàn, một lớp đương hoạt-động.

Lớp hoạt-động đó là những người học bằng chữ Pháp để viết văn-ta, những người đã chịu sự liên-lạc bằng tình-thần với những cái tinh-thần tiêu-biểu hơn hết của dân-tộc Pháp-lan-tây.

Những cái tinh-thần đó ta thấy như lộn-xộn bất-đồng, hoặc như có chiều xung-đột cùng nhau, nhưng tổng-hợp điều-hòa lại thì chính là những cái nó làm cho nước Pháp có được cái bộ mặt khả-ki biết bao nhiêu.

Nhà sử-học Michelet đã nói rằng :

«Mỗi dân-tộc lớn đều tiêu-biểu cho một ý-tưởng quan-trọng giữa loài người. Nhưng, a trời ơi, đối với nước Pháp cái đó mới đúng a làm sao. Giả-thiết như có một lúc mà mà đi, a nó mất đi thì cái dây liên-lạc bằng tình-cảm a ở thế giới sẽ dập ra, sẽ tan đi và có lẽ sẽ tiêu diệt mất. Cái tình-thần ái-nó gây nên đời sống a của địa-cầu sẽ bị thương-tửn a chõ linh-dộng a hơn hết ».

(Tout grand peuple représente une idée importante au genre humain. Mais que cela, grand Dieu, est bien plus vrai de la France. Supposez un moment qu'elle s'éclipse, qu'elle finisse le lien sympathique du monde est relâché dissous et probablement détruit. L'amour qui fait la vie du globe en serait atteint en ce qu'il y a de plus vivant)

Cái đây liên lạc bằng tình cảm nói ở trên đây đã tạo nên bởi cái nhân-hàn-chủ-nghia (*l'humanisme*) và cái tình-tuân cơ-đốc-giao (*le christianisme*).

Ngoài trừ một số ít văn-sĩ quá suy-lôc chủ-nghia quốc-gia cho đến như có ý-muòng đại-ngoại, con phần nhiều đều là những người giàu lòng nhân-dạo đã thành thật hy-vọng và hành-động cho loài người đi tới chỗ đại-dồng.

Nếu tôi không quen biết ai khác hơn là những nhà văn-não, triết-học, những mặc-kinh-thi-nhau của Đại-Pháp thì chắc-chắc là tôi không còn mợ chủ-de-dại gi rong cõi-tuân của tôi đối với chánh-quoc.

Có lần, không nhớ là năm nào, tôi đã đau lòng về cái chết của một ông Thượng-thư Pháp và tôi đã gửi lời chia buồn như đối với một người quen.

Hành-động kỳ-khôi. Nhưng là hành-động do tình-cảm chảa thiệt.

Ông thượng-thư đó là ông Louis Barthou. Ông tuy làm thượng-thư nhưng lại là một nhà daon-sĩ và là một đền-giả của bọc-xá Université des Alpes. Thường đọc những bài diễn-thuyết của ông ở tạp-chí Conférence tôi thấy lòng tôi cùng ông quyến-luyễn.

Phút chốc, được tin ông bị ám-sát ở Marseille, tôi lập tức biên thư cho bà Yvonne Sarcey nói tă gôi đau-khổ vì từ nay vĩnh qua kh้อง-giao tôi sẽ kh้อง được nghe ông Barthou diễn-thuyết nữa.

Nhà nữ-sử Pháp cũng phúc-dép cho tôi bằng những lời đau-thương thành-thiệt.

Chẳng phải một ông L. Barhou đã chiếm lòng tôi mà còn biết bao nhiêu những ông khác nữa, ông nào cũng đều có những điểm khả-kì tố lèn cái bộ mặt rực-rỡ của nước Pháp tinh-thần.

Cái bộ mặt đó, từ ít lâu nay đã thấy bi-thương ủ-dot, nhưng càng-trong cảnh bi-thương nó càng để cho người đời âu-yếm, thứ nhất là đám thanh-niên tri-thức Việt-Nam mà ta có thể gọi là những đứa con tinh-thần của Đại-Pháp.

Những người này trước hết tưởng rằng mình học chữ Pháp rồi có thể dùng luôn thứ chữ đó để diễn-đạt tư-tưởng của mình.

Nhưng lần-lần họ thấy rằng họ còn sống trong cái hoàn-cảnh của xứ-sở mà họ chỉ có thể giao-thiệp được bằng tiếng nói và chữ viết của nước nhà.

Họ còn thấy rằng dấu cho tài-ba cách mấy và gắng-gỏi tới bực nào họ cũng không thể thành-ưu được một sự nghiệp bằng Pháp văn như những nhà danh-sĩ Pháp.

Tỉnh thoảng sau những khi đã nghỉ đọc những pho sách tày-lớn bự, họ tò-mò dò dẽn một vài cuốn sách quốc-văn. Họ đọc thấy rằng có thú-vị.

Rồi họ tập viết và cũng không thấy khó-khăn gì.

Họ đã sẵn có những phương pháp hành-văn theo tuy-học.

Họ đã sẵn có những cái chứa trong đầu óc tâm hồn,

Họ viết một cách sống-sượng mà người ta nói rằng viết theo lối Tây.

Nhưng trong cái sống sượng vụng về đó vẫn để lộ ra những tình cảm dồi dào và những tư-tưởng mới.

Họ chưa bằng lòng. Họ tập luyện thêm. Họ đọc những văn-phẩm của tiền nhân để lại. Họ đọc sách vở của văn-sĩ đương thời. Họ nhận ra những chỗ dị, đồng của hai nền văn-hoa Pháp, Nam, rồi họ tham bác, họ đền hóa, họ muốn cải-lương những cái đã có bằng những tài-liệu mà họ đã vuợt biền đem về.

Hơn thế nữa, họ còn là những đứa con cưng đầu, thường muốn thoát-ly cái ảnh hưởng đã chịu

Trong lối mươi năm nay, biết bao nhiêu là sách quốc-văn xuất bản mà hầu hết đều do những tác giả trong đám thanh-niên tân học.

Từ những bộ tiêu-thuyết trứ danh cho đến những bài thơ xán-lạn, từ những sách khảo-cứu phê-bình cho đến những công-trình lịch-sử nhứt thiết đều thấy có cái dấu-vết của văn-học Pháp lan-tây, cả về phương pháp lẫn tinh-thần.

Cái dấu-vết đó hiện nay các nhà văn ta nhiều người muốn xóa nhòa để mong cho có ngày tiêu-hắn.

Như vậy không phải là họ vong-âu bội-ngõi, nhưng chỉ là cái lẽ dịch-hoa đương-nhiên.

Văn-học Pháp đanh rắng ánh-huớc gởi tới văn-học ta nhiều lắm. Nhưng nếu con càng lớn càng phải xa cha mẹ để luyện lấy cá-tánh của mình thì càng tiến-hoa, văn-học Việt-Nam càng

cần phải có một cái cốt-cách riêng để tiêu-bièu cho sự thuần-túy của dân-tộc.

Nó đã xa văn-học Tàu. Nó sẽ xa văn-học Pháp. Nhưng nó chẳng bao giờ xa được những núi non hùng-vĩ, những đồng-angled xinh-xươi, những nét mặt rắn-deo mà hiền-bagus của các bà già xưa, những tánh-tình vui-vẻ nhung dìn dàng của mấy cô tân-ữ.

Nó chẳng những chỉ là hình-ảnh của xứ sở với những phong-tự: và nhơn-vật Annam. Nó còn phải chứa được những tình-cảm mãnh-liệt, những tư-tưởng cao-siêu của những cái tài-trí đặc-biệt.

« Nurōe ta sau này hay bay dở là nhớ ở chū
quốc-ngữ ».

Lời ông Nguyễn-văn-Vĩnh dội lại đã thấy có chung-nghiệm rõ-ràng vì chữ quốc-ngữ đã được chúng ta đẽ-y và thương yêu.

Trong tình thương-yêu đắm-thắm ta đương làm cho nó có một cái tiền-dồ rực-rỡ dàng trống mồng.

Cái tiền-dồ đó đi đôi với tiền-dồ của văn-học và tương-lai của xã-hội.

Sự tiền-hóa rồi đi tới đâu chưa biết. Nhưng dù cho tiền-hóa đến bực nào ra nữa, ta vẫn phải nhớ rằng : Chữ quốc-ngữ là sáng chẽ của một ông cõ-đạo Tây-phương và văn-chương Việt-Nam đã có hối chịu ảnh hưởng xau xa của văn-học Pháp-quốc.

SẮP CÓ BÁN :

Lý Đỗ

**Tập thứ nhất: Lý-Bạch
của Trúc-Khé**

Bộ Lý-Đỗ gồm có hai tập, tập thứ nhất: Lý-Bạch, tập thứ hai: Đỗ-Phủ. — Đó là hai bức thánh thơ Á-dâng tự cõi, chi kim. — Thơ Lý-Bạch lời đẹp như sao băng, ý thanh-cao, thoát-lục, siêu-phàm. — Còn Đỗ-Phủ thi lời văn tết-nhi, đanh-thép, mẫn-thể, un-thời; đó là những tiếng khóc-than của cả xã-hội Á-dâng loạn-ly về thời trung-cõi. — Mỗi tập có in ba nghìn chữ nho, dịch ra thơ quốc-âm, và chú-thích rất kỹ. — Thật là hai cái lâu-dài đồ-sộ về văn-chương, mà cõi-nhân để lại cho chúng ta.

Chu-Tân tinh-hoa

của Đào-Trinh-Nhất

Đó là những giai-thoại về các bức thánh-hiền đời Chu, và đời Tần, như Lão-Tử, Trang-Tử, Liệt-Tử, Mạc-Tử, Khổng-Tử, Mạnh-Tử, vân-vân... Truyền rất vui, rất lý-thú; mà mỗi truyện còn bao-hàm một cái triết-lý cao-siêu, rất có ích cho việc tu-thân, xả-thể của người đời nay.

Nhà xuất-bản Cộng-Lực

N° 9 Rue Takou Hanoi — Telephone 962

Sách Hoa - Mai

Cũng như loại Livre Rose của nước Pháp, sách Hoa Mai in đẹp, giá rẻ, mỗi cuốn giá 0\$40. Đó là những truyện vui có tính cách luân-lý, hoặc lịch-sử, hoặc khoa-học, do những nhà văn có châm-tài viết. Mục đích của Hoa-Mai là giúp đỡ vào việc gia-dinh giáo-dục, bài-trừ loại sách có hại cho học-sinh, gây lỏng tin-nhàn. Các bức phạ-buynh, tự nay đã chắc-chắn có lãoi Hoa-Mai rất đứng-đắna, cho các con em. Các ngài không mất thi-giờ lựa chọn nǎa. — Không còn cái quà gì quý-báu bằng một cuốn Hoa-Mai rất đẹp, rất vui, rất có ích, mà các ngài mua cho các em, các con, các cháu.

Đã có bán :

Truyện khoa-học

Số 1 và số 2 của Hoàng-Lan tức Hoa
Mai số 42 và 43 mỗi cuốn giá 0\$40

Đó là chuyện phiêu-lưu của một chàng ong niêm-thiếu, ongang-tàng, như bất cứ một bạn học-sinh nào. Chàng đã đi chu du khắp thiên-hạ, trải muôn lao, nghìn khò, đã có những thủ-doạn ongang-tàng, ong-hiệt. — Nhưng rốt cuộc, chàng thấy cuộc đời phiêu-dâng chẳng ra gì. Chàng trở về với gia-dinh, và nhận thấy rằng, chỉ ở gia-dinh, người ta mới tìm thấy vê-vang, và hạnh-phúc. Truyện rất vui, rất có ích. Các bạn đọc hai cuốn Truyện khoa-học, số 1, và số 2, có ích bằng học một trăm bài cách-trí.

Nhà xuất-bản CỘNG-LỰC

N° 9, Rue Takou Hanoi — Téléphone 962

ĐÃ CÓ BÁN :

Bước đường mới

Truyện dài lý-tưởng
của Dương-Ngà — Giá 3\$00

Người ta thường chê người Việt-Nam sống không có mục đích, không có lý tưởng, chê nền đời sống nhạt nhẽo, và buồn tẻ. — Sau khi đọc cuốn *Bước đường mới* của Dương Ngà, các bạn sẽ tìm thấy ý nghĩa của cuộc sống, sẽ biết sống vui, và thấy đời đẹp đẽ vô cùng. Các bạn sẽ biết hy sinh cho đồng loại, cho nghĩa vụ, cho lý tưởng. — Cuốn *Bước đường mới* đã được cụ Nguyễn Văn Tố, một nhà bác học, trong Viện Viễn Đông Bác Cổ, công nhận xứng đáng là một cuốn sách ghi dấu giường cho các thanh niên nam nữ Việt Nam ngày nay.

Kim Tự Tháp

Của Phan-Quang-Định -- Giá 2\$00

Kim Tự Tháp là một trong bảy kỳ quan của vũ trụ. Tháp cao và to bằng núi Thủ Sơn, và xây bằng những phiến đá nặng nghìn cân. Trong tháp có ghi cả một nền văn minh của nước Cồ Ai Cập. — Chỉ đọc một cuốn Kim Tự Tháp, các bạn cũng có thể có muôn nghìn kiến thức rất tinh vi, rất sâu sắc, về các môn khoa học, và nhân loại đã p'ải tìm kiếm trong ba nghìn năm.

Nhà xuất-bản Công-Lực
N° 9 Rue Takou Hanoi — Téléphone 962

Đã có bán :

Nửa đêm

Truyện thôn-quê của Nam-Cao

Giá 2\$00

Nam-Cao là một nhà văn chuyên tả phong-tục thôn-quê Việt-Nam, với một ngòi bút rất đanh-thép.

— Đọc cuốn Nửa đêm của Nam-Cao, các bạn sẽ thấy đời sống người dân-quê Việt-Nam chẳng dàn-dị như các bạn tưởng. Các bạn sẽ thấy đời họ đầy những sự rắc-rối, éo-le. Các bạn sẽ hiểu người dân-quê Việt-Nam một cách sâu-sắc, các bạn sẽ có những kiến-thức rất thực về thôn-quê Việt-Nam. Nói tóm lại, các bạn sẽ hiểu đồng-bản một cách chu đáo.

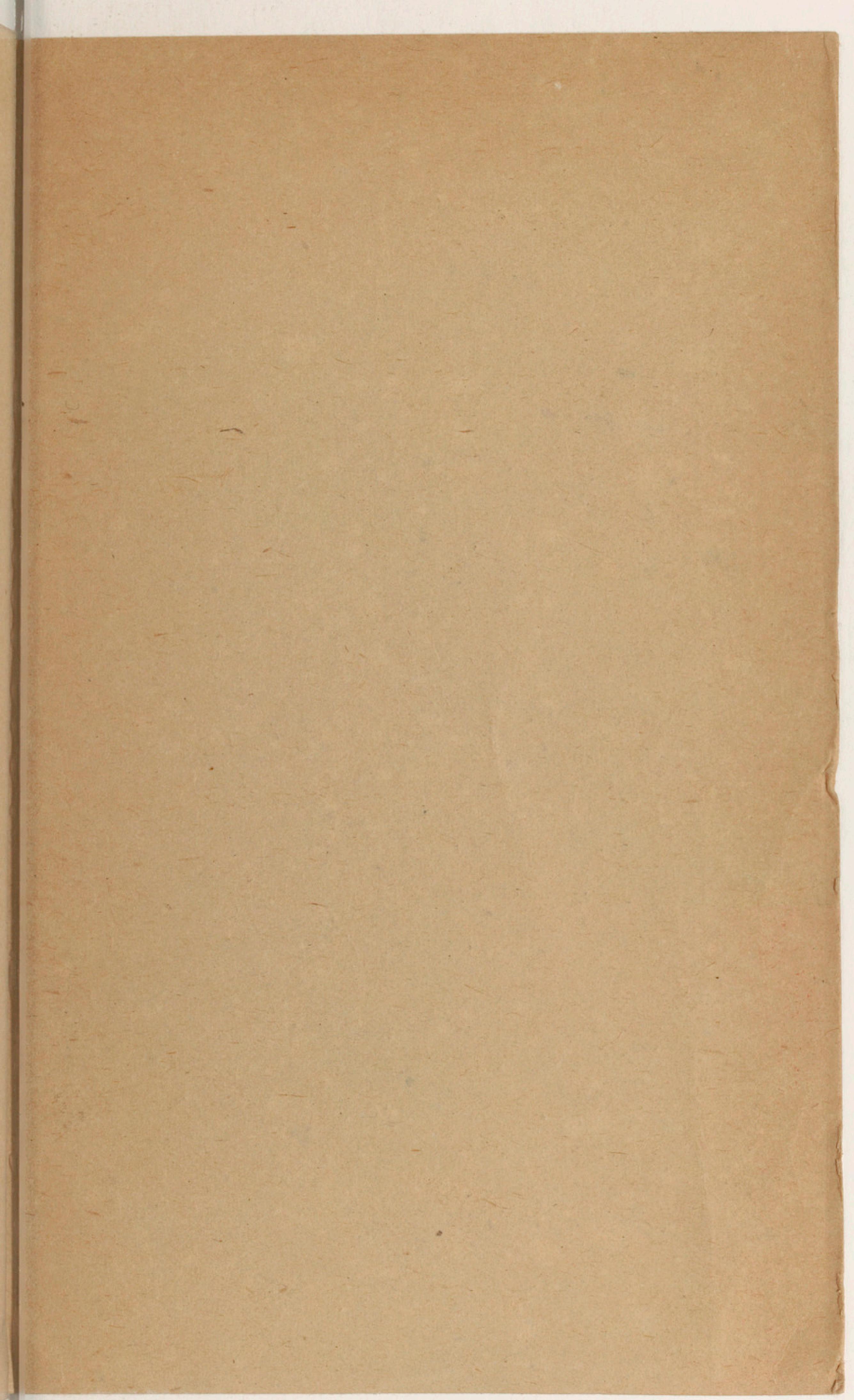
Khảo-cứu về tiếng Việt-Nam

của Trà-Ngân — Giá 2\$50

Việt-Nam là một nước văn-hiến, có ngôn-ngữ và văn-tư đã hơn hai nghìn năm. Tuy vậy, số đông người Việt-Nam nói và viết chữ nước nhà vẫn chưa đúng, vẫn chưa hiểu nguồn-gốc và ý-nghĩa tinh-nhi của tiếng Việt-Nam. — Cuốn Khảo-cứu về tiếng Việt-Nam của Ông Trà-Ngân sẽ giúp các bạn nói cho đúng, viết cho đúng, hiểu rõ nguồn-gốc, và ý-nghĩa tinh-nhi của tiếng nước nhà. — Các bạn còn biết cách làm các lối thơ, phú, từ-khúc, và còn được thường-thức những áng văn-kiệt-tác, trong văn-học-giới Việt-Nam.

Nhà xuất-bản Cộng-Lực

No 9 Rue Takou Hanoi -- Téléphone 962



ĐÃ XUẤT BẢN

| | |
|--|-------|
| Song An Hoàng-Ngọc-Phách | |
| Thời thế với văn chương | 0\$80 |
| Đâu là chân lý | 0.80 |
| Vũ-hoàng-Chương | |
| Thơ say | 0.80 |
| Nguyễn-Tuân | |
| Tùy bút | 0.60 |
| Thiếu Sơn | |
| Người bạn gái | 0.80 |
| Lê-văn-Trương | |
| Bóng hạnh phúc số 1 | 0.60 |
| — 2 | 0.60 |
| Mạnh-Phú-Tư | |
| Nhật tinh | 1.00 |
| Lê-Thanh | |
| Thân-thế và văn-chương Tú Mỡ | 0.60 |
| Đỗ-đức-Thu | |
| Nhà bên kia | 0.65 |
| Kinh - Kha | |
| Đôi vợ chồng | 0.80 |
| Trúc-Khê và Tiên-Đàm | |
| Chu Mạnh Trinh | 1.00 |
| Lưu trọng-Lư | |
| Em là gái bên song cửa | 1.50 |
| Đào trinh Nhất | |
| Việt sử giao-thoại | 2.00 |
| Trà-Ngân | |
| Khảo-cứu về tiếng Việt-Nam | 2,50 |
| Dương-Ngà | |
| Bước đường mới | 3.00 |
| Phan-Quang-Định | |
| Kim-Tự-Tháp | 2 00 |
| Nam-Cao | |
| Nửa đêm | 2.00 |
| Phạm-huy-Toại | |
| Một mối tình | 3.00 |
| Thiếu-Sơn | |
| Câu chuyện văn-học | 4.00 |

Permis d'imprimer N° 9/IPP en date du 5-1-1944
délivré par le Service Local de l'IPP du Tonkin.

Võ phi Hùng, Cựu HS Petrus Ký, 67-74

gởi tặng Kho sách xưa của Quán Ven Đường